

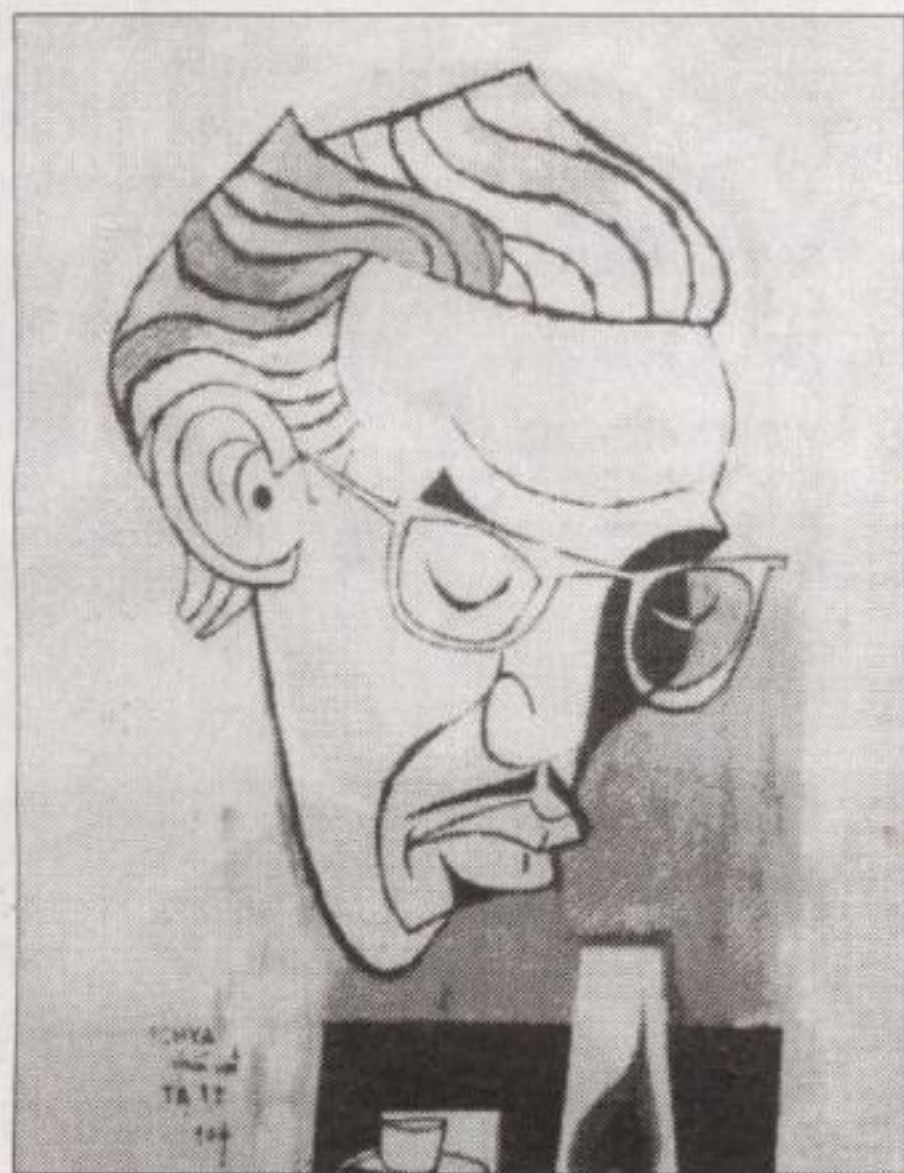
Khởi Hành

TẠP CHÍ NHẬN ĐỊNH SÁNG TÁC SINH HOẠT VĂN HỌC NGHỆ THUẬT

Chủ Nhiệm Chủ Bút: **VIÊN LINH**



LÊ VĂN TRƯỞNG



TCHYA ĐÁI ĐỨC TUẦN

KÝ GIẢ LÔ RĂNG

BẠN TÙ SƠN LA

ĐẶNG TIẾN

CẦU HIỀN LƯƠNG

LÊ HUY OANH

CÁC NHÂN VẬT NỮ

KHÔNG THỂ QUÊN

TRONG TIỂU THUYẾT TIỀN CHIẾN

VIÊN LINH

20 NĂM VĂN HỌC HẢI NGOẠI



NĂM THỨ III ■ SỐ 33 ■ THÁNG 7.1999

Khởi Hành

NGUYỆT SAN SÁNG TÁC SINH HOẠT
NHẬN ĐỊNH VĂN HỌC NGHỆ THUẬT
Sáng Lập: Anh Việt TRẦN VĂN TRỌNG



CHỦ NHIỆM CHỦ BÚT:
VIÊN LINH

THƯ TỬ LIÊN LẠC:
P.O. BOX 670
MIDWAY CITY, CA. 92655

TOÀ SOẠN:
5413 W. FIRST STREET #C
SANTA ANA, CALIF. 92703
TEL: (714) 554-1886
FAX: (714) 554-7086

ĐẠI DIỆN TẠI NGOẠI QUỐC:

PHÁP:

■ **Mme PHẠM THU HƯƠNG**
Nhà Xuất Bản AN TIÊM
3, RUE VINCENT VAN GOGH
95170 DEUIL - LA - BARRE,
FRANCE
TEL: 01-39-84-00-84

■ **Mme VŨ LAN PHƯƠNG**
ĐÀO VIÊN RESTAURANT
82 RUE BAUDRICOURT
75013 PARIS, METRO TOLBIAC
TEL: 01-45-85-20-70

Báo có đủ từ số 1 bày bán tại
Nhà Sách Nam Á, Quận 13
Nhà Sách Khai Trí, Quận 13

ĐỨC:

Mr. THẾ DŨNG
MELLEENSEE STR. 43
10319 BERLIN, GERMANY
TEL: 49-30-512-29-74

■ Bài vở gửi báo khác đừng gửi cho Khởi Hành. Cần ghi rõ địa chỉ và số điện thoại. Nếu bài đã phổ biến, vui lòng ghi rõ đã đăng báo nào. Ngoài bản in, gửi kèm cho diskette, dạng DOC, ghi rõ nhu liệu sử dụng VNI, VNU, VPS...
■ Chủ bút Khởi Hành toàn quyền cắt bỏ, nhưng sẽ không thêm. Bài đăng trên Khởi Hành không nhất thiết biểu hiện chủ trương của tờ báo. ■ Muốn dùng bài đã đăng trên Khởi Hành, cần có sự đồng ý của Tác giả, hay Chủ nhiệm; tuyệt đối phải nói rõ trích từ Khởi Hành số mấy, tháng nào.

GIÁ BẢO

Giá \$3.50 mỹ kim một số
[Giá dài hạn: \$2.00 mỹ kim một số hay \$24 mỹ kim một năm nếu mua dài hạn tối thiểu một năm 12 số, toà báo chịu cước phí bưu điện].

[Ngoại Hoa Kỳ thêm \$2.00 mỹ kim một số cho cước phí bưu điện. Giá Na Đại thêm \$1.00 mỹ kim một số].

Chỉ phiếu để Khởi Hành, gửi về:

Khởi Hành
P.O. BOX 670
MIDWAY CITY, CA 92655

CÁC NHÀ SÁCH CÓ BÁN KHỞI HÀNH

ONTARIO, CANADA

Trung Tâm THỜI MỞI I
1682 St. CLAIRE AVE

E. HAMILTON, CANADA

Trung Tâm THỜI MỞI II
186 KING STREET

MISSISSAUGA, CANADA

Trung Tâm THỜI MỞI III
55 Dundas St., E # 1

QUEBEC, CANADA

Trung tâm THỂ HỀ TRỀ
2657 Ontario Est, Quebec

MONTREAL, CANADA

Nhà sách TỰ DO
6767 Cote des Neiges # B 5

AUSTIN, TEXAS

MI VIDEO
8557 RESEARCH BLVD # 144

HOUSTON, TEXAS

NGÀY NAY BOOKSTORE
8200 WILDCREST suite 5

GARLAND, TEXAS

MỸ LINH BOOKSTORE
3518 W. WALNUT

DORCHESTER, MASSACHUSETTS

Á CHÂU BOOKSTORE
1429 C DORCHESTER AVE

FALLS CHURCH, VIRGINIA

MINH VĂN BOOKSTORE
2808 GRAHAM RD

LINCOLN, NEBRASKA

VINA MARKET
611 N. 27th ST. # 2

SACRAMENTO, CALIFORNIA

Thư Quán VÂN
6171 STOCKTON BLVD # 180

SAN JOSE, CALIFORNIA

TỰ DO BOOKSTORE
1818 TULLY ROAD suite 158A

SAN DIEGO, CALIFORNIA

THỦY ANH BOOKSTORE
4745 EL CAJON BLVD suite 103

ORANGE COUNTY, CALIFORNIA

Nhà Sách TỰ QUỲNH
9581-83 Bolsa Ave

GARDEN GROVE, CA

Nhà Sách TỰ LỰC
Brookhurst Street

LITTLE SAIGON, CA

Nhà Sách VÂN KHOA
Trông khu Phúc Lộc Thọ

MINNEAPOLIS, MINNESOTA

Nhà sách SÀI GÒN
2750 Nicollet

SAINT PAUL, MINNESOTA

ĐÔNG PHƯƠNG THƯ QUÁN
422 UNIVERSITY AVE #suite 1

PHILADELPHIA, PENNSYLVANIA

THY HỒNG
575 ADAMS AVE

PORTLAND, OREGON

TRANG BOOKSTORE
8211 N.E. BRASEE suite # H

OKLAHOMA, OKLAHOMA

TUYẾT MAI BOOKSTORE
2622 CLASSEN BLVD

ORLANDO, FLORIDA

TIẾN HUNG BOOKSTORE
1120 E COLONIAL DR

LOS ANGELES, CALIFORNIA

Nhà Sách THĂNG LONG
767 N. HILL ST suite 102

TACOMA, WA.

VÂN KHOA BOOKSTORE
721 S. 38th STREET

SEATTLE, WASHINGTON

NAM PHƯƠNG BOOKSTORE
1032 B S. JACKSON ST

SEATTLE, WASHINGTON

VINA BOOKSTORE
1017A S. JACKSON # G

ROSEMEAD, CALIFORNIA

BÍCH THU LINH
8150 E. GARVEY AVE, suite 112

SAN GABRIEL, CALIFORNIA

SAN GABRIEL SUPERSTORE
1635 S. SAN GABRIEL AVE

WESTMINSTER, CA

Nhà sách THIẾP HỒNG
9550 Bolsa Ave, góc Bushard

LITTLE SAIGON, CA

ZIP POST
Góc Dillon-Bolsa Ave

BALÉ, PHÁP

Nhà sách ĐIỂM PHƯƠNG
Quận 13

BA LÊ, PHÁP

Nhà Sách NAM Á
Quận 18

BA LÊ, PHÁP

Nhà sách KHAI TRÍ
Quận 13



Lê Uyên Phương (1940-1999)

VĨNH BIỆT LÊ UYÊN PHƯƠNG

Nhạc sĩ Lê Uyên Phương, tên thật Lê Văn Lộc, đã từ trần tại bệnh viện UCI, Quận Cam, California, vào 2 giờ trưa ngày 29.6.1999, hưởng dương 59 tuổi. Theo tin gia đình, ông mất vì bệnh ung thư phổi.

Lê Uyên và Phương là một cái tên được biết đến như của một cặp song ca trong đó người nam cũng là nhạc sĩ, và họ chỉ hát nhạc của mình. Tên thật của họ là Lê Văn Lộc và Lâm Phúc Anh. Sau này, tại hải ngoại, khi không còn chung sống, người nhạc sĩ xuất hiện một mình trên sân khấu với tên Lê Uyên Phương.

Lê Uyên và Phương xuất hiện lần đầu tiên tại Sài Gòn trong quán cà phê Hầm Gió đường Võ Tánh khoảng năm 1967. Họ hát quán quít như cùng chung hơi thở, trong dòng nhạc yêu hối hả và thiết tha, yêu như yêu lần cuối cùng, không còn ngày mai. Khi đứng hát trên bục gỗ, Lê Uyên Phương không lúc nào rời cây đàn Tây Ban Cầm và Lê Uyên cao hơn chồng năm bảy phân. Họ có dáng dấp của cặp song ca Hoa Kỳ Sonny và Cher; với cùng một bộ râu cho người nam, và cùng một mái tóc rẽ đôi ở chính giữa cho người nữ. Nếu cặp Sonny and Cher ở Hoa Kỳ nổi tiếng với bản I've Got You, Babe thì cặp Lê Uyên và Phương nổi tiếng với bản Tình Khúc Cho Em. Cũng như cặp này, cả hai xa nhau một thời gian thì người nam từ trần. Trước khi từ trần, Lộc lấy vợ nữa, là Lâm Phi Yến, em Lâm Phúc Anh.

Lê Văn Lộc ra đời tại Đà Lạt ngày 6 tháng 8. 1940, là con giữa trong một gia đình có 7 chị

em, ba chị và hai em gái kế tiếp, không rõ người em út là trai hay gái. Anh sáng tác bản nhạc đầu tiên ở Pleiku vào năm 1960, đó là bản Buồn Đến Bao Giờ, bản nhạc mà mãi sau này anh vẫn còn hài lòng. Thầy dạy nhạc của anh là Francois Regor, và nhạc khí anh học đầu tiên là vĩ cầm. Trước sau, Lê Uyên Phương sáng tác được 10 tập nhạc:

1. Yêu Nhau Khi Còn Thơ
2. Khi Loài Thú Xa Nhau
3. Uyên Ương Trong Lồng
4. Bầu Trời Vẫn Còn Xanh
5. Con Người,
Một Sinh Vật Nhân Tạo?
6. Biển, Kẻ Phán Xét
Cuối Cùng
7. Trại Tỵ Nạn Và Các
Thành Phố Lớn
8. Trái Tim Kẻ Lạ
9. Lục Diệp Tố
10. Tình Như Mây Cối Lạ

Năm 1965 Lê Văn Lộc gặp Lâm Phúc Anh, lúc ấy mới 15 tuổi. Lộc 26. Lộc dạy cô bé đàn Tây Ban Cầm. Ba năm sau họ thành vợ chồng. Sau khi Miền Nam lọt vào tay Cộng Sản, Lê Uyên và Phương ở lại tới năm 1979 mới vượt biên. Theo thư của Lộc viết trong trại tị nạn gửi cho Viên Linh thì hai vợ chồng rời cửa Thạch An ở Vũng Tàu vào tháng 5.1979. Thuyền họ cập bến Nam Dương và hai người được đưa vào trại tị nạn Riaw. Lộc đã sáng tác được trên 100 bài trước khi rời bỏ Tổ Quốc. Bài đầu tiên Lộc sáng tác trên đất tự do không phải là một bản nhạc, mà là một bài thơ có nhan đề là *Biển Đen*. Ở trại Riaw, Lộc được thấy một tờ *Thời Tập* của Viên Linh cho nên gửi bài thơ trên cho bạn cũ, và bài này đã đăng trên tạp chí *Thời Tập* số 2, xuất bản tại Virginia vào tháng 7.1979. (Đăng lại trong số này).

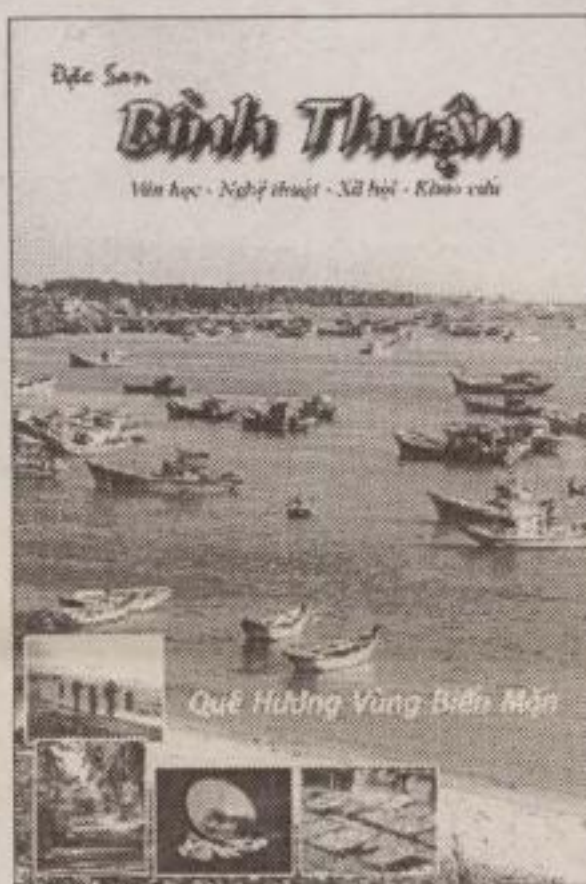
Lê Uyên Phương từng mở một quán cà phê ở hải ngoại, tương tự Hầm Gió của Nam Lộc ở Sài Gòn, lấy tên là LUP, nhưng không thành công. Anh đã đi học khóa đạo diễn điện ảnh ở Hollywood, nhưng chưa quay được một cuốn phim nào thì đã lìa đời.

Theo nhạc sĩ Trương Kỳ thuật lại, thì Lê Uyên Phương cho biết: "Tôi không viết nhạc từng bài riêng rẽ, mà luôn viết thành từng tập ca khúc" cả tập có chung một chủ đề - "một đề tài

phụ trách: HỒ TÙNG NGHIỆP

nhất định mà tôi cố gắng đào sâu tới mức nào tôi có thể".

Trong 10 tập nhạc Lê Uyên Phương để lại, có 4 tập tình ca.



ĐẶC SAN BÌNH THUẬN 1999

Hội Thân Hữu Bình Thuận vừa cho phát hành một đặc san có chủ đề "*Bình Thuận, Quê Hương Vùng Biển Mặn*", 1999; đây 366 trang, khổ sách 5 1/4 x 8 1/4, bìa 4 màu. Trên bìa in một tấm hình chính và 4 hình nhỏ, có cảnh tàu đánh cá, cảnh phụ nữ gánh gồng, xóm dừa, chiếc nón, cảnh phơi gió, thấy đều không có chú thích và tên nhiếp ảnh gia, dù sao những hình này rất đẹp và có ý nghĩa, người xem đoán đó là những sinh hoạt của Phan Thiết.

Đặc san mở đầu bằng bài Bình Thuận 300 Năm của ông Trương Tiến Huân, trình bày tiến trình hình thành tỉnh này, từ khi thành lập năm 1697, cho tới một vài nét về địa lý, kinh tế, hành chánh của tỉnh. Đặc san giới thiệu với người đọc một số nhân vật Bình Thuận có tên tuổi như ký giả thể thao Huyền Vũ, cụ Kỳ Xuyên Công Nguyễn Thông, nhà thơ Hàn Mặc Tử. Kỷ niệm về Phan Thiết được đọc thấy trong bài Công Ty Liên Thành của nữ sĩ Thu Nhi, cố vấn

thành lập của Hội, nhà thơ Huy Lực Bùi Tiến Khôi, và qua những bài như Thờ Cúng Cá Ông của Hồ Đình, Phan Thiết và Những Món Ăn Đặc Biệt của Thúy Sương, Vài Nét Về Trường Phan Bội Châu của Thu Hà...

Đặc San Bình Thuận 1999 là một công trình biên tập hữu ích trong khi ghi nhận sinh hoạt của đồng hương, còn trình bày cho người đọc, nhất là người đọc ngoài Phan Thiết, những hiểu biết về địa danh này của Đất Nước. Bạn muốn biết rõ hơn về Hội Bình Thuận, có thể vào địa chỉ của WEB: <http://www.impact.net/binhthuan/> hay thư từ về địa chỉ sau đây: P.O. Box 2054 G14 Westminster, CA 92683. Phone: (949)489-5618.

"CUỘC CHIẾN CỦA MỘT HẢI QUÂN" QUÂN LỰC VNCH

Âm thầm làm việc, với sự cộng tác của một nữ sĩ Hoa Kỳ, ông Đỗ Kiềm vừa cho xuất bản một cuốn sách thuật lại cuộc chiến đấu của mình, nhan đề *Counterpart: A South Vietnamese Naval Officer's War*. Có những ghi nhận đây là một tác phẩm đáng kể.

Theo chuyên san Publishers Weekly ngày 11 tháng 5.1999, thì cuốn sách có tính cách một tự truyện, nhưng nhân vật chính lại được nói đến trong ngôi thứ ba, về một sĩ quan Hải quân Miền Nam Việt Nam. Sách thuật chuyện người này sinh ra ở Miền Bắc, di cư vào Miền Nam và trong thập niên '50 sang Pháp học trường Hải quân ở Brest.

Theo giới thiệu ở bìa sách, thì Đỗ Kiềm là đại tá chỉ huy phó hành quân của Hải quân khi Sài Gòn thất thủ. Ông là người đã chỉ huy chuyển di tản của 35 chiến hạm và khoảng 30.000 quân nhân rời Việt Nam. Trong sách còn nói đến cuộc đụng độ với Bình Xuyên khoảng giữa thập niên '50, cuộc sống với ông Diệm và Bà Nhu, trận hải chiến giữa Trung Cộng và Việt Nam Cộng Hòa năm 1974...

Sách được đưa đọc trước cho một số nhân vật mà tác giả biết, hoặc quen biết, do đó có những lời phát biểu in ở mép bìa sau của Đỗ đốc (hồi hứ) Paul A. Yost Jr., Thiếu tướng (hh) James



MÙA GẶT TRÊN QUÊ HƯƠNG MIỀN BẮC 1999

Đây là một cảnh hạnh phúc, hay đây là một sự việc đáng buồn, tùy theo cách ta suy nghĩ. Tấm hình do phóng viên AFP chụp tại một cánh đồng tỉnh Hà Tây, cho thấy ba người, trong đó có hai em nhỏ, đang đẩy chiếc thuyền tre đầy lúa vào bờ. Mùa gặt. Nông dân vui khi có gạo mới, nhưng ấu thơ làm lụng việc tay chân là dấu hiệu của đói nghèo. (Hình AFP).

E. Livingston, Đô đốc (hh) Elmo R. Zumwalt... Các vị này hết lời ca ngợi cuốn sách, như là "cuốn sách mọi người phải đọc" (Livingston), "viết hay và nhiều chi tiết" (Robert Olen Butler).

Theo tiểu sử, ông Đỗ Kiềm sinh năm 1933, đã phục vụ 21 năm trong Hải quân Miền Nam. Tới Hoa Kỳ, ông dạy toán trung học và đã học chương trình Cao Học ở Đại học News Orleans, hoạt động cộng đồng ở thành phố này, và trong Mạng Lưới Nhân Quyền Việt Nam. Bản Anh ngữ có sự hợp tác của nữ thi sĩ Hoa Kỳ Julie Kane, cũng dạy học tại News Orleans.

Counterpart: A South Vietnamese Naval Officer' War đã ra mắt vào 1 giờ đến 4 giờ chiều chủ nhật 27.6 tại nhà hàng Paracel Seafood số 15583 đường Brookhurst.

VĂN PHAN VÀ NGƯỜI LỮ HÀNH KHÔNG ĐƠN ĐỘC

Người Lữ Hành Không Đơn Độc là một truyện dài được ghi là "ái tình xã hội thời đại" của Văn Phan, dài trên 350 trang, được ghi nhận như tác phẩm có nhiều gửi gắm của tác giả. Nhạc sĩ Nguyễn Hiền giới thiệu như sau về nội dung câu chuyện:

"Câu chuyện mở đầu giữa một tương sạch của Việt Nam Cộng Hòa với một nữ tù binh cán bộ cấp cao trong hàng ngũ Mặt trận Giải phóng Miền Nam nhưng thuộc thành phần trí thức tiểu tư sản. Từ cơ duyên gặp gỡ ẻo le do

VĂN PHAN NGƯỜI LỮ HÀNH KHÔNG ĐƠN ĐỘC



thời cuộc đưa đẩy đó, đã nảy sinh mối cảm tình đặc biệt giữa đôi nam nữ Tuấn và Phụng.

"Do hoàn cảnh đất nước đổi thay, họ gặp lại nhau trong trại tù cải tạo, theo đó vị thế hai người đã hoàn toàn đổi ngược..."

Cuốn truyện kéo dài 10 chương, cho thấy ngày Tuấn ra trại thì có Phụng đón, họ tỏ tình với nhau, là đã yêu nhau từ lâu. Vợ Tuấn đã sang Mỹ và sống với một người đàn ông khác. Người Lữ Hành không Đơn Độc có một kết thúc màu hồng.

Vẫn theo lời Nguyễn Hiền, văn phong của Văn Phan nhẹ nhàng, làm nhớ tới Bình Nguyên Lộc hay Hồ Biểu Chánh, và kết cấu cho thấy ông chịu ảnh hưởng văn chương Pháp thời lãng mạn, và Tự Lực Văn Đoàn.

Nhà văn Diệu Tấn đọc Văn Phan kỹ hơn. Diệu Tấn mang Mùa Biển Động và Sông Côn Mùa Lũ của Nguyễn Mộng Giác ra để viết rằng vì "không trực tiếp tham gia" việc cầm súng, Nguyễn Mộng Giác "đã mang tâm trạng nhân du cưỡi ngựa xem hoa- còn "Người Lữ Hành Không Đơn Độc" khác nhiều lắm. "Văn Phan thời đại lắm. Văn Phan từ lưng ngựa nhân du, nhảy xuống xông xáo đi bộ".

Trong phần "Vào Truyện", Diệu Tấn có nhận xét như sau về tác giả Người Lữ Hành Không Đơn Độc: "Đích thân (Văn Phan) đã cầm súng Miền Nam để chống lại Miền Bắc nên ông có quan điểm đùng hăn về một phía, dứt khoát. Ông chủ quan, không ngần ngại bình luận, kết luận về sự việc, về con người... Văn Phan trẻ trung, lãng mạn, yêu đời. Nhân vật ngoài phần "lĩnh đủ", chấp nhận mọi gian lao thử thách, khổ nhục... vẫn còn có vinh quang hào hùng."

Vào 1 giờ 30 ngày chủ nhật 18.7.99, cuốn sách được ra mắt tại Trung tâm Công Giáo Việt Nam, góc Harbour và Westminster. Bạn đọc ở xa có thể hỏi mua (giá 15 mỹ kim) tại Văn Nguyễn, 10082 Central Ave, Garden Grove, CA. 92843, ĐT (714) 539-4494.

ĐƯỜNG VÀO VĂN NGHỆ CỦA HOÀNG PHÙNG MIÊN

Nhà giáo Hoàng Phùng Miên mới gửi tặng Khởi Hành hai tác

phẩm, một là *Ưu Quốc Thi Tập*, hai là *Đường Vào Văn Nghệ*. Tập trên gồm những bài thơ sáng tác trong nhiều năm của tác giả, tập dưới là sưu tập những suy nghĩ của ông về Văn nghệ.

Chính tác giả viết như sau trong "Vài Lời Của Soạn Giả": "Đường Vào Văn Nghệ là một vận dụng tổng hợp kiến thức và kiến văn trong thời gian học tập, giảng dạy và nghiên cứu văn học Việt Nam... lấy những sách giáo khoa của Trần Trọng Kim (Luân Lý Giáo Khoa Thư), Bùi Kỷ (Quốc Văn Cự Thể), Vũ Đình Long (Quốc Văn Độc Bản), Nguyễn Quang Oánh (Sơ học Độc bản) v.v... làm căn bản. Kế tiếp là những sách giáo khoa của Dương Quảng Hàm, Nghiêm Toản, Nguyễn Tường Phượng, và sau này."

Quý bạn có thể liên lạc với tác giả Hoàng Phùng Miên qua địa chỉ 3523 W. Savanna St # 5, Anaheim, CA. 92804.

NỮ DANH CA MARIAH CAREY CHƯA CHỊU

Mariah Carey là thần tượng của nhiều nữ ca sĩ Việt Nam hiện nay, nhất là về cách hát, giọng hát, nhiều người đang bắt chước cô. Thế nhưng cô vẫn độc thân. Dù sao đội phóng viên chụp hình những chôn lui tới ban đêm của giới văn nghệ sĩ vừa rồi có chụp được tấm hình Mariah Carey trong cảnh rất thân mật với Luis Miguel, cũng là một ca sĩ, bên ngoài một tiệm ăn ở New Ước.

Sau khi tấm hình in lên báo, phát ngôn viên của người nữ ca sĩ nói rằng cô Mariah Carey không có ý định thành hôn trong lúc này.



KIẾU ÁO TẮM DA HỘI 2000 CỦA CÉLINE

Cái tên của kiểu áo mới của Céline, tác giả là nhà tạo mẫu thời trang Michael Kors, nghe hơi khúc mắc: một kiểu áo tắm dạ vũ thân mật.

Cho tới nay nhiều người đã bức mình về chữ thiên niên kỷ, vì thật sự, năm 2000 là năm cuối của thiên niên kỷ, chứ không phải năm đầu, nhưng đây là một cơ hội cho nhiều thứ, cho nên giới tạo mẫu y phục thời trang cũng không thể đứng ngoài. Họ nói rằng thế nào bạn cũng đi dự một Bữa tiệc Mừng Năm Mới 2000, và để nghị bạn nên mặc một bộ y phục đặc biệt.

Bà Donna Karan ở Nữ Ước, nhà tạo mẫu mà nếu bạn dẫn bạn gái, hay vợ đi xắm đồ, thì không nên dừng lại ở khu nào có tên bà này, viết tắt là DKNY, trừ phi bạn mới làm thêm 30 giờ ô vớ tai trong tuần- đặt tên cho Sưu tập Năm 2000 của bà ta là Celebration 2000. (Một chiếc mũ lưới trai có 4 chữ DKNY bán với giá 25 mỹ kim, nếu không có bốn chữ này, bạn có thể mua với giá 6 hay 7 mỹ kim ở K-mart, hay 75 xu ở Thrift store).

Nhà tạo mẫu Michael Kors vừa cung cấp cho nhà Céline



EUGENE GARCIA/The Register

POET AND ESSAYIST: Te Sy Nguyen reads from his book of poems, 'Chants D'Ya,' at a Khoi hanh newspaper office in Santa Ana.

CULTURE:
Local ex-patriate artists say artistic freedom is a myth under Vietnam's communist regime.

NGHỆ THUẬT, NHÀ VĂN VIỆT NAM, DƯ LUẬN MỸ

Phòng triển lãm Viên Bảo Tàng Bowers ở Santa Ana, quận Cam, kể từ 25.6.1999 đã trưng bày khoảng 70 tấm tranh của các họa sĩ Việt Nam, hầu hết đang sống ở trong nước, trong một chương trình gọi là A Winding River: The Journey of Contemporary Art in Vietnam. Trong số có những bích chương tuyên truyền (xem bài Viên Linh trong số báo này). Nhiều cuộc biểu tình của cộng đồng Việt đã diễn ra bên ngoài bảo tàng viện. Tờ báo lớn nhất địa phương, The Orange County Register đã tới Tòa soạn Khởi Hành để phỏng vấn các nhà văn Nguyễn Sỹ Tế, Nguyễn Tà Cúc, và sau đó cùng đến xưởng họa của điêu khắc gia Nguyễn Thanh Thu, tác giả bức tượng Tiếc Thương, và ý kiến ba tác giả này đã được trình bày sơ lược trong bài Creative Differences đăng trên số báo ra ngày 28.6.1999. Cả ba đã nói với dư luận người Mỹ rằng "Tự do sáng tác dưới chế độ cộng sản chỉ là huyền thoại" (Nguyễn Sỹ Tế); "Bất cứ tác phẩm nào, văn hay vẽ, một khi được mang ra khỏi Việt Nam là đều đã được Cộng sản kiểm duyệt cho phép" (Nguyễn Tà Cúc). Tấm hình này chụp nhà văn Nguyễn Sỹ Tế bên Tủ sách của bốn báo chủ nhiệm, đăng trên trang nhất tờ The Register nói trên. (Hình Eugene Garcia/Register).

một kiểu áo dạ vũ mừng năm 2000, sẽ bày bán ngoài tiệm từ tháng 10.1999, có tên là "The Ultimate Bathing Suit Dress". Cái đặc biệt của kiểu áo này là cái dây đeo cổ, nút buộc ở sau cổ. Dây này có thể rút ngắn, hay buông dài, tùy lúc và tùy ý người mặc. Dây không phải là một ý kiến dở.

MỸ ĐANG TRỞ THÀNH MỘT NƯỚC ĐA THẦN GIÁO?

Lục quân Hoa Kỳ mới đây đã cho phép một nhóm Đa thần giáo hành lễ trong căn cứ của mình, quyết định này đã khiến một số tổ chức Thiên chúa giáo, Do thái giáo bức mình, điển hình là tổ chức Free Congress Foundation. Hôm 6 tháng 7.1999, qua trang tin NewsMax.com, họ đã viết một bài có tích cách khích động dư luận để chống lại những người Đa thần giáo.

Điểm chính yếu của Đa thần giáo là không thờ Jesus Christ, không thờ Mohammed, không thờ Thượng đế của Do thái giáo. Họ có những Thượng đế riêng của họ.

Trước hết, nhóm Free Congress Foundation gọi chủ nghĩa Đa thần là chủ nghĩa điều hành bởi các phù thủy. Họ nói Lục quân không những cho những

KHÁM PHÁ THÀNH PHỐ XÁC ƯỚP

Đất nước huyền bí Ai Cập không ngừng làm ngạc nhiên loài người mỗi khi có một công trình khai quật mới được công bố. Lần này, theo tin của Associated Press, là một thành phố những xác ướp được khám phá, gần Bahariya thuộc Bawti, nằm cách thủ đô Cairo 220 dặm về phía tây nam. Các nhà khai quật, như ông Mohammed Ayadi trong hình, ước lượng thành phố này nằm dài khoảng 4 dặm dưới mặt sa mạc, và có chừng từ 5000 tới 10.000 xác ướp Greco-Roman, cổ khoảng 2000 năm.



YÊU VĂN HỌC, ĐỌC KHỞI HÀNH



TRANH VÀ BÍCH CHƯƠNG VIÊN LINH

Tôi yêu những viện bảo tàng, các tác phẩm nghệ thuật, trong đó có hội họa. Cố giáo sư Nguyễn Đăng Thục, vừa từ trần đầu tháng này tại Việt Nam, trích dẫn Herbert V. Guenther cho biết rằng trong kinh Tiểu Thừa Majjhima-nikaya III, nơi trang 203, có nói về hội họa như sau: "Ở trên đời không có gì phức tạp hơn hội họa, và một kiệt tác hội họa lại càng phức tạp hơn nữa. Họa sĩ của một tuyệt tác đều bị ý ảnh khích động vào chỗ này chỗ kia, hay nét này nét nọ. Vì ý niệm của bức họa mới nổi lên những hoạt động tinh thần tác dụng (trong việc) hoạch định bối cảnh, tô màu, điểm tuyết, và nhuận sắc." Cuộc triển lãm hội họa Một Dòng Sông Quanh Co: Cuộc Hành Trình Của Nghệ Thuật đương Thời Tại Việt Nam khi tới Viện Bảo Tàng Bowers của thành phố Santa Ana, thực sự tới một khúc quanh phức tạp nhất.

Khúc quanh đầu tiên, theo báo *The Register* của Quận Cam hôm thứ ba 22 tháng 6, là tiến sĩ Janet Baker, giám đốc đặc trách về triển lãm nghệ thuật Á châu của Bowers Museum, đã đồng ý loại bỏ một vài bức tranh "có âm mưu tuyên truyền" trước khi phòng triển lãm mở cửa, ngày thứ sáu 25; nhưng hai ngày sau, tin loan ra không có chuyện loại bỏ gì cả, kể cả tấm tranh *Thiếu Nữ Rèn Sắt* vẽ một nữ bộ đội trên cổ áo mang phù hiệu Cộng Sản. Hay tấm tranh khó coi nhan đề *Gái Quê*, vai đeo một vật gì đó, mà có người nói là cổ một cây đàn Tây Ban Cầm. Gái quê nước Việt vùng Hà Nam Ninh hay Hà Tây Hà Bắc, không có thói quen đeo biểu tượng lằng mằng này. Có nhận xét đó là một khẩu AK 47 của thời "chống Mỹ cứu Nước".

Những quanh co khác cũng không kém phức tạp. Họa sĩ Nguyễn Đồng cho biết hôm Ban Tổ Chức mời các họa sĩ Việt tại Quận Cam đi xem trước, ông chỉ được thấy khoảng 10 tấm hình chiếu, trong hơn 70 tấm sẽ được trưng bày, và không được phát *catalog*. Thế nhưng khi các em sinh viên coi, thì lại có *catalog*. Đọc *catalog* thì thấy một trong những người giới thiệu tranh, mà lời giới thiệu in trong *catalog* này, là ông Lê Văn Bằng, Đại sứ của Hà Nội tại Hoa Kỳ. Chiếu slides không đầy đủ, không phát *catalog*, là những phức tạp. Tuy nhiên, phải ghi nhận hảo ý của Ban tổ chức: thực sự họ không cần phải làm thế, họ có quyền không cần phải làm thế, đám di dân thiếu số ba bốn trăm ngàn người ở Quận Cam không có quyền hạch hỏi họ bất cứ điều gì. Về điểm này, riêng tôi thấy có cảm tình với quý vị trong Ban Tổ Chức, trừ phi Ban Tổ Chức chỉ muốn trình bày một nửa của Sự Thật.

Dòng sông nào cũng có hai bờ, Hữu ngạn và Tả ngạn. Phải chăng với Cộng đồng người Việt quận Cam, chỉ có Hữu ngạn của Dòng Sông được Ban Tổ Chức mở cửa, mà đóng lại phần Tả ngạn? Thế trong phần Tả ngạn có những gì?

Ông Hồ Chí Minh từng khuyến cáo các thi sĩ Việt Nam: "Nay ở trong Thơ nên có thép", nghĩa là từ nay Nghệ Thuật phải đóng vai trò tranh đấu. Khi hai nước Mỹ Việt đã bang giao, mà Ban Tổ Chức cuộc triển lãm còn trưng bày những tấm tranh tuyên truyền của thời kỳ chiến tranh chống Mỹ, thì không thích hợp. *Thiếu Nữ Rèn Sắt* là rèn sắt theo lời ông Hồ. Đối với tôi, đây không phải một tấm tranh nghệ thuật; đối với tôi, đây là một tấm bích chương tuyên truyền (propaganda poster). Tôi sẽ đồng ý giữ lại tấm tranh này nếu cuộc triển lãm đổi tên là *A Winding River: The Journey of Contemporary Art and Propaganda Poster in Vietnam*.

Vấn đề đối với tôi không phải ở cô gái quê, ở người thiếu nữ rèn sắt (đúc súng, vì nữ bộ đội không rèn sắt để làm bờ cào - mà ngay chữ *Thiếu Nữ* đã sai, vì thiếu nữ, chỉ những em gái dưới 16 tuổi, không thể là bộ đội, trừ khi Hà Nội bắt lính ở tuổi vị thành niên), vấn đề với tôi là Nghệ Thuật và Chính Trị.

người theo chủ thuyết Đa thần hành lễ trong căn cứ của mình, lại còn cho phép Church of Satan hoạt động luôn. Sau đó nhóm Free Congress Foundation kêu gọi các bậc cha mẹ đừng gửi con vào Lục quân nữa, và đặt câu hỏi vô cùng nghiêm trọng như sau: "Các bậc cha mẹ theo Thiên chúa giáo và Do thái giáo, quý vị có muốn cho con cái mình xung vào Lục quân, là đội quân cho phép Đa thần giáo không? Chúng tôi nghĩ là không. Khi chúng ta tham chiến ngay cả trong cuộc chiến mà chúng ta không thích-, như ở Kosovo chẳng hạn, chúng ta cầu khẩn Thượng Đế che chở cho quân

nhân của chúng ta. Nếu Lục quân cho phép cầu nguyện các Thượng đế của Đa thần giáo, bộ Thượng đế của chúng ta lại còn tiếp tục che chở cho dân của Ngài à?".

Đa thần giáo tại Hoa Kỳ là những nhóm nhỏ, tuy vậy sự tổ chức của họ chặt chẽ. Mục sư Pat Robertson của Liên hiệp Thiên chúa giáo mới đầu đã ký tên ủng hộ nhóm Free Congress Foundation tẩy chay Lục quân - nhưng hôm sau lại rút tên ra. Ông này biện minh rằng ông không ngại một nhóm nhỏ phù thủy, mà ngại nếu phải bức ép tự do tín ngưỡng. Không những thế, chương trình truyền hình

NGHỆ THUẬT LA MÃ THẾ KỶ XVI MAY MẮN DU HÀNH QUA BẮC MỸ

Nếu viện bảo tàng Capitoline Picture Gallery ở La Mã không phải trùng tu, thì khách thưởng ngoạn nghệ thuật sẽ không có dịp tới Hartford, Hoa Kỳ, hay sau đó Toronto, Gia Nã Đại, để xem tận mắt những tác phẩm của Michelangelo Merisi da Caravaggio (1573-1610), trong có bức *St. John the Baptist* (vẽ năm 1600) là một bức không ngừng gây bàn cãi. Tranh vẽ cực kỳ tương phản giữa sáng và tối, hình một thanh niên khỏa thân, với một con dê, trên mặt nở nụ cười ngượng ngáp. Các nhà họa sử, sử gia chưa chắc đã có phải thánh John như tên của bức tranh hay không. Lý do: chuyện thánh John có liên hệ tới con cừu, chứ không phải con dê. Người liên hệ tới con dê là Isaac: chuyện kể Isaac sắp bị cha là Abraham hy sinh thì Thượng Đế ra tay cứu, thay vào đó bằng một con dê. Tấm tranh dù sao vẫn có tên nguyên thủy là *St. John the Baptist*.





XE ỦI ĐẤT DO THÁI RỐT NHẦM XƯỞNG ĐỒ ĐÁ CỔ 2500 NĂM

Theo Do Thái giáo, các vật dụng được dùng trong thánh lễ ở Ngôi Đền Thứ Hai, xây xong năm 515 trước Tây lịch kỷ nguyên ở Jerusalem đã bị người La Mã phá hủy vào năm 70 A.D. Đền này là trung tâm thờ phụng của Do Thái giáo thời đó. Đền này được xây trên nền cũ của Đền Vua Salomon, bị người Babylonian phá hủy năm 587 trước Tây lịch kỷ nguyên. Các vật dụng thờ cúng phải làm bằng đá, vì đá không bị ô uế bởi máu súc vật giết thịt làm lễ, hay kinh nguyệt của phụ nữ. Trong tháng 6.1999, một chiếc xe ủi đất đang hoạt động thì rớt xuống một cái hầm: đó chính là nơi người ta chế tạo đồ thờ cúng cho Ngôi Đền Thứ Hai. Nhiều công vật dụng còn xếp cao tới trần hầm. Trong hình: nhà nữ khảo cổ Vered Barzel đang trầm tư trước các vật dụng thờ cúng cổ tới 2500 năm. ■

700 Club Television của ông còn chiếu buổi cầu nguyện của nhóm Đa thần giáo ở gần đài Jefferson Memorial. Dĩ nhiên là nhóm này, do ông John Machete đại diện, cảm ơn Hệ thống Truyền hình Cơ đốc giáo và Mục sư Pat Robertson hết lời. Nhóm Free Congress Foundation dè bĩu rằng Đa thần giáo thờ Quỷ Sứ, và nhóm Cơ đốc theo ông Pat Robertson bao dung Quỷ Sứ, vì bị ảnh hưởng của các bà.

Nhóm này còn dẫn chứng vụ Dân biểu Bob Barr của tiểu bang Georgia lên tiếng cảnh giác tôn giáo người Da Đỏ dùng ma túy (peyote) trong việc thờ cúng, và đặt một câu hỏi cũng rất nghiêm trọng là "Hỡi các bậc cha mẹ có con vào Lục quân, quý vị có muốn gửi con mình lên một chiếc máy bay do

một phi công dùng peyote lái không?" (Peyote, tiếng Mỹ, là thứ nhựa của loại xương rồng lùn, nếm vào sẽ gây ảo giác như ma túy). Nhóm này còn nói, kể từ xa xưa, trong Cựu Ước, Môi-se nói rằng chỉ có một Thượng đế là thật mà thôi. Rằng Đa thần giáo đã cầm tù người Do thái hàng thế kỷ đó, không nhớ sao? Rằng Đa thần giáo từng tra tấn người theo Cơ đốc giáo hàng thế kỷ đó, cho đến khi được Hoàng đế Constantine giải phóng và ban hành luật công nhận Cơ đốc giáo là tôn giáo hợp pháp duy nhất, quên rồi ư?

Bài báo tự hỏi Nước Mỹ có đang trở thành một quốc gia Đa thần hay không? Và nếu phải, người bị Đa thần giáo hành hình đầu tiên chính là mục sư Pat Robertson. (Viết theo Paul M. Weyrich).

Tôi yêu Nghệ Thuật, do đó tôi yêu Viện Bảo Tàng. Tôi đặc biệt yêu Bowers Museum của thành phố Santa Ana với kiến trúc vòm cong và tường dày của dân tộc miền nhiệt đới, những người cư ngụ ở miền đất này trước khi nó trở thành Miền Viễn Tây của Hiệp Chúng Quốc Hoa Kỳ, do đó tôi mong Bowers Museum nên tách rời Tranh Nghệ Thuật và Bích Chương Tuyên Truyền. Ferdinand Victor Eugène Delacroix (họa sĩ Pháp, 1798-1863) khi vẽ "Liberty Guiding the People" hay Pablo Picasso (họa sĩ Tây Ban Nha, 1881-1973) khi vẽ "Guernica" là vẽ sự tàn bạo của chiến tranh, và đứng trên quan điểm của nạn nhân mà vẽ, vì người nghệ sĩ đích thực, chân chính, không đứng về phía kẻ chiến thắng (Tranh Delacroix gây tranh luận vì những hậu ý khác). Quý vị trong kế hoạch Dòng Sông Quanh Co chỉ đứng về phía kẻ chiến thắng, mà lại đem những tấm bích chương tuyên truyền của kẻ chiến thắng để triển lãm tại một nơi có các nạn nhân của họ, là quý vị làm công việc tương tự của Trần Trường, mang các biểu tượng của Cộng Sản dương danh nơi những người đổi mạng mình trên biển tìm Tự Do, quý vị đang làm công việc có tính cách phi nghệ thuật. Tôi nghĩ cuộc triển lãm của quý vị là việc làm mang Nghệ Thuật phục vụ Chính Trị, và Thương Mại. Được biết rất nhiều công ty đang đầu tư vào Việt Nam tài trợ cho quý vị, cho nên nếu còn giữ những tấm bích chương ấy trong cuộc triển lãm, Bowers Museum lần này đã hạ thấp Nghệ Thuật, chứ không phải đề cao Nghệ Thuật.

Tôi cũng sẽ chấp nhận điều ấy, vì chúng ta đang sống trên Đất Nước dân chủ và tự do mà tôi ngưỡng mộ, nay là Quê Hương thứ hai của tôi, vì tôi đồng ý với André Malraux: Nơi nào có Tự Do, nơi ấy là Quê Hương tôi. Duy một điều, xin trở lại Đức Phật và Hội Họa của tôi, để kết luận cho bài này.

"Một hôm, Đức Phật hỏi các Tỷ khưu:

—Này Tỷ Khưu, con đã từng trông thấy bức danh họa nào chưa?

—Thưa Thế Tôn, đã!

—Này Tỷ Khưu, bức danh họa ấy là do tâm thức tạo ra. Nhưng, Tâm Thức còn nhiều sắc thái hơn bức họa ấy". (Nguyễn Đăng Thực, tạp chí Tư Tưởng, Viện Đại Học Vạn Hạnh, số 8, Năm Thứ Ba, 1 tháng 12.1970).

Những bức họa trong cuộc triển lãm Một Dòng Sông Quanh Co chỉ là một phần của tâm thức những người tổ chức: cuộc triển lãm trên không phục vụ nghệ thuật, mà phục vụ một tâm thức phức tạp hơn nhiều. Nếu quý vị phục vụ Nghệ Thuật thuần túy, quý vị không nhờ ông Lê Văn Bằng, Đại sứ Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam, viết những lời giới thiệu in trong catalog của cuộc triển lãm.

Tôi yêu những Viện Bảo Tàng, các tác phẩm nghệ thuật, trong đó có hội họa. Còn triển lãm bích chương rèn sắt đúc súng và ôm AK 47 bên trống đồng Đông Sơn hay tranh của Nguyễn Gia Trí, Lương Xuân Nhị, là Viện Bảo Tàng Bowers phần nào những lạm tư cách chân chính của những nghệ sĩ khác, có tranh bày bên cạnh những tấm bích chương kia. ■

Little Saigon, thứ bảy, 26.6.1999



Ỡ Lan Boureau

TAM NGUYÊN Ỡ LAN

Mỗi năm vào tháng 6, bộ Giáo Dục Pháp tổ chức thi đua học sinh trung học xuất sắc, gọi là Thi Toàn Quốc, Concours

General, cho hơn 50 bộ môn.

Trong cuộc thi năm nay lần đầu tiên có một thí sinh đoạt 3 giải cùng một khóa, lại là một cô gái Pháp lai Việt, cô Ỡ Lan Boureau, 16 tuổi, học sinh ban Toán trường Louis le Grand nổi tiếng tại Ba Lê, đoạt 3 giải dịch xuôi tiếng La tinh, dịch ngược tiếng La tinh và dịch ngược tiếng Hy Lạp (sang tiếng Pháp). Bố người Pháp là giáo sư Vật Lý, mẹ người Việt làm nghiên cứu về sinh học.

Ỡ Lan xưa nay vẫn là một học sinh xuất sắc, chuyên về kho. học, đàn hay, vừa dương cầm lẫn võ cầm, lại tập múa ba lê. Ham đọc sách, chủ yếu là văn học cổ điển. Các lớp dưới, cô không học La tinh, từ cấp ba mới học, tự học, và học nhảy, để hôm nay được xem là vô địch cổ ngữ.

**CÁCH MẠNG VĂN HÓA
TÂY TẠNG, JOAN CHEN
VÀ PHIM XIU XIU**

Các phim *Kun Dun* hay *Bảy Năm Ở Tây Tạng* thật sự đã không được quay ở trên đất Tây Tạng, như phim *Xiu Xiu* của nữ đạo diễn Joan Chen. Đây là cuốn phim mở đầu sự nghiệp đạo diễn của cô, nữ tài tử xinh đẹp của các phim *Hoàng Đế Cuối Cùng*, *Twins Peak*, *Wild Side* hay *Judge Dredd*. *Xiu Xiu*, *The Sent Down Girl* khởi chiếu vào thứ sáu 25.6.99 tại các rạp hát tại Hoa Kỳ.

Câu chuyện về thiếu nữ Xiu Xiu xảy ra trong thời kỳ cách mạng văn hóa ở Hoa Lục. Sau một buổi lễ tụng bưng hương danh các thanh thiếu niên giác ngộ Cách Mạng ở Thành Đô, Xiu Xiu (do cô Lu Lu, 15 tuổi, đóng) được gửi về vùng quê trong chương trình thực tế lao động.

Sau gần một năm làm việc, trong cực nhọc khổ, Xiu Xiu muốn trở về. Nhưng cô bị gửi đi xa hơn nữa: qua Tây Tạng học cách nuôi và luyện ngựa, để khi trở về Thành Đô sẽ xung vào Đội Nữ Kỳ Mã của Mao Trạch Đông. Cô phải sống chung lều với Lao Jing (Lop-sang), một người đàn ông Tây Tạng hiền lành, bị mất bộ phận sinh dục trong một tai nạn, được toán cán bộ Trung Cộng coi là vô hại, dễ thương.

Hết hạn 6 tháng: không ai

THƠ ĐEN THƠ VỊNH



THÁI CUỒNG

ĐẤT SỎI CÓ CHẠCH VÀNG (*)

Tuần hoàn, âm cực phải sinh dương
Đất sỏi đôi khi có chạch vàng
Trong chốn rừng hoang sinh ngọc quế
Giữa vùng sắt máu nảy Thu-Hương
Văn nhân khảng khái bài gian ác
Bút thép ngang nhiên đá bạo cường
Bất chấp ai kia rình ám sát
Khá khen gái ấy quả phi thường!
Hè, 1999

(*)Tục ngữ ví trường hợp: trong đám người tầm thường hoặc hạ tiện, nảy sinh một người xuất chúng. Giữa đám nhà văn nịnh bợ cường quyền Hà Nội có Dương Thu Hương nhiều lần can trường lên tiếng chống đối.

đón Xiu Xiu trở về. Cô nhận ra cô đã bị bỏ rơi, tổ chức không còn nhớ đến cô, và việc trở về Thành Đô là chuyện cực kỳ khó khăn. Nhiều cán bộ tỉnh hứa đem cô về, và trong suy luận "cách mạng" của cô gái 15 tuổi:

điều ấy chỉ xảy ra nếu cô chịu cho họ làm tình. Rất nhiều người đã làm tình với cô, và không ai giữ lời hứa hết. Lao Jing không biết làm gì hơn là quan sát, thương hại, và phẫn nộ. Mỗi lần cán bộ tỉnh xuống,

THƠ TRÊN RA DỒ

Ca, vè lớn vờn tràn đầy
Thoạt nghe đã phải khen hay lạ lùng
Sai vắn, khổ độc lung tung
Thơ thì "cóc" phải, cũng không thành vè
Lòng thông, thậm thuật, lẽ thê
Ước vài trang giấy chưa hề chịu ngưng
Nhiều câu cộc-lỗng, nhát gừng
Thả mình mơ mộng chín từng mây xanh
Nghe thơ quảng cáo càng kinh
Ba câu, bốn chữ lưu hành khắp nơi
Trên đài ra rả, khơi khơi
Những nhà những nhặng như lời cãi nhau
Đặt về nào có chi đâu?
Xuôi tai, dễ đọc, nối nhau hợp vần
Ngán thay chẳng mấy ai cần
Ngó qua thể lệ thơ văn thông thường
Cung đàn vẫn gảy ngang xương
Âm thanh chất chứa, âm vang khắp trời
Ngaoáy tai thiên hạ mà chơi
Dọc ngang ngòi bút, coi Trời bằng... vung
Thì, ca biến thể vô cùng
Càng nghe càng thấy hãi hùng cho... thơ.
Loạn ly, loạn cả ngôn từ.

Houston, 98

Mới đây cô nói với đài RFI ở Pháp, Cộng Sản V.N. khủng khiếp hơn Tàu Cộng, vì Tàu Cộng để xảy ra vụ chống đối ở Thiên An Môn, còn Việt Cộng bóp cổ người chống đối trong bóng tối.

Xiu Xiu thân nhiên làm tình với họ, bên kia một tấm màn. Mỗi lần, cô nắn nỉ Lao Jing đi lấy nước sạch để tắm rửa. Để có nước, chàng Tây Tạng phải phóng ngựa đi về khoảng 10 dặm đường, và mang về một bình nước vài lít.

Một câu chuyện như thế nhất định không thể được phép quay ở Hoa Lục. Thế nhưng Joan Chen quyết định phải quay tại chỗ, Hoa Lục và Tây Tạng.

Trước hết, và điều này cô rất ngại nói đến, song là sự thật: cô phải nói dối nhà cầm quyền. Joan Chen nộp đơn xin quay một cuốn phim gì đó, song trong khi quay phim ấy, sẽ quay phim riêng của mình, *Xiu Xiu*, *The Sent Down Girl*.

Xiu Xiu, *The Sent Down Girl* có nhiều cảnh đẹp, đẹp trần trụi, và cảnh cô bé rửa ráy trong một cái chậu thau nhỏ, cảnh mà tác giả Yen Geiling dùng làm nhan đề cuốn truyện *Heavenly Bath*, diễn đi diễn lại nhiều lần trong phim-, gợi lên sự dơ dáy tội nghiệp và niềm tin đáng xấu hổ mà cuộc Cách Mạng Văn Hóa ở Trung Cộng có thể tạo ra được, nơi thể hệ Joan Chen.

Khởi Hành, Nguyệt San Văn Nghệ
Nhiều Tài Liệu Nhất.
Mỗi Số Báo Là Một Công Trình
Mỗi Bài Viết Là Một Chọn Lọc.
Bán Chạy Nhất
Hiện Nay Tại Hải Ngoại

ĐÓN NGÀY HÈ DÀI NHẤT TRONG NĂM Ở STONEHENGE

Mỗi năm chỉ có hai ngày mặt trời chiếu sáng lâu nhất xuống trái đất, là ngày 21 tháng 6, khi mặt trời lên tới đỉnh cao nhất của bắc bán cầu, và ngày 22 tháng 12, cũng vậy ở nam bán cầu. Hôm thứ hai 21.6.1999, khoảng 200 người đã tới khu đá dựng thời Tiền sử Stonehenge, trên cánh đồng Salisbury ở Anh, để đón mừng mặt trời, chỉ có khoảng 150 người vào lọt, số còn lại bị cảnh sát ngăn chặn. Hôm đó ánh sáng mặt trời chiếu xuống lâu khoảng hơn 14 giờ đồng hồ. (Hình Jay Williams/AP).



NHỮNG DÒNG SÔNG PHÂN LY

DƯƠNG NGHIÊM MẬU

Anh Nguyễn nói: cậu cũng dân Sơn Tây hả. Tôi mỉm cười và trả lời: anh định lập Hội ái hữu Sơn Tây đó sao? Không. Mậu dân Hà Đông. Anh Nguyễn nói: sao lại thấy những Cổ Thổ, Thạch Thất rồi sông Đáy...?

Tôi nói về quê tôi, một làng nhỏ nằm bên bờ sông Đáy nhưng thuộc tỉnh Hà Đông, ngày chạy giặc tản cư đưa tôi và gia đình vượt qua sông Đáy sang Sơn Tây, tôi ngang qua Phượng Hiệp, ngang qua Hương Ngải, vượt qua sông Xưa để sống những ngày dài ở Trúc Động, thuộc Thạch Thất tỉnh Sơn Tây... và đó là lời giải thích với anh Nguyễn, cũng là một giải thích về những vùng đất mà một số nhân vật của tôi đi đã đi qua, đã sống...

Hai mươi năm đã trôi qua, quê hương khuất bóng như không hẹn ngày trở lại, nhưng tất cả như lúc nào cũng vẫn ghi khắc, trong những ghi khắc ấy có một quãng của sông Đáy, con sông mà trong một cuốn truyện dài của tôi, người cha đã theo con sông ấy trở về, nhưng trên dọc cuộc hành trình, những người cộng sản đã lật úp con thuyền nhỏ và xả súng bắn xuống, người cha không chết, trở về chui trong một cái hầm nhiều năm và vẫn không quên mình là một đảng viên Việt Quốc, những Nguyễn Thái Học, Xứ Nhu vẫn là những nhân vật phi thường, quen thuộc... Tôi có gần 15 năm thơ ấu sống bên giòng sông ấy, sao lại là sông Đáy, những giòng sông khác đều không có đấy sao?

*Sông sâu còn có kẻ dò,
lòng người ai dễ mà đo cho cùng.*

Sao lại là sông Đáy, từ xa xưa cho tới hôm nay thỉnh thoảng vẫn tự hỏi như thế, và mỗi lần nhớ về quê nhà tôi lại nhớ tới giòng sông thân yêu kia.

Sông Nhị Hà về tới Việt Trì thì chia ra làm hai, một nhánh là sông Đáy, một quãng ngắn chạy ngang qua quê tôi, nó chia cách hai tỉnh Hà Đông và Sơn Tây, ngắn hai bên bờ sông. Quãng chạy qua quê tôi là một con đê, bên kia là Thượng Hiệp, còn bên này thuộc về Xấu Giá, làng tôi ở ngay bên này bờ đê cao, bên kia là sông, nói thế nhưng thực ra từ bờ đê tới lòng sông còn cả một khu bãi rộng, đó



Cảnh đồng quê Việt Nam trong chiến tranh 1960-1975

là bãi bồi, và trong đời tôi chỉ có hai lần tôi thấy nước sông tràn về bên này bờ đê, và đó là những lần kinh hoàng đối với mọi người, tiếng trống ngũ liên đêm ngày, ven đê không được ai bước chân tới nhất là với trâu bò...

Nước tràn về là có lụt, là vỡ đập Phụng. Trong những ngày đó lòng sông mở rộng mênh mông, trên đó phơ phất những ngọn cây như đám cỏ. Nhưng vào mùa hè, mang trâu ra sông tắm, tôi phải băng qua khu bãi bồi, những nương dâu mía và lòng sông hiện ra nhỏ bé, nhiều quãng nước chỉ tới đầu gối, nước trong vắt nhìn rõ những con cá mương bơi lội phía trên lớp cát vàng óng và nước không ngừng chảy... Nước từ đâu chảy về và chảy đi đâu? Đó là những câu hỏi của một thời thơ ấu đã qua.

Giòng sông nước cạn để lại cho tôi nhiều hình ảnh của ấu thời, và trong những ghi nhớ lần đầu, tôi nhìn thấy giòng sông như rộng và hiếm nguy hơn bao giờ hết, đó là lần tôi theo gia đình gồng gánh nhau chạy giặc Tây. Buổi sáng, những cột khói phía Canh Diến, có người nói Tây về tới trạm Trời, buổi trưa khói bốc lên ở Phụng, có người nói Tây đã về tới cầu Phụng... Tiếng súng rơi rạc và xa, buổi chiều dân làng được huy động ra đầu làng dẫn ngã cây gạo lớn nằm bắt ngang con đê với hy vọng cản bước giặc, nhưng tới đến lệnh tản cư được đưa ra, giặc chỉ còn cách xa ba cây số, ngọn lửa đỏ rực bốc lên từ phía chợ huyện làm mọi người lo sợ, hốt hoảng.

Cha tôi cùng gia đình thu xếp mọi việc và gồng gánh bước ra khỏi nhà, khi lên đê, nhìn lên Phụng, ngọn lửa còn bốc cao, băng qua bãi, vượt qua sông Đáy, chúng tôi ngừng lại trên bờ đê Thượng Hiệp nhìn lại phía bên kia sông. Chứng như lửa đã bốc lên ở đó, mẹ tôi khóc, ông tôi khóc và cha tôi im lặng, tôi cũng đưa em nhỏ hai tuổi trên lưng gù gù gặt.

"Đi đâu mẹ?"

Chứng như tôi đã hỏi mẹ tôi như thế nhưng không ai trả lời, mọi người vẫn không ngừng ngóng nhìn về quê nhà ở bên kia lòng sông và chứng như ngọn lửa đang bốc lên, có phải làng Xấu đã cháy không?

Có người nói tiêu thổ kháng chiến và trong đêm đó gia đình tôi theo làn sóng người chạy đi xa thêm nữa, cha dẫn gia đình vào Trúc Động, nơi có những người cùng họ... Ra đi để rồi lại trở về, lúc đó sông Đáy đã trở thành một ranh giới, bên kia là vùng kháng chiến, bên này là vùng Tề. Lần thứ nhất tôi thấy ý nghĩa một giòng sông của phân ly và chia cắt.

*Khói thuốc xanh dòng khơi lối xưa
Đêm đêm sông Đáy lạnh đôi bờ
Thoáng hiện em về trong đáy cốc
Nói cười như chuyện một đêm mơ*

*Bao giờ trở lại đồng Bương Cấn
Về núi Sài Sơn ngó lửa vàng
Sông Đáy chậm nguồn qua Phủ Quốc
Sáo diều vi vút thổi đêm trăng...*

Nhắc đến sông Đáy, nhắc đến Sơn Tây, người ta nhắc đến thơ Quang Dũng, những bài thơ của một cuộc chiến, một cuộc chiến có tiếng hát, cuộc chiến ấy đã dứt để hôm nay là một cuộc chiến khác, một cuộc chiến không có tiếng hát, không có thơ... Tại sao lại có hai cuộc chiến khác nhau?

Sông Đáy trong thơ Quang Dũng là một sông Đáy buồn, một sông Đáy chia hai vùng, và ở quanh đó một cuộc sống bắt đầu phân ly, nghet thờ, con sông đã trở thành ranh giới, những ranh giới cũng đã xuất hiện giữa những người Việt mà một bên là Việt quốc, một bên là Vệ quốc.

*Giăng giăng mưa bụi qua phòng tuyến
Lạnh vắng chiều sông lạnh đất Tề...*

Nhưng nào đâu chỉ có sông Đáy là những chia lìa, cho đến hôm nay thêm bao nhiêu giòng sông đã phải sống đời sống của sông Đáy khi xưa... Sông Bến Hải rồi sông Thạch Hãn... những giòng sông của chia cách và phân ly... những giòng sông như một hậu kiếp của sông Gianh ngày xưa... Và trong đau khổ, những giòng sông được nhắc đến. Bao giờ để cho chúng ta được nhắc đến những giòng sông trong một cái nhìn khác?

Bốn năm hơn trên đường dài, tôi đã tới ven bờ Bến Hải, đã xuôi Thạch Hãn, đã ngừng lại ở Ô Lâu nhìn giòng nước bên đục bên trong. Tôi cũng đã ngược Tiền Giang, xuôi Hậu Giang từ Tân Châu về Cần Thơ, tôi cũng đã ngồi uống rượu với bạn đường xa bên giòng Bảy Háp, Trèm Trèm... Những bến sông ấy những gợi nhớ, nhưng trong suốt những khung cảnh gợi cho tôi nhớ về sông Đáy thì đó là sông Côn nơi quê hương Nguyễn Huệ... Lòng sông cạn, bãi cát vàng rộng như mênh-mông trong nắng lửa, tôi đã dừng lại nơi ấy, ngồi nơi đầu cầu dưới bóng mát một bụi tre và uống những ngụm bia... Tôi ngậm ngùi nhớ tới một bài Đường Thi:

*Quân tại Tương giang đầu
Thiếp tại Tương giang vĩ
Tương tư bất tương kiến
Đồng ẩm tương giang thủy*

Bây giờ những giòng sông khốn khổ, nó không là nơi cho người ta tâm sự, tương tư nữa, những giòng sông đã mang theo những nhọc nhằn khác, nỗi nhọc nhằn của chia cắt, của phân ly. Những con sông cũng đã không được sống một đời thanh bình hạnh phúc... Bao giờ cho những con sông được sống trở lại là những con sông cho những con thuyền xuôi, thuyền ngang, cho những cây cầu bắc lên không sợ bị giật sập? Bao giờ cho những con sông không còn là ranh giới?

Nhà tôi ở phố Hàng Giấy, khi tới nhà Thịnh và Dân ở phố Hàng Đồng, tôi phải ngang qua Cống Chéo Hàng Lược và phố sông Tô Lịch. Chúng tôi thường đi chơi quanh quẩn với nhau trong khu ngõ Gạch phố Chả Cá và có lần nhắc tới sông Tô Lịch, vậy là nó chảy ở chỗ này, bến sông chỗ này, có phải vì thế có phố Chả Cá không? Rồi chúng tôi leo xe điện lên

Bưởi, ngang qua Thụy Khê, nơi đó Thịnh chỉ cho chúng tôi thấy sông Tô Lịch. Sông đó sao? Khoảng ruộng rau muống, những ao bèo...

Thịnh ở lại Hà Nội, hôm nay Thịnh ra sao, căn gác nhỏ nơi chúng ta ngồi với nhau? Dân đã chết mùa xuân năm Mậu Thân... Thịnh còn nhớ bài thơ Sông Lấp:

*Sông kia rày đã nên đồng
Chỗ làm nhà cửa, chỗ trồng ngô khoai
Đêm nghe tiếng ếch bên tai
Giật mình còn tưởng tiếng ai gọi dờ...*

Sông lấp, người đổi thay... Trần Tế Xương của đất Nam Định đã làm cho một con sông lấp còn mãi, sông mãi, như sông Đuống sông mãi trong thơ Hoàng Cầm với cái nhìn mà trong đó con sông nằm Nghiêng Nghiêng trong kháng chiến...

*Trời kia sui khiến sông nên bãi
Ai khéo xoay ra phố nửa làng
Khua múa trống chuông chùa vãn nước
Xi xèo tôm tép chợ hầu tan
Việc làng quan lớn đi đâu cả
Chỉ thấy dăm ba bác xã bàn...*



Những đổi thay, bao nhiêu dòng sông không còn, bao nhiêu dòng sông sống như chết và có những dòng sông chết nhưng sống.

Lịch sử những dòng sông, ở đó lịch sử một dân tộc, lịch sử một đổi thay làm chóng mặt kẻ sống. Có ai đi mãi trên một dòng sông, nhưng hẳn nhiên, như bao nhiêu người, tôi vẫn mong ở mãi bên một dòng sông ở nơi quê hương, sống và chết với nó. Nhưng có bao nhiêu người được sống như thế trong 20 năm nay? Bên kia sông, bên này sông, những cây cầu được đánh gãy, được nối lại, cứ như thế những phân ranh, đổi thay không ngừng. Và những con người quay cuồng đổi thay, từ tả sang hữu rồi từ hữu sang tả... Nào đâu chỉ những phân ly ở hai bên bờ sông...

Sông cũng chia thành từng khúc, từng bến... Nếu nghe được tiếng than của những dòng sông, nếu nghe được tiếng rên của cỏ cây tâm sự. Sao khúc bi ca ấy chưa được viết? Ai đã nghe thấy mà còn nín lặng? Sao lại nín lặng? Sao không hét lên thành lời? Sao không gào lên thành tiếng? Và tôi nhớ tới lời than của cô gái

quê:

*Trời làm một trận phong ba
Chồng em như đứa bán gà chợ phiên...*

Đâu là tiếng nói của thời đại? Ai là phát ngôn viên? Những đại diện? Nhìn quanh nhìn quất. Có ai trông đợi như thế? Sự phân ly không đưa đến một điểm nào, mỗi kẻ một thế giới, mỗi kẻ là tiếng nói riêng. Hãy nói tiếng nói của chính mình. Như thế đã đủ. Hãy thành thật với chính mình. Nói cho kẻ khác, hãy từ bỏ ngay tham vọng ấy, nói cho riêng mình còn chưa hết hướng chỉ nói cho người khác? Những ai tin tưởng lạc quan? Hãy nói lên tiếng nói ấy. Tin tưởng và lạc quan cái gì? Và hãy tự hoài nghi chính những điều đó...

Diệu chăm chỉ ngồi nghe Ân nhưng mắt nàng nhìn xuống dòng nước. Nàng có cảm tưởng đang cùng Ân đi xuống Thủy Cung cầu xin Long Vương lên mặt đất để giải quyết vấn đề đất nước. Nàng nghĩ tới bình tiên được của Âu Cơ, đến Ngự tinh đến công chúa Sita tình nghịch, và bỗng nhiên mỉm cười...

- Cô cười gì? Ân hỏi.

- Tôi cười anh đang hùng biện một cách, nguy hiểm. Nhưng thôi, ghe chúng ta đã đến quận Đức Dục rồi. Bác lái dì, chúng ta sẽ ghé vào bến nào đây hả bác?

Người lái ghe cất cao giọng trả lời nàng:

- Bến nào cũng được, lên bến nào thì các anh các chị, cũng gặp được đồng bào.

Ân và Diệu cùng đứng dậy, chuẩn bị lên bờ.

Lên bến nào thì các anh các chị cũng gặp đồng bào. Đó là câu nói khép lại một cuốn sách 300 của Nguyễn Lang. VĂN LANG DỊ SỬ được viết rõ ràng với một mục đích trước mắt, là một thứ ngụ ngôn mới.

Với chính truyện kể ý đó đã rõ, nhưng tác giả đã không ngừng lại ở đó, câu trả lời được đưa ra vào một khung cảnh khác, đó là khung cảnh của Việt Nam hôm nay, Đức Dục, một tên gọi có lúc đã làm thế giới chú ý, những trận đánh đẫm máu, nơi diễn hình cho cuộc tranh chấp giữa những người quốc gia với những người cộng sản, hai người trẻ được tác giả đưa xuống một con thuyền và ngược giòng Thu Bồn và trên giòng nước ấy ta nghe thấy họ nói với nhau như:

Không đến nỗi phải làm như thế. Nhưng anh em một nhà phải tìm ra giải pháp chứ, không lẽ cứ mỗi năm đánh nhau một lần, thiệt hại cho dân chúng biết là bao nhiêu?

- Tôi cũng đồng ý với cô là hai người phải ngồi chung lại để tìm ra giải pháp. Nhưng giải pháp nào mới được chứ?... Trong cuộc tranh chấp hiện giờ, anh thấy có biết bao nhiêu người đã và đang lẳng lặng làm công việc hòa giải, hàn gắn, xây dựng tình huynh đệ. Họ làm những việc đó trong hiểm nguy, và cũng như công chúa Sita, họ từng chấp nhận khổ đau từng chịu đựng đau đớn trong da thịt mà không than thở một lời...

(VĂN LANG DỊ SỬ)

Thu Bồn, đó là giòng sông lắng nghe tiếng nói của những người trẻ trên con đường ngược lên Đức Dục. Tự những giòng chữ của Nguyễn Lang đã nói với người đọc. Nguyễn Lang gợi chúng ta nhớ tới Nhất Hạnh, Tâm Quán ở đó lột bút

pháp, và hơn thế nữa ở đó một tấm lòng thiết tha với quê hương dân tộc. Lên bên nào thì các anh các chị cũng gặp đồng bào. Có thực thế không? Bao nhiêu bến sông nay đâu còn người? và bao nhiêu bến sông đây những mìn bấy? Thêm một giòng sông nữa được nói đến trong khốn khổ, tang thương, đó là giòng Thu Bồn...

Sông Đáy được nhắc đến với thơ Quang Dũng, sông Lô được nhắc tới với nhạc Văn Cao, Phạm Duy, sông Đà được nhắc đến với Nguyễn Tuân, Bến Ngự được nhắc đến với Dương Thiệu Tước, sông Hồng được nhắc đến với Phạm Đình Chương... và chừng như tất cả ở đó những ngậm ngùi. Dừng lời của Phạm Duy: *sông vui chôn mẹ, nước bên đục bên trong, những giòng sông chia rẽ...*

50 năm, sông Gianh ghi nhớ một lịch sử. Đã 20 năm Bến Hải trong hiện tại, bao nhiêu con người đã chết với giòng nước ấy? Có cách nào để lấp đi những giòng sông ấy, xóa đi không nói tới nó? Mơ ước của một người đã chết: làm ngôi nhà thống nhất trong giòng sông, nhớ lại làm tôi ngậm ngùi... Có phải như một định mệnh, 30 năm nữa có lẽ cuộc can qua mới tàn? Và lúc ấy: Người lính già tóc bạc, ngồi kể chuyện...

Tết đến, vợ chồng ngồi nói chuyện ngày xưa, nhìn con nhỏ đại nghĩ tới ngày yên bình. Sang năm mình sẽ ăn một cái Tết khác. Những hên và hy vọng mỗi năm nhắc lại. Đôi câu đối đỏ, chữ nhu óng ánh, những bông cúc vàng, bánh chưng... Bao nhiêu người không có Tết dù Tết gần. Nhắc lại chuyến đi hạnh phúc từ sáu năm về trước, trời lạnh, buổi sớm mùa xuân mù sương, những cánh hoa bướm trong khu vườn... Thời gian có là những đổi thay không? Tôi nhìn thấy mọi vật còn mới tinh, như hôm qua.

Một năm mới, những dự định, rồi những dự định có mất đi như những năm cũ, bánh xe quay làm sai lạc, vượt ra khỏi? Nhưng đâu phải vì thế mà không dự định? In một cuốn sách, chờ một chuyến đi...

Có phải chung quanh, mọi lối đều bị bít? Một cái nhìn như thế? Không, phải mở lấy đường, tôi hiểu những khó khăn nhưng chính trong khó khăn tôi đã lên đường như từ hơn mười năm về trước...

Này Viên Linh, nhớ không *Bài Ca Của Những Người Giang Hồ*:

*Sáng ở đầu sông nhớ núi
Đêm nằm trong núi nhớ sông
Có tin về hôm giáp Tết
Số nó bấy giờ long đong... (*)*

Câu nhớ câu quên, lãng đãng những ngày tháng cũ, những câu thơ còn lại có lúc bật reo lên:

*Ở đây sâu đã tan tành
Người đi chưa đủ
Về quanh chiếu gối... (**)*
Trương Minh Giảng, 1974

(*) Thơ Viên Linh, đăng trên *Văn Nghệ Tiền Phong*, Sài Gòn, khoảng 1956, chưa in thành sách.

(**) Thơ Viên Linh, chỉ có 2 câu, không ở trong bài nào.



LÂM CHƯƠNG

NHỮNG BÀI CA PHƯƠNG ĐÔNG

Bài Phương Đông 1

nào ai biết
chiều nay
con trâu xanh lội qua chằm lớn
trải lá gan cùng trời đất
treo trái mật cùng thiên thu
ôi! gió thốc về phương đông
sau lưng
một mặt trời tím máu.

Bài Phương Đông 2

mưa suốt
Trường Giang bờ không ngập
hạn lớn
Trường Giang nước không cạn
nhà ta
con chuột còn được hạt cơm rơi
con mèo con chó manh chiếu rách
lo chi đời đời lạnh!

Bài Phương Đông 3

về đi thôi về đi thôi
trí đoán không hiểu được trời
chân ngắn không đo được đất
chim hồng học bay
cao chín tầng mây
xa ngoài muôn dặm
cũng có lúc
đáp xuống mà ăn
về đi thôi về đi thôi

Bài Phương Đông 4

hầm mình trong nhà cao
bó thân trong áo đẹp
bạn hiền ơi
xin cho tôi về
làm con dế gáy giữa đêm khuya
làm con chim bay ngoài đồng nội
sống không ai hay
chết không người biết

rũ áo mà đi
đời cần chi lưu lại?

Bài Phương Đông 5

Gối đầu lên cội tam
ngoảnh mặt về phương đông
bởi nhiều đũa giường cung
mà ngô đồng rụng lá
bởi những tay cầm cộ
mà màu trời âm u
bởi nấn nót đồn ca
mà tiếng đời bi thiết

nào những ai
hợp sương sớm
thờ cùng cây
ngắm dòng nước chảy
xin cho ta theo
lùa trâu vào núi

THÁI ANH DUY

SÔNG CHA NÚI MẸ

Khởi từ mạch khói hư vô
Lênh đênh huyền thực bến bờ lênh đênh
Khởi từ dom dóm tinh anh
Xuyên hồng hoang xuống
muôn ghềnh phù sinh

Chập chùng non nước hành tinh
Thiếu dương thấp lửa mong manh
Thiên hà
Đường về nghiệp trước bao xa
Lối mòn hoang phế quê nhà tưởng quên

Nông sở con nước cơ duyên
Trối đời ta với Đỗ Quyên ngậm ngùi
Ngày đêm nhớ nước thương nòi
Tiếng nghe xa vọng bên ngoài tử sinh

Chua cay nín mãi mảnh tình
Vàng tan đá nát hợp thành sông Mê
Thì thôi tìm lấy nẻo về
Sông Cha núi Mẹ Đường Quê vẫn chờ
Xuân 96

CẦU HIỀN LƯƠNG

ĐẶNG TIẾN

Như Khởi Hành đã nhiều lần loan tin, trong tháng 4.1999 đã có một cây cầu mới bắc qua sông Bến Hải, thay cho cầu Hiền Lương cũ, cách cầu cũ 20 mét về phía Tây. Cầu mới xây bằng xi măng cốt sắt, dài 194 mét, tốn phí 3 triệu mỹ kim, hoàn tất trong thời gian hai năm.

Tháng này, sau 45 năm ngày Quốc Hận 20 tháng 7, cầu Hiền Lương cũ đã trở thành di tích lịch sử, vì là cây cầu duy nhất nối liền hai miền Nam Bắc Việt Nam, thời chia cắt đất nước, từ 1954 đến 1975 theo hiệp định Giơneó chấm dứt chiến tranh Đông Dương. Hòa ước Giơneó quy định ranh giới quân sự tạm thời là vĩ tuyến 17, cụ thể là sông Bến Hải, cắt ngang huyện Vĩnh Linh tỉnh Quảng Trị, từ Đông sang Tây, từ cửa biển Cửa Tùng đến thượng nguồn biên giới Lào Việt.

Sông quanh co khoảng 100 kilo mét, rộng hẹp tùy địa hình, ví dụ nơi cầu Hiền Lương sông rộng 170 thước, đến Cửa Tùng lòng hẹp lại còn 30 thước. Tùy nơi, sông có nhiều tên gọi khác nhau: sông cửa Tùng, sông Hiền Lương, sông Rào Thành. Trong PHỦ BIÊN TẬP LỤC Lê Quý Đôn gọi là sông Hối: Đầu nguồn là làng Bô Hồ Su trên bản đồ, tiếng Việt gọi là xứ Bô Ho, dân cư thưa thớt, thuộc đồng bào dân tộc Vân Kiều.

Cây cầu Hiền Lương lý lịch nguyên ủy của nó là sản phẩm của chiến tranh, được công binh Pháp xây cất trong chiến tranh Việt Pháp vào năm 1950, vật liệu cũng ngoại lai: sắt thép của nước Anh, ván gỗ của nước Mỹ, cả thủy có 894 tấm, ván cầu made in Virginia. Vật liệu được thả dù xuống và lính viễn chinh cùng với tù binh lắp ghép tại chỗ. Mà phải làm hai lần, lần đầu cầu bị lũ lụt sông Bến Hải cuốn phăng đi.

Cầu Hiền Lương cũ có 7 nhịp, dài 178 mét. Thời phân chia Nam Bắc, mỗi bên quản lý đúng 89 mét, nhưng so số ván lót cầu, thì phía Bắc đôi hơn 6 tấm theo sự đo đếm của nhà văn Nguyễn Tuân qua nhiều bút ký viết về vùng giới tuyến. Màu sơn cầu cũng khác nhau: lúc đầu phía Bắc sơn nâu, phía Nam sơn xanh về sau phía Bắc lại cũng sơn xanh, phía Nam đổi sang màu vàng, đỏ.

Cầu bị máy bay Mỹ đánh sập khi tự do oanh tạc vùng Vĩnh Linh, khoảng năm 1967.

Bản thân một cây cầu là nối tiếp thông thương, ít ra cũng "gợi chút niềm thân mật". Nhưng qua hai mươi năm chia cắt cầu Hiền Lương là một hình ảnh vết thương đất nước. [Tố Hữu có mấy câu thơ: Sông Bến Hải bên bồi bên lở, Cầu Hiền Lương bên nhớ bên thương... Câu thơ mang âm hao tình cảm của một cộng đồng dân tộc bị phân ly, nhưng không có giá trị nhân chứng lịch sử vì Tố Hữu đã làm tại Tam Đảo mùa Hè năm 1973, hơn một năm sau khi quân đội miền Bắc đã dùng đại quân và chiến xa đánh tràn qua vĩ tuyến 17 ngày 30.4.1972 và một tháng sau là chiếm hoàn toàn tỉnh Quảng Trị. Sau đó quân đội miền Nam đã giành lại Cổ Thành Quảng Trị. Nói khác đi, không cần đợi đến 1975, mà ba năm trước đó, một năm trước hiệp định Paris, con sông Bến Hải và cây cầu Hiền Lương đã mất tính cách pháp lý và chính trị. Biểu tượng tình cảm của nó từ đó cũng biến mất].

Tuy nhiên trong lịch sử và tâm cảm nhiều thế hệ Việt Nam, cây cầu Hiền Lương vẫn là một vết thương nhiều năm nhức nhối. Nhà thơ Lưu Trọng Lư, 1958 trong bài: Sông Vô Cửa Tùng, nhìn sang bên kia bờ đất nước, thấy thân phận mình không bằng con chim con cá:

Ngoài khơi con chuồn con nục
Mùa nước trong hay nước đục
Cũng thung thăng biển bắc dòng nam
(...)

Trời trong hay trời động
Con chim con cá
cũng thăng cánh thăng vi
Sao đến chỗ nì

Trước mắt tôi như có hào sâu ngăn lại
Đất Việt Nam người Việt Nam
không bước tới

Mất mãi nhìn / mất mòn
hết nửa con người

Thân đứng đây / thân chết nửa
con người

Lời tôi nói / lời tôi nghe đứt đoạn.

Cũng khoảng thời gian đó, Hoàng Trung Thông có bài Cửa Tùng, Tế Hanh có bài thơ Nói Chuyện với Hiền Lương, nhưng lời thơ giáo điều, khuôn sáo như nhiều thơ tuyên truyền cổ động, ngày nay không còn ai đọc.

Ngay đến những bút ký "giới tuyến" của Nguyễn Tuân viết rất công phu và xúc cảm nhưng quá nặng tính chiến đấu nên với thời gian, đã mất tính cách nhân văn là nền tảng của văn học. Gạn lọc lắm mới cứu vãn được vài đoạn:

"Trong cuộc sống phát triển không đều nhau của các dân tộc trong nhân loại trên vỏ trái đất, cái cầu bao giờ cũng là hình ảnh của yêu thương, của giàu có, của hạnh phúc. Yêu thương, giàu có, hạnh phúc ở một con người, ở hai con người, ở một dân tộc, ở một quốc gia. Bằng tre một cây, bằng gỗ, bằng gạch, bằng đá, bằng sắt, bằng bê tông cốt sắt, cái cầu bao giờ cũng là một niềm vui một nét sống. Một trái tim và một nhịp cầu. Trên cầu, vương vấn những trái tim chân chính. Trong tim, bắc được những nhịp cầu. Bình thường, cái cầu là như vậy. Và cầu Hiền Lương dẫn ra đây là một cái cầu không bình thường. Thường mỗi khi gặp sông mà sông lại có luôn cả cầu, ta yên chí như là đã chực sẵn tại đó một ông đồ quen thuộc, chắc tay, và đúng hẹn. Nhưng tới bờ sông dậm mà nhìn cầu tuyến, chưa khi nào và chưa có người bộ hành yêu nước nào ở Việt Nam lại thấy được mây may yên lòng. Nếu lịch sử tiến lên dạy chúng ta phải qua được cái cầu đó, nếu lịch sử dạy chúng ta rằng hạnh phúc dân tộc ta thể tất phải qua cái cầu đó, và quan hệ bình thường Bắc Nam là phải qua lại được nơi cầu đó, thì hôm nay đây tôi cũng muốn nói rằng nhân loại trên thế giới ở Á, ở Phi, ở Mỹ Latinh, ở Âu, đừng ở đâu, đừng nước anh em nào phải bất hạnh có một cây cầu như cầu Hiền Lương hai mẫu ở nước tôi".

(Cầu Ma, 1963? in lại trong KỶ, 1976, tr 105, Tuyển Tập II, 1994 tr 391).

Thơ "quốc hận" ở miền Nam và "cổ động thống nhất" ở miền Bắc, ngày nay còn một ít bài chịu được sự đọc lại, như Gửi Sông Hiền Lương của Xuân Diệu:



Cầu Hiền Lương cũ, chủ đề sáng tác giai đoạn 1954-1975

Người xinh cái nón cũng xinh
Sông lành sông đẹp cái tên cũng lành
Hiền Lương nước biếc mây xanh
Lòng ta đến đó sao mà quặn thắt?

(...)

Xa gì xa bề ngang chiếc dũa
Chỉ bắc cầu giải yếm cũng vừa sang
Sôi đôi bên mặt anh lẫn mặt nàng
Xa gì xa trong bàn tay mở!
Lên trên nguồn / có bờ dâu nữa
Xuống dưới biển
Cửa sông chỉ vài đôn gánh mà thôi
"Xa chi xa oan xa tức, xa tức xa tối"
Xa không sợ tội với ông trời"
Sóng vô hạn, vô hồi hôn đôi bãi cát
[...]
Một trời đất, có chi là đổi khác?...

Xuân Diệu, quê mẹ Bình Định quê cha xứ Nghệ - "cha dằng ngoài mẹ ở dằng trong" - đau thật sự niềm đau của một đất nước bị xẻ đôi; nên khi nói đến giấc mơ thống nhất, ông có nhiều câu thơ giàu xúc cảm, chưa kể là về nghệ thuật, dù là thơ tuyên truyền, thơ ông cũng điêu luyện hơn nhiều người khác.

Nhưng ngày nay nhắc lại vết thương xưa, con sông Bến Hải, nhịp cầu Hiền Lương bài thơ chúng tôi tâm đắc nhất là của Viên Linh, một nhà thơ Miền Nam, từ Bắc di cư vào Nam rồi từ Miền Nam di tản sang Mỹ, hiện chủ biên tạp chí Khởi Hành tại California. (*)

Cảm ơn câu hỏi đêm qua
Sáng nay giấc mộng quê nhà lại xanh.
"Hỏi rằng Bến Hải Sông Gianh
Bờ Nam bờ Bắc lòng anh bờ nào?"

—Lòng anh quanh quẩn bờ ao
Như con nhện nước ra vào lưới trong.

Cảm ơn câu hỏi bạn lòng
Chỉ xa muôn dặm sao còn bên tôi?
—Đi đâu cũng nước non người
Gần em nghe tiếng khóc cười quê ta.

[...]

Lòng anh không muốn chia xa
Chỉ xin quanh quẩn giữa ta với người.

Anh xin ở giữa cuộc đời
Anh xin quanh quẩn
bên người anh thương.
Cảm ơn em nhé, tình nương
Em đi đâu đó mười phương lại về.
Mai sau em rũ câu thơ
Anh xin bỏ gốc Bồ Đề theo em.

Cảm ơn câu hỏi bạn hiền
Hỏi ta còn nhớ mấy miền thổ nhĩ?
Bạn hỏi bạn hỏi bạn ơi
Ba năm cóc chết, con người mấy năm?

Non cao phượng ẩn hổ nằm
Ao sâu long mạch âm thầm
chuyển mưa.
Ta từ vận nước tiêu sơ
Tào Khê suối cũ trơ trơ một giong

Ta từ thân thế lưu vong
Chiếc hồn phiêu bạt
tắm lòng mưa sương.
Cảm ơn Trời Đất muôn phương
Ta còn một mảnh Quê Hương
điều tàn...

Bài thơ Viên Linh khơi lại tâm tình một thế hệ: đất nước chia đôi, lòng người cũng phân ly. Bây giờ đất nước đã thống nhất, và đã bớt người bỏ nước ra đi, nhưng lòng người vẫn ly tán; và người đi vẫn chưa thấy ngày về. Đâu đây vẫn còn những con sông Bến Hải chia cắt lòng người và cây cầu Hiền Lương mới xây chưa chắc gì đã nối lại được hết những ước mơ dở dang và tình thương nửa đời nửa đoạn. ■

Paris, Pâques, 05.04.1999

(Bài này tác giả viết cho Chương trình Văn nghệ, phần Việt ngữ Đài BBC, phát thanh về Việt Nam trong tháng 4 vừa qua).

TÂM HUYỀN

THƯỜNG LAN CẢM TÁC

Hai bài thơ trích từ thi phẩm
DUYÊN THƠ đang in

Buổi sáng đi xem triển lãm Lan
Chiều về vẫn tưởng lạc trên ngàn
Ngắm rừng hương sắc nghe lòng ấm
Quên ngọn heo may báo tiết hàn
Ngoạn lãm xưa riêng nơi quý tộc
Nâng niu giờ khắc chốn gia trang
Hân hoa đã nở vì tri kỷ (1)
Như Từ Kỳ xưa thấu tiếng đàn.

Montréal, tháng 10/1994

(1) Trong phòng thí nghiệm thực vật học, các nhà bác học đã chứng minh được là Lan biết xúc động và có thần giao cách cảm với người trồng Lan. Nếu được cho nghe nhạc cổ điển Tây phương 24/24 giờ, Lan sẽ nở lớn hơn, lâu tàn và thơm hơn Lan không được nghe nhạc.

HÈ SANG NHỚ BẠN

Vừa mới phi trường tay nắm tay
Xa nhau thắm thoát đã năm ngoài
Cách ngăn vẫn nhớ bao ngày trước
Xum họp còn mong một buổi mai
Cánh nhận đầu trao e giấy ngắn
Nước non khôn vượt ngàn đường dài
Bạn ơi! xứ lạ hè muôn sắc
Vẫn thiếu ve sầu cánh phượng lay

Montréal, hè 1987

TRẦN THẾ PHONG

MƯA KHUYA

Mưa hoài mưa hủy khuya nay
Em xa xôi có lạnh ngày tháng mau
Ngàn đêm xin, một đêm cầu
Phượng người nhỏ lệ, giọt đau tim mình.

TÌM TA

tặng Hồ Tuấn Nhã

Mùa xuân ta đi tìm ta
Ô hay đánh mất ta ra nổi này
Ngàn đêm trong cuộc với đầy
Dang tay mười ngón, đã gầy tuổi xuân

CHIỀU

tặng thầy Trần Hoài Thư

Chiều rồi, nắng xế ngoài sân
Làm sao em đến một lần với nhau
Chiều rồi con nước dâng cao
Mai sau muộn xế mình hao tuổi gầy
Chiều rồi, quốc lộ gọi bấy
Người ơi! nợ nước chất đầy hai vai.

CÁC NHÂN VẬT NỮ KHÔNG THỂ QUÊN

LÊ HUY OANH

*những nhân vật nữ
nổi tiếng thời tiền chiến
qua tác phẩm của
Nguyễn Tuân, Lê Văn Trương,
Tchya Đái Đức Tuấn*

Suốt mấy chục năm, dẫu trong bất cứ hoàn cảnh nào, tôi cũng chẳng bao giờ xa rời tiểu thuyết. Tôi đã đọc không biết bao nhiêu cuốn đủ loại, võ hiệp, trinh thám, xã hội, ma quái, tình cảm, mặc dầu tiểu thuyết đã làm tôi mất rất nhiều thời giờ, tốn phí khá bộn tiền, và khiến tôi trở thành con người kém thực tế nên vụng dại trong việc mưu sinh, vậy mà thực tình tôi chưa hề bao giờ hối hận về cái tính đam mê đó. Bởi vì tiểu thuyết vẫn thường hiến cho tôi những nổi rung động sống khoải, đã dựng cho tôi một thế giới mộng mơ thường trực, và có lẽ chỉ trong cái thế giới mộng mơ đó tôi mới thấy mình say đắm với cuộc sống, mới thấy mình thoát ra khỏi biết bao cảnh nhàm chán, lat lẽo, bí ối, thấp hèn của cuộc sinh hoạt đầy những sự vật lộn, tranh giành về vật chất.

Tôi đã mượn tiểu thuyết để thực hiện một phần nào những ý thích, những khát vọng thường khi có vẻ ngông nghênh hào huyền của mình. Tiểu thuyết đã hiến cho tôi những dịp may kỳ diệu để tôi có thể mở những cuộc phiêu lưu đầy thích thú trong vũ trụ này, trên trái đất này, cũng như trong tâm hồn nhân loại. Nhờ tiểu thuyết, tôi có cơ hội làm quen với hàng ngàn, hàng ngàn những nhân vật đủ hạng. Ở tôi luôn luôn đầy ắp những cái tên của họ, những hình ảnh của họ, đặc biệt nhất là tôi được sinh hoạt chung với họ, vui buồn cùng với họ. Ôi, những nhân vật tiểu thuyết của tôi, những người bạn chân thành nhất của tôi, các người đã tặng cho tôi biết bao thứ kỷ niệm khiến cho cuộc đời nhờ chúng mà phong phú thêm biết bao nhiêu. Thú thật là ngày nay, trong lúc tiếp nhận thêm những bạn mới, tôi đã bội bạc quên đi rất nhiều những "bạn cũ" của tôi. Biết làm sao được, sự quên lãng vốn là bản tính chung của con người!

Thế nhưng vẫn còn một số nhân vật đặc biệt tồn tại trong ký ức tôi và có lẽ sẽ chẳng bao giờ tôi có thể quên hoặc muốn quên họ cả. Hôm nay đây, trong phạm vi bài này, tôi muốn các bạn cùng tôi trở lại thăm một số nữ nhân vật tiểu thuyết Tiền Chiến, những nữ nhân vật vốn dĩ đã chiếm được cảm tình đặc biệt của tôi, nên hình ảnh họ vẫn luôn luôn ám ảnh trí não tôi. Rất mong các bạn cũng sẽ yêu mến

họ như tôi yêu mến họ vậy. Chủ đích của tôi là chỉ nói tới những nhân vật, và trong mỗi tiểu đề chỉ nhắm vào một người mà thôi; vậy nên nếu như trong mỗi tiểu đề, tôi phải nhắc tới những nhân vật khác nữa thì các bạn nên hiểu rằng những nhân vật được nhắc thêm đó, trong phạm vi mỗi tiểu đề, chỉ là những nhân vật phụ; phụ, nhưng sự hiện diện của họ lại cần thiết cho việc làm sáng tỏ một hoặc những sự kiện, trường hợp hoặc hoàn cảnh nào đó liên quan tới nhân vật mà tôi muốn nói tới.

TIẾNG PHÁCH VÀ TIẾNG HÁT CÔ TƠ TRONG CHÙA ĐÀN CỦA NGUYỄN TUÂN

Tôi đã từng được nghe cô Thúy Kiều hoặc nàng ca kỹ bên Tầm Dương gảy đàn. Ngón đàn của họ quả thực tuyệt vời khiến cho tôi phải ngất ngây choáng váng. Thế nhưng tiếng đàn của họ, cũng như bao nhiêu ngón nghề của các trang nữ-lưu khác mà tôi từng được thưởng thức, chưa có những âm thanh nào đã khiến tôi phải khiếp đảm. Chỉ có mỗi một vụ đã làm tôi khiếp đảm: đó là tiếng phách và tiếng hát của cô Tơ, nữ nhân vật trong cuốn tiểu thuyết CHÙA ĐÀN của Nguyễn Tuân.

Nhan sắc, dáng dấp, cô Tơ ra sao, Nguyễn Tuân không tả rõ, vì thế chúng ta chỉ cần tưởng tượng một người đàn bà tam coi như xinh xắn, có duyên nhưng khuôn mặt thường u buồn dưới một vành khăn tang, hết để tang chồng lại phải để tang một khách tài tử đồng điệu. Thật ra, về cô Tơ, nhan sắc, dáng dấp có lẽ không quan hệ lắm; chỉ có tiếng phách và tiếng ca của cô ta mới là điều quan hệ, đáng được chú trọng tới. Tôi vừa nói rằng tiếng phách và tiếng ca đó đã khiến cho tôi phải khiếp đảm, thế nhưng, tôi cần phải nói thêm ngay rằng có lẽ đã chỉ có mỗi một trường hợp, một trường hợp rất đặc biệt, nó mới có đủ yếu tố để trở thành thứ âm thanh có đủ khả năng gây nên một nỗi khiếp đảm kinh hoàng đến như thế mà thôi.

Trường hợp đó là một cuộc hòa âm do định mệnh tạo ra. Cuộc hòa âm đó

gồm ba người. Phách và giọng ca: Cô Tơ. Đàn đáy: Bá Nhỡ. Thẩm âm và trống chầu: Lãnh Út. Đã muốn nghe cô Tơ ca và phách thật không thể không nghe luôn cả tiếng đàn đáy và tiếng trống chầu phụ họa. Lại nữa, cũng cần phải nhớ lại rằng sau khi chồng cô chết đi, cô Tơ đã thể không hát cho ai nghe nữa trừ phi có ai dám đàn vào cây đàn đáy của chồng cô, và theo lời báo mộng của Chánh Thù (chồng cô), thì ai đàn vào cây đàn của ông ta tất sẽ phải chết ngay sau bài đàn để xuống thế chỗ cho ông dưới âm phủ.

Vì quá thương chủ và vì quá đam mê âm nhạc, Bá Nhỡ đã tự nguyện đàn bằng chính cây đàn oan nghiệt nọ. Và đây tiếng phách và tiếng hát cô Tơ, với tiếng phụ họa của đàn đáy Bá Nhỡ và trống chầu Lãnh Út. Bạn nào chưa từng được nghe thì đây là dịp may cho bạn. Bạn nào đã nghe rồi, thiết tưởng rất nên nghe thêm nhiều lần nữa:

Chưa bao giờ cô Tơ thấy rõ cái đau khổ ngậm ngùi của tiếng đàn đáy buổi này. Tiếng đàn hậm hực, chừng như không thoát hết được vào không gian. Nó nghẹn ngào, liềm kết cái u uất vào tận bên trong lòng người thẩm âm. Nó là một cái tâm sự không tiết ra được. Nó là một nỗi ủ kín bức dọc bùng bít. Nó giống như cái trạng huống than thở của một cảnh ngộ vô tri âm. Nó là cái tâm tức sinh lý của một sự giao hoan lưng chừng. Nó là niềm vang dội quặn quại của những tiếng chung tình. Nó là dư ba của bể chiều đứt chân sóng. Nó là cơn gió chẳng lọt kẽ màn thưa. Nó là sự tái phát chứng tật phong thấp vào cử cuối thu dầm dề mưa ẩm và nhứt nhối xương tủy. Nó là cái lả lay nhào lìa của lá bồ cành. Nó là cái lê thê của nấm mồ vô danh hiu hiu ngọn vàng so le. Nó là cái oan uổng nghìn đời của cuộc sống thanh âm. Nó là sự khốn nạn khốn đốn của chỉ tơ con phím. Nó là một chuyện vương vít nửa vời.

Tiếng đôi lá con cổ phách cô Tơ đồn như tiếng chim kêu thương trên dặm cát nổi bão lốc. Nhiều tiếng tay ba ngừng gục xuống bàn phách, nghe tàn rợn nhưng tiếng con cất lao mạnh xuống thêm đá sau



một phát tên. Tay phách không một tiếng nào là nhứt. Mỗi tiếng phách sắc như một nét dao thuận chiều. Và gõ đến như thế thì thật là đem cái vinh quang đến cho tre và trúc và tạo cho thảo mộc một tấm linh hồn. Dưới mười ngón tay hoa múa dẻo quánh, tre trúc bật nảy lên vì thỏa thích. Đàn và hát dặt nhau mà lướt bóng (...)

Nấn những đường gân ngang nó gò cong mình xuống dần, nó day thịt da tề công trên dây sắc buổi như cật nửa, mấy đầu ngón tay Bá Nhở sưng vù và bật máu. Bá Nhở đang chịu một nhục hình bá đao từng xẻo. Nghe phách cô Tư, ở những khổ rung thưa rồi mau, Bá Nhở say sưa trong cái nhận thức mình đang chết dần giữa đàn hát và mỗi tiếng trúc tiếng tơ đánh thêm lên là mình lại càng là dần về cõi chết. Có người tự tử bằng mùi hoa ngát, có người tự tử bằng hơi nhạc. Người đang luyện phím khảo dây bóng nở một nụ cười héo sùng trên hai môi tái (...)

Gân tay cô Tư xuống phách đã có chiều lão đảo vì chuột rút. Hạt châu lầy bầy đọng trên môi người hát, sáng đục như mắt chuẩn chuẩn. Phải nuốt nước mắt mặn chát tuôn đều với máu người đàn đối diện, tiếng hát cô Tư có nhiều chữ buông bắt đã hết vương hết tròn. Tiếng hát đã sa làn rồi khô và mực hát đã có chỗ bưng. Cả hát cả đàn đang dặt tay nhau sa lầy trên cái mệnh mỏng bần sưng ngào vỏ ốc, mở rộng xanh lơ ngút chân trời. Cô Tư rùng mình. Hình như đây là pháp trường đang có những tiếng mõm chiêng đồng. Như ăn phải bát cháo lú bên sông Hắc Thủy, cô mê thiếp đi. Tiếng hát méo dần.

Thoáng một tiếng dây đàn dứt. Cô choàng tỉnh để nhận cái đầu tư ấy bắn vào mặt. Thái dương cô tê dại trong khoảng

khắc. Rồi vững lại tay phách, chỉnh lại hơi cổ hơi mũi, cô Tư hát bây giờ mới vượt qua đỉnh nhọn của thế giới âm thanh. Tiếng hát mọc cánh thăm thăm trong trắng tinh khiết quá pha lê gọt. Cô đang gọi suối đá ngọt trào dâng lên. Tiếng phách trúc diu dan như cô đúc lại được muôn điệu của muôn giống chim. Có những tiếng tre đánh thép, sắc bén đến cái mực cắt đứt được sợi tóc nào vô tình bay qua khoảng nơi phách đang bốc cao vọt mình dậy như vách thành (...)

Bá Nhở ngồi trước mặt kia, sinh mệnh chỉ còn dính vào cuộc đời bằng một vài khổ đàn nữa thôi. Tất bản đàn, là cuộc đời người đang xuống cái đầu gầy bằng sừng bò tốt kia cũng hết luôn. Hơi tư thiếu nảo như lời gởi gắm giới giăng. Nó buồn rộng xa nhòe quá một tiếng lên đường. Thôi thì đây cũng là những tiếng cuối cùng của đời. Cô Tư cố bắt buồng từng chữ cho thật chín mực để kể sắp hết làm người kia đem đi cho thật đầy đủ cái dư âm của cõi sống. Làn hát chênh đi như lời già từ ngưng nghịu."

Kết quả: Bá Nhở đã chết sau bài đàn, đúng như ý muốn của hồn thiêng chống cô Tư. Cậu Lãnh Út khỏi được tâm bệnh này để rồi lại sa vào sâu hận khác. Còn cô Tư phải lánh bỏ hẳn cõi trần tục để vào tu trong Chùa Đàn.

Riêng tôi, tôi phải đọc CHÙA ĐÀN tới ba bốn lần. Trong đầu tôi lúc này có cả ba hình ảnh đó, nhưng hình ảnh Cậu Lãnh Út hay Bá Nhở chỉ thấp thoáng mờ nhạt, chỉ riêng hình ảnh cô Tư là nổi bật hẳn lên. Vào những đêm mưa gió, tôi vẫn còn nghe văng vẳng bên tai tiếng phách và tiếng ca của cô. Trong số những hình ảnh các nhân vật nữ khác mà tôi đã được gặp

trong các tiểu thuyết tiền chiến, lạ thay, hình ảnh cô Tư vẫn hằng choán một chỗ rộng nhất trong tâm hồn tôi.

Chỉ tiếng phách tiếng ca đó, cũng đã dư đủ để tôi quý mến cô. Tôi không hề thắc mắc tới nhan sắc của cô. Tôi hiểu tại sao Nguyễn Tuân đã gần như không nói gì tới nhan sắc của cô, bởi vì nếu phần nhan sắc được nói tới, có lẽ nó sẽ chỉ có lợi ít nhưng có hại nhiều, hại ở chỗ nó sẽ làm loãng nhạt mất ma lực của tiếng phách đó, tiếng ca đó.

NÀNG OANH CƠ TRONG AI HÁT GIỮA RỪNG KHUYA CỦA TCHYA

Oanh Cơ là nữ nhân vật chính trong cuốn tiểu thuyết AI HÁT GIỮA RỪNG KHUYA của TCHYA. Cũng giống như cô Tư, nàng Oanh Cơ cũng là một đào hát, tài sắc kiêm toàn. Nhưng trong Ai Hát Giữa Rừng Khuya, hơi khác với Nguyễn Tuân trong Chùa Đàn, TCHYA đã chú trọng đến cả tài sắc của Oanh Cơ. Khi, dùng lời kể của nhân vật Cai Móm, nói chung về tài của Oanh Cơ và của em gái nàng là Huyền Cơ, TCHYA viết rất tổng quát: "Trong hạt Bành Thạch phủ Thọ Xuân tức là nguyên quán của giáo phường, thuở ấy có hai cô đào chính tông hát hay có tiếng, đã được giải đình đám đến mười lần". Ở một đoạn khác, tác giả có tả rõ hơn về tài đàn hát của Oanh Cơ:

"Oanh Cơ không những chỉ có sắc đẹp, nàng lại có thanh nữa. Nàng hát rất hay, giọng trong trẻo, đậm ấm khi nào nuốt lúc lâm ly, dịp khoan dịp nhặt, điệu bổng điệu trầm, thanh thót véo von; giọng nàng thực là một cây đàn muôn điệu mà nàng tựa hồ như làm bá chủ tất cả các âm thanh, muốn sai khiến chúng thế nào cũng được.

Những hôm ngoài trời mưa phùn rả rích, gió bắc vi vu, những hôm mà lòng người tự nhiên cũng thấy bị đè nén nặng nề bực bội, những hôm đó mà được ngồi trong căn nhà cổ, trước ngọn đèn dầu, cầm chiếc dùi nguyệt quế để gõ vào tiểu cổ, thưởng thức vài khổ hát của nàng Oanh, thì các thú tao nhã đậm đà của sự

thẩm âm rũ sạch lòng mình hết những nỗi u phiền ô trọc, đưa tâm hồn mình lâng lâng lên cõi thơm tho sáng lạn, tưởng có phải chết sau phút thanh kỳ đó, thực không ân hận tí gì!

Nói thế cũng không phải là quá đáng. Thực vậy, ai đã được hạnh phúc nghe Oanh Cơ và Huyền Cơ hát, nhất là nghe Oanh Cơ, thì không bao giờ có thể quên được giọng thanh tao thánh thót ấy. Cái giọng lúc nỉ non, âm ỷ, lúc man mác cảm hoài, nó véo von trầm bổng nào nuốt làm ly, đến lúc thâm như nước nở sau bức màn lệ, đến khi vui như nhẹ nhàng chen lẫn chuỗi cười, cái giọng ấy trong hơn tiếng trúc, đậm hơn tiếng tơ, tinh hơn tiếng sắt, không tài nào tả rõ được. Oanh Cơ là một con chim tuyệt quý mà tiếng hót vô song đã làm rực rỡ cả một thời dĩ vãng không tên."

Đây là tài của Oanh Cơ, thế còn sắc của nàng ra sao? Chúng ta nhận thấy TCHYA đã có một giọng văn rất say sưa khi ông mô tả tài năng, thế nhưng khi tả nhan sắc Oanh Cơ, giọng văn của ông còn say sưa nồng nàn hơn thế nữa. Chúng ta sẽ nhận thấy tác giả đã vận dụng tất cả khổ công và ngòi viết ông khi ông tả tấm nhan sắc đó.

Vẫn qua lời kể của nhân vật Cai Móm, ông viết:

"Tóc nàng là một đám mây thu chan chứa những vẻ êm đềm mơ mộng; mỗi lần tóc ấy xõa tung chấm gót thì rõ ràng là một giải hắc tuyến cuốn cuộn, óng ả, nhẹ nhàng: nét bút họa công khi vẽ đến phải cả quyết, lại ngập ngừng, làm thế nào cho suốt tóc nõn nà đen mượt kia cũng phẳng phất giống một đám lục vân nặng trĩu những niềm u uẩn, mà phủ lên một hình hài tiên nữ, muôn phần liễu diệu, thanh kỳ..."

Những thói mê của đàn ông đối với đàn bà kể ra có rất nhiều tiểu dị. Có chàng thì chú trọng nhiều về bộ ngực hay cặp mông, có chàng lưu ý tới cái miệng hoặc cái mũi, có chàng đặt nặng về dáng đi hay khuôn mặt, có chàng quan tâm đến cặp mắt, riêng TCHYA, có lẽ ông thường hay lưu ý trước hết tới mái tóc đàn bà vì thế mà vừa thoát nói tới nhan sắc của Oanh Cơ ông đã tả ngay mái tóc như thế. Sau mái tóc, điểm mà ông chú trọng thứ nhì là đôi mắt. Mặc dầu cũng có tả toàn bộ dáng dấp của Oanh Cơ, nhưng ông cũng chỉ tả phớt qua (chẳng hạn: "Oanh Cơ là một người tầm thước, hơi mảnh khảnh, dong dỏng cao, lưng ong, ngực nở" hoặc là "da trắng hồng mịn như lụa, ngực nở, dít cong, lưng thon, vai nhỏ...").

Nhưng khi tả đến đôi mắt nàng, ông tả rất kỹ càng:

"Đôi mắt ấy trong veo như nước hồ thu những hôm trời quang đãng; đôi đồng tử đen như mảnh huyền không vết, lại sáng ngời như chứa điện ở trong mắt. Con mắt lá dầm dài dài như mắt bồ câu; có lúc là đà ngây ngất như mắt chim thư gọi chim hùng, có lúc đắm đắm mơ mộng như hướng về một cõi xa xăm, lại có lúc trông sâu sắc bí mật như đượm vẻ lạnh lùng dữ dội. Cũng thì đôi mắt giai nhân, mà nó hiện ra muôn vẻ diễm lệ dịu dàng hay oai phong tàn ác; nó tựa như con dao găm có hai lưỡi sắc, một lưỡi gọt móng tay và một lưỡi giết người".

Sở dĩ TCHYA đã tả kỹ về đôi mắt của nàng Oanh Cơ là vì ông cho rằng trên khuôn mặt của đàn bà quan hệ nhất là đôi mắt bởi vì không những nó là cái điểm tuyệt vời nhất của khuôn mặt, thế nhưng nó cũng thường biểu lộ chân xác tất cả tinh thần và nguyện vọng u ẩn của người đàn bà. Ông cũng để ý tới cái miệng nàng, cái miệng mà ông bảo là rất xinh, thế nhưng vẫn theo ý ông, cái miệng đó cũng gần như chỉ là một thứ hổ trợ thêm cho vẻ đẹp của đôi mắt. Ông viết:

"Đôi mắt sắc sảo tuyệt mỹ của Oanh Cơ đã đẹp dễ lắm rồi, lại còn được cái miệng tươi đỏ của nàng phụ thêm vào để tăng dung nhan nàng lên mãi mãi. Cái miệng đó có đôi môi son thắm hơi cong lên như một vành cung. Bao giờ nó cũng tươi, cũng đẹp, cũng như đóa hoa hồng hàm tiểu nồn nà. Hai hàm răng đen bóng như hạt cà na càng làm bật màu tươi của làn môi đều đặn."



Tài đó, sắc đó của nàng Oanh Cơ là cái thứ tài sắc vang bóng một thời đã rất xa xưa, khi người Pháp vừa tới dựng nền bảo hộ tại xứ này. Nếu đặt cái thứ tài sắc đó vào giữa cái xã hội ngày nay, chắc hẳn Oanh Cơ cũng chẳng được thiên hạ chú ý tới lắm đâu. Nhưng thật hợp tình hợp cảnh khi tấm nhan sắc đó được đặt vào cái thời xa xưa đó, cái thời xã hội và cảnh trí nước ta vẫn còn rất nhiều tính chất hoang vu cổ lỗ. Tấm nhan sắc đó còn đã được lồng vào những bầu không khí quái đản đầy bóng ma quỷ: ma cụt đầu, thần trùng Hồ, ma trành, và biết bao nhiêu truyện kỳ dị khác.

Tôi nhớ trong sách CỔ HỌC TINH HOA có một truyện nho nhỏ trong đó nêu ra cái ý cho rằng: vẽ ma quỷ thì dễ, vẽ người mới khó. Riêng tôi, tôi không tin rằng vẽ ma quỷ dễ. Cái khó là vẽ sao, tả sao để cho người xem người đọc phải sợ hãi đến xúc động. Vì thế vẽ (hoặc tả) ma quỷ cũng khó chẳng kém gì vẽ người. Trong AI HÁT GIỮA RỪNG KHUYA, nhà văn TCHYA đã tỏ ra thành công lớn trong việc "vẽ" cả ma quỷ lẫn người. Tác giả đã tạo được một sự kinh dị thực sự đồng thời cũng đã tỏ ra xuất sắc trong việc diễn tả tài sắc nàng Oanh Cơ. Hai đặc điểm ấy đã hỗ trợ lẫn cho nhau. Nhờ có khuôn mặt Oanh Cơ, những khung cảnh ma quái chung quanh nàng càng tăng thêm mãnh

lực gây xúc động; ngược lại, nhờ cái bối cảnh ma quái đó, khuôn mặt Oanh Cơ càng thêm quyến rũ khiến cho độc giả phải yêu mến nàng, yêu mến tới độ khó mà có thể quên nàng được.

CÔ TƯ THUNG CỦA LÊ VĂN TRƯƠNG

Chân dung (tài năng, tinh thần hoặc diện mạo) của cô Tư hay nàng Oanh Cơ chỉ là thứ chân dung của loại đàn bà đã hơi xưa rồi. Nếu muốn gặp một nữ nhân vật mới hơn, tâm hồn tự do phóng khoáng hơn, chúng ta hãy tới gặp Tư Thung, nữ nhân vật trong cuốn tiểu thuyết CÔ TƯ THUNG của Lê Văn Trương. Đây là một trong những á gái diễm hạng sang nhất ở Saigon thời Tiền Chiến, một á diễm cư ngụ tại một tòa nhà lớn đường D'Hérel de Brissis, một nơi chơi bởi danh tiếng được dành riêng cho các tay chơi hạng sang vốn ham mê gái đẹp, rượu mạnh và thuốc phiện.

Trước hết, tôi xin nhường lời cho tác giả giới thiệu nữ chủ nhân ở nhện đó (tức Tư Thung) với các bạn:

"Nữ chủ nhân thật đã xứng đáng với ngôi nhà ấy, với xa lông ấy. Làn da trắng mịn dưới mở tóc đen huyền như rực rỡ hơn ánh sáng rực rỡ của chùm đèn điện treo trên trần. Cặp môi mới đều đặn đẹp dễ hữu tình làm sao! Lúc nào nó cũng như sắp nở một nụ cười ý nhị; cái "sắp" ấy đã đem lại cho nàng một duyên thầm khiến ai trông thấy cũng phải yêu vì."

Nữ chủ nhân mặc toàn đồ sa tanh trắng, cái bóp dầm cầm tay cũng bằng ngà trắng, đến đôi giày cao gót cũng dầm toàn thủy son trắng, chiếu ánh sáng từng bừng ra xung quanh, khiến cho con người đi nó, như bước trên làn ánh sáng."

Chúng ta nhận thấy rằng, tác giả Cô Tư Thung đã chỉ tả phớt qua về vẻ đẹp của nữ nhân vật này, và ông đã có vẻ tỉ mỉ hơn trong việc tả những cảnh trí trong phòng nàng cũng như những y phục của nàng. Lối diễn tả đó đã rất phù hợp cho chân dung một gái giang hồ hạng sang. Bởi vì cái điểm "câu khách" của một nhân vật như thế không những nằm trong chính nhan sắc của nàng mà còn nằm trong cái bối cảnh chung quanh nàng cũng như y phục của nàng. Đa số khách chơi thường không những chú trọng đến người đẹp, mà còn rất chú trọng đến nơi người đẹp sống cũng như cách phục sức của người đẹp. Giữa cảnh trí như thế, trong y phục như vậy, sức quyến rũ của nàng đã tăng thêm gấp mấy lần.

Đúng thế, khi đọc CÔ TƯ THUNG, tôi thấy căn nhà của cô ở đường D'Hérel de Brissis đã giúp cho cô có thêm nhiều vẻ hấp dẫn. Về sau này, khi Tư Thung sang ở nhà khác, cái gian phòng mới của cô đã biểu lộ rõ ràng được cái tính tình của cô. Cách đây chừng 15 năm, khi đi theo chàng Đoàn Hữu vào căn phòng (mới) này của Tư Thung, thú thực tôi đã phải bàng hoàng ngây ngất, và sự bàng hoàng ngây ngất đó đã khiến cho tôi cũng say mê cô Tư Thung ghê lắm. Mời các bạn cùng vào đó với chúng tôi:

"Ở một gian phòng rất rộng, không bày bàn ghế, giải một cái thảm nhung trắng tinh, trên để một bộ bàn đèn, mà cái



Chúng ta quen quá. Tôi biết ông

LÊ VĂN TRƯƠNG

thông phong đèn lại đen. Tường quét sơn đen, chỉ trừ ra những hình sọ người và những xương tay chân bất chéo là để trắng. Khắp bốn chung quanh tường đều vẽ như thế cả. Trước cái bàn đèn, đối diện với người nằm, dựng đứng năm bộ xương người mà Thung gọi là cái "bình phong của Diêm Vương" gọi biểu. Những đèn điện bóng đỏ mắc một cách kín đáo vào tường chiếu những ánh sáng gián tiếp đỏ ối như máu lên những phòng đen kịt, trắng toát, ngổn ngang những sọ người, xương người làm cho bầu không khí có vẻ bí mật ghê gớm của chốn hoàng tuyền, mà sự sinh hoạt chỉ là đêm với máu dứa giởn cùng thần chết. Dâu dậu cũng là hình ảnh của cái chết, của sự tàn phá rất khốc liệt của thời gian. Nằm ở thẳm nhìn lên trần, toàn là những cảnh đau thương của địa phủ. Nào bàn chông, nào vạc dầu, nào cột đồng, nào người bị cắt lưỡi, nào kẻ bị mổ ruột, dâu dậu cũng là những cực hình ghê gớm mà Diêm Vương đã dùng để tra khảo âm hồn. Với rắn rết, với hùm beo, với máu đỏ, với xương trắng (...)

Gian phòng này, Hữu mới bước chân lên lần đầu. Dựa lên cái gối theo một người hủi bị cụt cả chân tay, Hữu nhìn một cách kinh ngạc con người đẹp như hoa, trắng như ngọc kia chỉ có thể vui được với những sự chết chóc ghê gớm".

Đoàn Hữu là một người đa tình, đa cảm, là một người từng sống lẫn lộn với đời, vậy mà không hiểu sao chàng ta lại có thể "ngạc nhiên" khi quan sát căn phòng đó của Tư Thung. Để đến nỗi Tư Thung phải lên tiếng giải thích với chàng:

"Chị Hai ơi (1), gian phòng này là một cảnh ngục tù thu nhỏ lại. Nó là lớp triết lý của em. Ở đây, trong cái ngục u tối tượng này bước ra, em mau mau thực hành cái triết lý yêu đời của em. Em cười, em nói, em trang điểm, em vui chơi, không bỏ phí một mẩu thời giờ. Chị phải biết một mẩu thời giờ qua đi đó là một bước dài của ông thần Chết tiến lại, nắm cái cơ thể mỏng manh của chúng ta ném

vào guồng tàn phá. Chẳng mấy chốc mái tóc xanh của chúng ta sẽ bạc, cặp má mịn màng của chúng ta sẽ giãn gào.

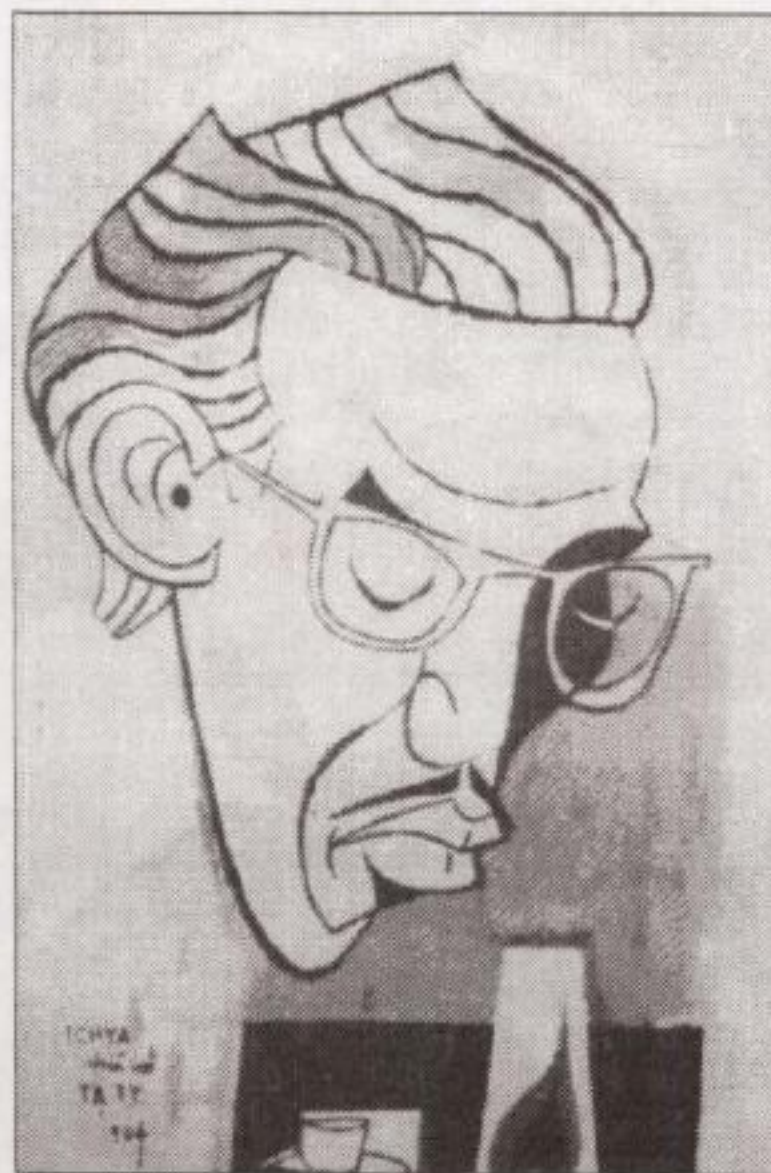
Chị Hai ơi, vui đi, vui đi, không thì chả mấy chốc đến cái lúc ta muốn vui mà không vui được nữa. Chị Hai ơi, chị nhìn cái bình phong xương người của em mà coi..."

Như vậy, chúng ta thấy Tư Thung vốn chẳng phải loại gái giang hồ hạng đầu óc thấp kém, nhưng là một kẻ khá giấu suy tư, và chứa chan tình cảm. Do vậy, cô ta chẳng hề là một kẻ sốc nổi, chai đá. Trước khi chính thức làm diễn, cô ta đã từng là vợ của một ông tây, cùng lúc yêu thêm một gã thanh niên Việt (Đoàn Hữu). Cô ta đã tỏ ra biết yêu một cách nồng nàn sôi nổi. Hãy nghe mấy đoạn thư cô viết cho Đoàn Hữu dưới đây đủ rõ:

"Từ ngày thấy đem cái mầm tình ái gieo vào lòng em, không đêm nào mà em nằm mà nhắm mắt ngay được với khối tình, thấy đã đem cái mối buồn mà buộc vào cho em. Em ngày nay chỉ còn biết vui ở những câu cười tiếng nói của thầy, chỉ còn biết tư tưởng đến thầy thì thầy lại bỏ mặc em lẫn lộn với những cái khổ cái náo mà thầy đã gây nên. Hữu ơi! Yêu như thế thì yêu làm gì? Yêu mà để cho nhau tan ruột nát gan không tìm cách gỡ cho nhau thì thà đừng biết nhau còn hơn. Trước kia em chỉ là một cái đồ vật đẹp để để cho người tiêu khiển nhưng ngày nay em đã có linh hồn rồi. Vì Hữu mà em tìm ra linh hồn của em, sao Hữu nỡ lòng để cho nó khô héo! Tong mấy ngày nay em chỉ tự hỏi: làm sao Hữu lại đem những lời âu yếm đến gieo vào trái tim em để làm cho em phải chịu cái khổ nhớ mong ngày nay? (...)

Nếu có kẻ cầm súng sáo chỉ vào thái dương em, em cũng trả lời rằng em yêu anh và bao giờ cũng tin rằng anh yêu em. Nhưng anh ơi, em như bông hoa đang khao khát một giọt mưa xuân dầm dề, chờ được đến ngày anh đem nó về trồng nơi vườn nhà, thì nó đã khô héo mất rồi còn gì!

TCHYA ĐÀI ĐỨC TUẤN



Ngày nay em cần phải nhìn cái ánh sáng của con mắt anh để sống, em phải cần hít cái hơi của da thịt anh để sống, sống để em chờ... Nếu anh muốn cho em sống để sau này em có thể đem hết linh hồn mà yêu anh, thì xin anh mỗi ngày anh cho em được gặp anh một lần và hôn anh một cái."

Trong việc trình bày cô Tư Thung, Lê Văn Trương đã có một cách thức diễn tả hơi giống của Nguyễn Tuân khi họ Nguyễn diễn tả cô Tơ. Tương đồng ở chỗ nói rất ít về nhan sắc của nhân vật, Lê Văn Trương chỉ nói tới rất ít (quá ít) về nhan sắc cô Tư Thung, mà đã chú trọng giới thiệu Tư Thung bằng những thị hiếu và những lời lẽ phù hợp của cô ta, là những cái có thể phô diễn đầy đủ những đặc tính con người ấy, những đặc tính khiến cho độc giả nào hơi có tâm hồn lãng mạn một chút đều không thể không ưa thích nhân vật ấy. Nhìn vào trang phục, vào cảnh trí nơi ở, vào những dòng thư tình, người ta thấy ngay cô Tư Thung là một người đàn bà thường bị xâu xé giữa hai mãnh lực: tình cảm và lối sống sa hoa phù phiếm. Chính hai cái đặc tính thường khi mâu thuẫn với nhau kịch liệt ấy đã phô bày một cô Tư Thung có đầy chất người, thứ "ni ange ni bête" như một triết gia Tây phương đã nói.

Trong cô Tư Thung, cũng như nhân vật đó của ông, chính Lê Văn Trương cũng đã có một vẻ mâu thuẫn trong cách hành văn.

Khả năng viết văn của Lê Văn Trương, trong cô Tư Thung, đã có sự mâu thuẫn nội tại ở điểm có những chỗ ông viết thật hay, nhưng cũng có những chỗ ông viết quá thường. Nếu xét toàn bộ, ta thấy cô Tư Thung là một cuốn tiểu thuyết trung bình, về văn pháp về cách dựng truyện, cũng như về việc cấu tạo những tình tiết. Thế nhưng nhân vật chính của cuốn đó lại là Tư Thung, một Tư Thung đầy tình người có lối sống rất ư quyến rũ và hấp dẫn. Nhân vật tuyệt vời đó đã khiến cho chúng ta sẵn lòng bỏ qua những chi tiết trong lối viết của ông. ■

(1) Lúc đó Đoàn Hữu đã tự thiện (!!!) rồi, nên Tư Thung gọi đùa chàng ta là "chị".

đón đọc Khởi Hành
chủ đề Vũ Hoàng Chương
Vũ Khắc Khoan, Tân Đà
đầy đủ tiểu sử, hình ảnh
với bài viết của các
tác giả tên tuổi nhất

BẠN TÙ SƠN LA

ký giả LÔ RĂNG

T rời Sydney năm nay lạnh hơn mọi năm. Đêm đông buốt giá, phải trở dậy kiểm cái heater. Mở đèn lên, nhìn ra ngoài vườn, sương đêm đã đọng thành một màn băng mỏng.

Nhìn màn băng mỏng trên sân, ký ức tôi bỗng trở về cái lạnh buốt xương năm 1976, khi tù cải tạo miền Nam năm đầu tiên ra Bắc. Tội tôi được "chiếu cố" cho ở Sơn La, địa danh nổi tiếng "*Nước Sơn La, ma Vạn Bú*". "*Sơn La âm u, núi khuất trong sương mù*". Tù cải tạo thuộc trại 1, liên trại 2 được phân ra ở trong trại tù Sơn La thời Pháp thuộc.

Sau nhiều cuộc biến thiên, nhất là sau vụ Mỹ ném bom miền Bắc, các trại tù này đã đổ nát, chỉ còn lại cái nền xi măng. Nhà tù đã đổ bây giờ được che tạm bằng ni lông, hoặc bằng tranh mỏng. Sơn La là miền cao nên lạnh sớm. Mới tháng 11, gió bắc đã lồng lộng thổi về. Đến cuối tháng 12, lạnh vào cao điểm... Chậu nước để ngoài sân, qua đêm đã đọng thành băng mỏng bên trên.

Tù thì nóng cũng khổ, lạnh cũng khổ. Nhưng nóng thì đôi khi còn trốn được. Tạt vào một lùm cây hoặc là tạm ngâm mình xuống ao, xuống suối. Còn lạnh thì không trốn vào đâu được, nó theo mình suốt ngày, suốt đêm. Nhất là anh em từ trong Nam ra cứ yên trí là "học tập một tháng" nên quần áo đem đi làm gì nhiều cho nặng. Ra ngoài Bắc, đựng cái buốt giá của mùa đông thượng du miền Bắc, thêm mưa phùn ẩm ướt nên cái lạnh lại càng thấm thía. Ban đêm cái nền xi măng trong nhà tù nó lạnh như nước đá, mặc dù các thứ áo quần hiện có mà vẫn lạnh, mặc cả áo mưa đi ngủ, có anh chui vào một cái bao tải vừa kiểm được mà vẫn cứ run. Hóa ra cái lạnh ở ngoài vào thì ít mà cái lạnh ở trong ra thì nhiều. Cái lạnh vì đói cơm nhiều hơn cái lạnh vì thiếu áo.

Hồi đó nằm bên cạnh tôi là hai người bạn tù cùng trong đội rau... Một ông nguyên là dân Thiết Giáp, một ông nguyên là Thượng Tọa (giám đốc nhà Tuyên úy Phật Giáo). Ông thiết giáp trước đây vốn là một tay hào hoa rất mực. Ông thuộc loại "Tây con", học trường danh tiếng Saumur đánh giặc rất chì, ăn chơi rất bảnh... Đôi lần tâm sự vụn, ông

rút trong ngực áo ra tẩm ví có hình một bà rất đẹp, rất *mignone* mà khẽ nói "bà xã moi". Đôi mắt đục và nhăn vì đói lạnh của ông chợt sáng lên khi nhìn lại hình ảnh vợ. Mới đây ông vừa nhận được một gói quà 1 kg đầu tiên từ trong Nam gửi ra. Ông hi vọng lắm vì có người nhận được ít thịt khô, ít ruốc chà bông. Gói quà của ông, xem đi xem lại mãi chỉ có một cái áo lạnh và đặc biệt có hai cái quần slip màu hồng nhạt, chắc là của phái nữ. Tôi không tiện tò mò, hỏi han về việc riêng của bạn nhưng tôi chắc bà xã của bạn phải yêu thương lắm, phải lãng mạn lắm mới gửi món quà để "*tưởng nhớ một mùi hương*" như vậy. Đôi khi rảnh rỗi, ông bạn tù hàng xóm của tôi lại khẽ giở món quà đặc biệt ra hồi tưởng...

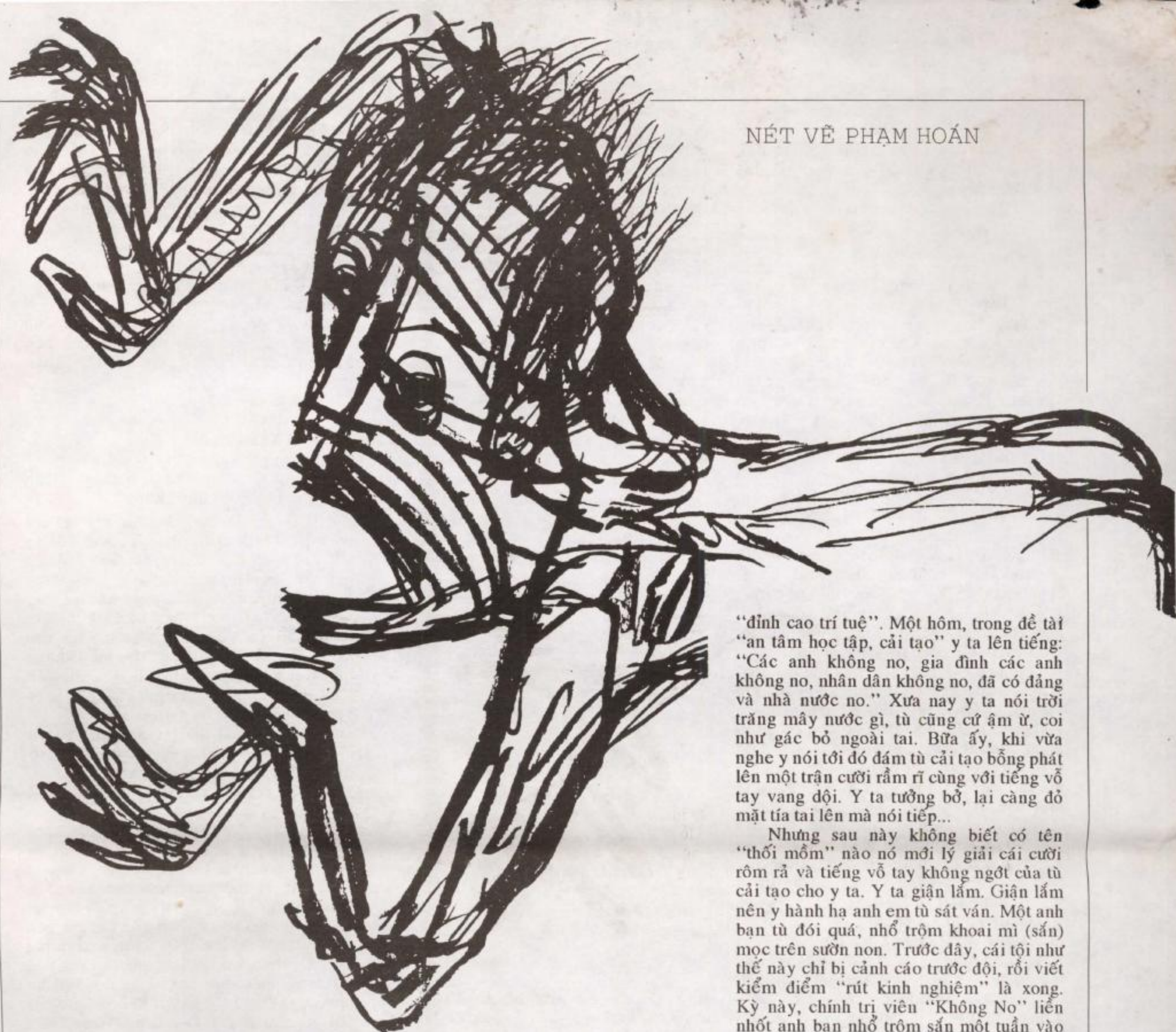
Trước đây ông bạn tôi toàn hút Lucky. Đi cải tạo ông mang theo một cái pipe Dunhill và vài hộp thuốc Half and Half. Nhưng đã lâu rồi hết thuốc hút pipe, ông cũng như mọi người khác hút thuốc Lào. Quá nửa đời người rồi mới biết cái hấp dẫn của thuốc Lào. Nhất là mùa rét, sáng sớm tỉnh mơ ngồi dậy hút một điếu đầu tiên trong ngày, cho nó say lơ mơ quên trời, quên đất, quên cảnh lên voi xuống chó, quên luôn cảnh lưu đày tù tội. Ôi giây phút tuyệt vời... Thuốc Lào hấp dẫn như vậy nên trong tù đã có thành ngữ "Có thuốc Lào là có tất cả". Nhưng ở miền Bắc cái cần thiết nhất là gạo ăn còn không đủ thì lấy đâu ra thuốc Lào cho tù. Đành trông chờ vào quà của gia đình gửi tới. Nhưng trong những chuyến gửi quà đầu tiên, có mấy ai nhận được thuốc Lào. Thuốc Lào thành của hiếm... Ở trong tù cái gì thiếu cũng chấp nhận được, thiếu thuốc Lào là một thiếu thốn rất lớn lao. Thuốc Lào, không những làm quên hiện tại mà thuốc Lào còn là một dấu mốc để người tù cải tạo thêm kiên nhẫn đi tiếp cuộc đời tù dài đằng đặc. Trong trại tù không ai có quyền đeo đồng hồ. Phải gửi đồng hồ cũng như những đồ tùy thân có giá ở trại. Ngày ngày đi làm, cuộc sống khổ sai nhọc nhằn, đời tù hun hút, thời gian mịt mờ.

Trong khi đó, qui định của trại giam là cứ 1 tiếng rưỡi đồng hồ lao động là có "kẽng" nghỉ 10 phút "hút thuốc, uống

nước". Điếu thuốc Lào trở nên một cái đích gần gũi để người tù vươn tới, một đoạn đường dù ngắn nhưng sắp đến nơi. Nó cũng là một an ủi nhỏ sau hơn một giờ cực nhọc. Vì vậy nên dù khó kiếm, dù đắt đỏ, cũng không ai muốn bỏ hút thuốc Lào. Những tay có thuốc Lào thấy vậy nên càng ngày càng lên giá. Một phần ăn sáng (1 phần tư chiếc bánh mì luộc) trước đổi được 5 điếu thuốc Lào, sau xuống giá còn 3, rồi còn 2 điếu... Người ta sẵn sàng quên đi cái đói để đổi lấy một vài phút say quên.

A nh bạn tù hàng xóm của tôi, ghiền thuốc Lào quá nặng, rét đến nơi mà không thuốc hút. Anh liền lấy cái pipe Dunhill nổi tiếng của Ăng Lê ra đổi thuốc Lào. Được chừng 10 hôm là hết thuốc. Có người mách lấy lá ngải cứu phơi khô thái nhỏ hút vô nghe được lắm. Anh bạn tôi nghe lời, phơi đi phơi lại lá ngải cứu trộn thêm với nước diều và một chút nước mắm, một chút đường. Hôm hoàn thành thuốc Lào ngải cứu, anh có mời tôi hút thử. Cũng thấy say say nhưng không êm bằng thuốc Lào, mà rất cổ hợm. Ông bạn tù Thượng Tọa mới bảo rằng không nên hút cái giống ấy, hao người, hao phổi. Nhưng anh bạn tôi thèm thuốc quá cứ hút thuốc ngải cứu cho đỡ thèm. Một hôm, vừa hút xong, chưa kịp đặt cái diều cây xuống, máu mũi anh đã chảy ròng ròng...

Mùa đông đầu tiên ngoài Bắc, anh bạn tù hào hoa một thuở của tôi vừa đói, vừa lạnh, vừa thèm thuốc. Theo anh thì mùa lạnh ở Việt Nam khó chịu hơn ở bên Tây nhiều mà lạnh nhất là hai cái tai. "Nhiều khi tôi cứ tưởng 2 cái tai lạnh cóng của tôi nó sắp rụng mất rồi". Anh vừa nói vừa run lập cập. Một buổi tối trời vừa lạnh, vừa mưa dột tí tách; anh bạn tù của tôi chợt có sáng kiến mới. Anh lấy chiếc quần slip của vợ gửi cho chụp lên đầu, kéo sụp xuống tận mi mắt, che kín hai tai. Trong cái nhập nhoạng của một ngọn đèn dầu hỏa, tôi thấy anh "không giống ai" mà trên thế giới này chắc không thể nào có một cái mũ, cái nón nào ly kỳ đến vậy. Anh vừa nhếch một nụ cười, vừa hài lòng vừa ngưỡng ngáp và



khẽ nói: “Cho nó đỡ lạnh hai cái tai mà đỡ nhớ vợ thương con, ông a...”

Dạo ấy, tù cải tạo còn thuộc quyền quân quản, thuộc Bộ Quốc Phòng, chưa thuộc Bộ Nội Vụ. Quân đội trông nom tù, chưa phải công an. Anh em chưa phải vào các trại tù mà ở trong các lán, có giấy thép gai bao quanh và bộ đội canh gác ở ngoài. Buổi tối chưa có lệ vào phòng giam, xích cửa lại, giống sắt đưa lên giam tù trong đó suốt đêm, sáng mai mới tháo xích, mở cửa, ăn uống, ỉa đái trong đó luôn như các trại tù công an sau này. Nhưng mỗi tuần vài lần thể nào quân đội Vi Xi cũng có kiểm tra đột xuất, mà kiểm tra thường vào ban đêm. Nghe tiếng còi gắt gỏng rít lên là anh em phải vội vàng trở dậy, mắt nhắm mắt mở chạy ra sân đứng xếp hàng hai để cho cán bộ kiểm soát. Anh “lấn trưởng” sau khi kiểm lại số người trong lán, đứng nghiêm báo cáo:

- Báo cáo cán bộ, lán 4 trại 1, 30 người đủ.

Tên Thượng úy chính trị viên cầm đèn pin, đứng cạnh một anh lính mang AK tùy tùng, hất đầu ra lệnh:

- Được, cho vào.

Tù hàng hai lần lượt kéo nhau vô lán. Anh bạn tù Thiết Giáp của tôi đang giữ thức giờ ngủ nên lật đật cử đội nguyên cái mũ “không giống ai” ra xếp hàng. Khi anh vừa đi qua tên Thượng úy, chợt có tiếng quát giật giọng:

- Anh kia đứng nại.

Tất cả anh em vô lán hết, chỉ còn NVP Thiết Giáp đứng co ro ngoài cửa. Anh em lắng nghe cuộc đối thoại bên ngoài:

- Cái này là cái gì?

- Dạ... cái quần...

- Ở đâu ra?

- Vợ tôi gửi cho tôi.

- Tại sao anh nài đội cái quần của vợ anh...

- Tại trời lạnh quá... mà không có mũ...

- À anh này bồi bác chế độ. Anh tên nà gì? Mai nên nằm việc...

Tên Thượng úy Vi Xi này anh em trong trại đặt tên là “Thượng úy Không No”. Tuần nào, sáng thứ hai, y cũng lên lớp anh em về mọi thứ chuyện trên trời dưới biển. Nói thì ngọng lịu, ngọng lo, l đánh ra n nhưng lúc nào cũng thở ra giọng

“đỉnh cao trí tuệ”. Một hôm, trong đề tài “an tâm học tập, cải tạo” y ta lên tiếng: “Các anh không no, gia đình các anh không no, nhân dân không no, đã có đảng và nhà nước no.” Xưa nay y ta nói trời trắng mây nước gì, tù cũng cứ ậm ừ, coi như gác bỏ ngoài tai. Bữa ấy, khi vừa nghe y nói tới đó đám tù cải tạo bỗng phát lên một trận cười rầm rĩ cùng với tiếng vỗ tay vang dội. Y ta tưởng bỏ, lại càng đỏ mặt tía tai lên mà nói tiếp...

Nhưng sau này không biết có tên “thối mồm” nào nó mới lý giải cái cười rôm rả và tiếng vỗ tay không ngớt của tù cải tạo cho y ta. Y ta giận lắm. Giận lắm nên y hành hạ anh em tù sát ván. Một anh bạn tù đói quá, nhổ trộm khoai mì (sắn) mọc trên sườn non. Trước đây, cái tội như thế này chỉ bị cảnh cáo trước đội, rồi viết kiểm điểm “rút kinh nghiệm” là xong. Kỳ này, chính trị viên “Không No” liền nhốt anh bạn nhổ trộm sắn một tuần vào trong cái cũi giấy thép gai, một kỳ công của đỉnh cao trí tuệ. Trên nguyên tắc đây là một túp lều, nhưng một túp lều quây bằng giấy thép gai. Không có tường có mái, chỉ có một tấm bạt được coi như mái lều. Ở trong đó, giấy thép gai quấn ngang dọc, chằng chịt thấp cao. Người vô ở trong đó phải cẩn thận lắm không thì bị gai cào rách lưng, rách mặt, đặc biệt là ngồi không được, vì thấp quá, nằm cũng không được vì không đủ. Lúc nào cũng phải nửa nằm, nửa ngồi cứ lom khom, lom khom...

Chính trong thời điểm này anh bạn tù Thiết Giáp của tôi phải lên gặp y ta “làm việc”. Khi về NVP mặt mũi chầy dài. Anh cho hay là cán bộ “Không No” tuyên bố không cho anh đội cái mũ “thiếu văn hóa” ấy nữa. Anh phải làm kiểm điểm “hứa trước đảng và nhân dân thực hiện nghiêm chỉnh lệnh của cán bộ”. Buổi tối, bên ngọn đèn dầu tuôn khói mù mịt, anh bạn Thiết Giáp của tôi thở phào phào ngồi viết kiểm điểm, vừa viết vừa run vì đói lạnh, vì không có cái mũ che tai... Chợt ông bạn hàng xóm bên phải của tôi là Thượng Tọa Thích Thanh Long (nguyên giám đốc Nha Tuyên úy Phật Giáo) từ từ lên tiếng:

- Đừng có lo. Rồi đâu có đó...

Nói xong ông khẽ lục trong đám quần áo của ông lấy ra một tấm áo nâu dài, tấm, áo “Thượng Tọa” của ông mà đưa cho Thiết Giáp.

- Hãy cứ quần cái áo này lên đầu cho ấm... Rồi ta tính...

Chúng tôi, ông Thượng Tọa, ông Thiết Giáp và tôi là ba người trong một tổ “tam tam” trong đội rau. Ba người chúng tôi phụ trách một khu rau ở bên bờ suối, cạnh bệnh xá và khu B dưới gốc cây lim già... Chúng tôi cùng ăn, cùng ngủ, cùng làm... nên hiểu nhau nhiều lắm. Được làm với ông già này là một điều may mắn lớn. Vì ông Thiết Giáp với tôi, từ xưa đến giờ đâu có biết cày cuốc, trồng rau trồng củ ra làm sao đâu. Ông già Thượng Tọa chỉ vẽ cho chúng tôi hết thảy. Từ cách cầm cái cuốc, cái thế đứng khi cuốc phải như thế nào? Cuốc hùng hục như trâu đánh mả như tôi... là không được. Cuốc như thế là “cuốc lật” dành cho việc cuốc ruộng, cuốc vườn. Ở đây trồng rau thì cuốc phải “dầm”, nhẹ nhàng, từ tốn như mưa dầm, mưa lâu thấm đất. Cuốc hùng hục như tôi thì sức đâu mà cuốc cả ngày cả buổi.

Ông cụ còn chỉ cách sử dụng các loại cuốc. Cuốc lật thì phải dùng loại cuốc lớn mà nặng. Cuốc lên luống thì phải dùng loại cuốc nhẹ mà sắc. Cuốc làm cỏ trong luống rau thì lại phải dùng loại cuốc thật nhỏ, chỉ lớn hơn cái bay thợ nề một chút mà thôi. Rồi còn ủ phân, pha nước tưới, tưới bón, trồng trọt... Mỗi loại rau, mỗi thời kỳ đều tưới bón khác nhau, lúc nhỏ tưới bón khác, lúc lớn phải tưới thúc lại khác. Bây giờ chúng tôi đang trồng rau cải, xu hào. Những cây rau cải giòn ngon, những trái xu hào no tròn...

Đi tưới nước giữa hai hàng cây cải tốt tươi, tiếng vòi nước hoa sen dội vào lá cải nghe rào rào, ông cụ ung dung làm việc, thần thái an nhiên. Ngoại cảnh hình như không ảnh hưởng được đến ông cụ. Ông giống như một ông già “nhà quê” thuần hậu, quanh quẩn bên cây lá trong vườn. Ông hình như không lo, không sợ cái gì. Ông ít nói, cái câu thường thấy ở ông cụ là:

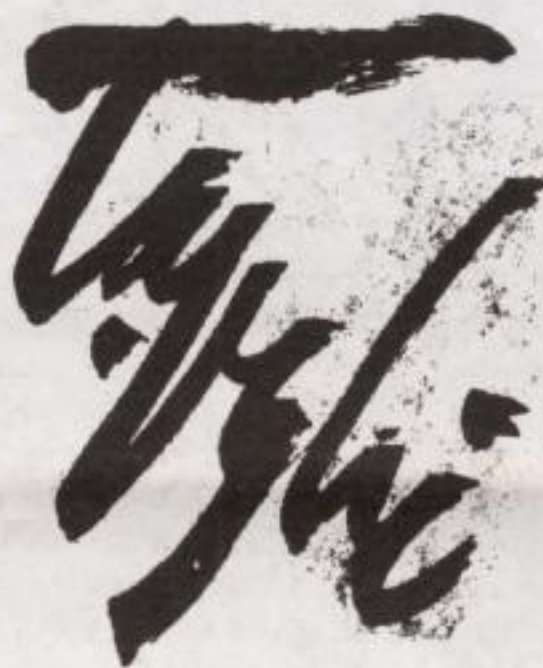
- Đừng có lo, rồi đâu có đó...

Để cho cái việc của ông bạn Thiết Giáp “đâu có đó” đối phó với anh Thượng úy “Không No” ông cụ Thanh Long một ngày chủ nhật sau đó liền cắt cái vạt áo dài nâu “Thượng Tọa” của ông cụ lấy vải may cho ông bạn Thiết Giáp một cái mũ đội đầu. Bàn tay già nua run rẩy (năm ấy 1976 ông cụ đã 63 tuổi rồi) đường kim mũi chỉ cũng thô sơ vụng về nhưng ông bạn Thiết Giáp đón nhận cái mũ mà rưng rưng xúc động. Ông cụ đã cắt chiếc đạo y ra may mũ. Ai cũng tiếc chiếc áo dài theo ông cụ đã lâu, chắc mang nhiều kỷ niệm tu hành của một vị cao tăng, nhưng ông cụ chỉ cười xòa mà nói: “Thì nó cũng chỉ là cái áo”...

Đã lâu lắm rồi, người địa phương ở Sơn La nói vậy, mới có năm quá lạnh như năm nay. Đúng là “dậu đổ bìm leo” vào cái lúc mà từ cái tạo ra Bắc lại rụng ngay một trận rét kinh hồn... Mà xưa nay cái lạnh và cái đói nó có liên hệ “hữu cơ với nhau”. Càng đói thì càng rét, mà càng rét

thì càng đói. Anh em ta đã có người “nằm xuống” vì đói lạnh. Vũ Văn Sâm (viết văn làm nhạc) chết đêm 16 rạng 17 tháng 11 năm 1976 bên bệnh xá, sau cơn gió mùa đông bắc đầu tiên. Đến đầu tháng Giêng 1977 (không rõ là ngày 3 hay 13 tháng giêng, tôi không nhớ được kỹ lắm) Ngô Quý Thuyết tòa án quân sự vùng 4 cũng đi luôn, đi rất êm đềm, rất lặng lẽ. Sáng ra, không thấy anh dậy nữa, lay chân gọi dậy thì người đã lạnh cứng từ lúc nào rồi. Trong tờ khai của đội trưởng đội của anh NQ Thuyết có nói rằng “Anh NQ Thuyết được đội cử nuôi heo, anh đói quá nên thường ăn vụng cám heo. Chắc là bị ngộ độc nên đã chết”.

Ở xứ thượng du này có cái rất sẵn là đá và cỏ. Những bữa trời quang mây tạnh, trèo lên núi kiếm lá về ủ phân, thấy bát ngát toàn núi là núi. Những chỏm núi gần xa, nhấp nhô ngút mắt trông giống y như một màng lưới bao la mà mỗi ngọn núi là một mắt lưới. *Sơn La: Lưới Núi.*



Hay thật, đúng y như thế thật. Từ mà ở trong cái lưới núi này thì chạy đi đâu cho thoát. Vì nhiều núi nên có nhiều loại đá.

Một bạn tù trẻ tuổi ở khu B bên cạnh, Vũ Xuân Th, tay biệt cách dù mũ xanh kiệt hiệt có khá nhiều tài: Đóng ciné, điêu khắc, vẽ, đánh bóng chuyền có hạng, mưu sinh kỳ tài... Bây giờ Vũ Xuân Th kiếm ăn lần hồi những khi rảnh rỗi bằng cách chọn đá *marbre* về gọt thành nõ diều hút thuốc lào. Nõ diều *made in Vũ Xuân Th* thì khỏi nói “vừa đẹp vì có khắc hoa, khắc chữ (theo yêu cầu) vừa kêu ròn rã không thể tả”. Giá rẻ thôi: một kí sắn hay 2 cục đường tán 1 cái. Tôi và Vũ Xuân Th là chỗ “bỏ tèo” nên Vũ Xuân Th có tặng 1 cái nõ diều tuyệt vời: rất kêu (cái này là dĩ nhiên rồi) mặt trước có khắc nổi hình một con diều hâu đậu trên cành thông, một bên là một đóa hoa hồng, một bên nữa là khắc năm tháng... Khi đem tặng cái nõ diều Vũ Xuân Th mới “bốc láo” rằng: “Một đóa hồng cho đại bàng cô đơn đây” - “Đại bàng đại biếc gì nữa ông ơi, đáng lẽ ông phải khắc một con quạ già mắc bẫy”.

Trong khi đó ông bạn già Thượng tọa của tôi cũng đi kiếm đầu được mấy mảnh đá dài dài. Lúc nào rồi rảnh lại thấy ông cụ ra bờ suối mài mài, đục đục... Một hôm tôi thấy trong lều dụng cụ của tổ rau tại tôi, hình dạng hai tấm bia đá thô sơ trên

có khắc tên Vũ Văn Sâm, mất ngày..., Ngô Quý Thuyết mất ngày... Tôi nhắc tấm mộ bia lên, nhìn ông cụ. Ông cụ ngó mông ra khoảng rừng núi nhấp nhô mà nói: “Thì cũng mong đánh dấu được vài năm xương tàn.”

Một sáng mùa đông vào khoảng nửa buổi tối, tôi đang lặc lè xách hai thùng “ô doa” (*arrosoir*) tưới nốt cho khoảng vườn rau trước mặt, gần nhà bếp khu B thì bỗng có tiếng gọi khe khẽ, khẩn trương:

- Này, này.

- Ai đấy?

- Vũ Xuân Th đây.

- Làm gì đấy?

- Bữa nay làm “chảo trường”. Thối cơm nhà bếp. Ăn cháy không?

Tại sao mà bạn ta hôm nay lại hỏi một câu “thừa thãi” như thế nhỉ. Tôi và Vũ Xuân Th đều là dân “volley”. Tôi thì già rồi còn Th thì đang sức. Trong làng “bóng chuyền” tại tôi, mỗi khi mà cây nêu lờ tay nêu sang lưới bên kia thì dân bóng chuyền kêu bằng “cơm nắm chó tù”, nghĩa là đối phương được biểu không một trái banh ngon lắm, bổ lắm, chắc ăn lắm, ít khi có lảm. Bây giờ chúng ta là tù “chính cống bà lang trọc rồi”, đói lòi xương, vàng mắt mà lại còn hỏi “có ăn cháy không?” Chừng như nhận ra sự vô duyên của mình Vũ Xuân Th vội nói:

- Chạy ra góc vườn lấy mảnh lá chuối lại đây.

Có ngay. Từ cái lỗ mắt cáo của hàng rào nhà bếp khu B, qua đám lá ruối và giấy leo bìm bìm, tôi nhận được từ bạn ta Vũ Xuân Th một cái gói lá chuối ấm ấm, nóng nóng. Để ngay cái gói này áp sát vào bụng, mà đi về dưới gốc lim già bên bờ suối, nơi cái lều nhỏ của tiểu tổ chúng tôi... Ôi chao, cái làn da bụng lép kẹp của tôi đang được sưởi ấm, đang được phình nình. Cái may mắn này ít khi có lắm. Tôi phi về như bay. “Tây con” Thiết Giáp thấy tôi mặt mày tươi rói liền ngẩng đầu lên hỏi:

- Cái gì mà hí hửng thế?

Tôi bước vô lều, nhìn trước nhìn sau, rút từ trong bụng ra gói lá chuối còn thơm thơm. Mở ra, miếng cháy vàng rộm, nóng hổi, đang bốc hơi.

Tây con sáng mắt ra, vội hỏi:

- Ở đâu ra thế?

Tôi chỉ sang khu B mà khẽ nói:

- Bạn vừa cho...

Tôi để phần ông cụ một miếng, ông cụ đang bận tay ngoài chỗ “cây giống”. “Tây con” và tôi chia nhau miếng cháy nóng vừa ăn rau rầu vừa hít hà. Từ sáng đến giờ, mỗi bữa chúng tôi xách ít ra cũng hàng trăm đôi nước, chân tay, mình mẩy rã rời, bởi vì buổi sáng có cái gì vào bụng đâu. Đạo này hết bột mì cứu trợ rồi. Cái gọi là “bữa sáng” chỉ là một chén nước cháo bột khoai mì loãng đầy mùi hôi mốc. Không ra đâu vào đâu. Mùa lạnh nước suối cạn, phải lần xuống dưới lòng suối mới múc được nước. Leo lên bao bậc đá trơn, tay xách đôi thùng tưới, miệng thở dốc, sức cứ oải dần, tay chân càng lúc càng nặng trĩu, nhấc không muốn nổi. Trời thì lạnh và ẩm. Cái rét thượng du miền Bắc rất thấm, rất sâu. Người Bắc kêu bằng rét ngọt. “Cái ngọt nó lọt tận

xương" lại thêm xách nước nên áo quần thấm nước suốt. Cái lạnh bên ngoài cái đói bên trong nó hành mình tới tấp. Đang khi sức cùng lực kiệt, đầu vầng mắt hoa như thế thì có miếng cháo nóng này... Ôi món quà "từ trên trời rơi xuống". Chưa có món bánh mì nào trên thế giới có thể sánh được với miếng cháo hôm nay.

Ông cụ cũng vừa vào lều. Cầm miếng cháo, ông cụ ăn từ tốn, không có ào ào như tụi tôi. Ông cụ còn làm nhiều, còn mạnh hơn tụi tôi nữa mà hình như ông già không thấy mỏi. Lúc nào cũng nhẩn nha, lững thững mà việc gì cũng xong. Ông cụ vẫn nói: "Từ lúc nhỏ đi tu ở nhà chùa... thì tôi vẫn làm lụng như thế này, cũng dựa cào như thế này... Chỉ tội nghiệp các ông..." Ông cụ chỉ vẽ cho chúng tôi cách làm vườn, trồng cây, bón tưới... những công việc gì khó khăn, vất vả ông cụ dành lấy mà làm. Như cái món lấy phân bắc (phân người) về ủ, ông cụ cũng tự tay làm lấy. Hôm nay, sau khi ăn miếng cháo xong, ông cụ khẽ nheo mắt, tay giơ một nhúm thuốc Lào mà nói "hút đi". Thuốc Lào thật, dẻo quánh, thơm nồng, đầu phải thuốc Lào "ngải cứu" hay là thuốc Lào "lá cải khô".

- Hút luôn hử cụ. Hay là sái nhì, sái ba?

- Hút luôn đi.

Trong cái lúc thuốc Lào khan hiếm như lúc này, nếu có thuốc Lào thật, đầu có dám hút luôn cả điếu. Phải hút sái nhì, có khi sái ba tức là một điếu thuốc mà hút hai hay ba người. Người thứ nhất châm lửa, rít một hơi, người thứ hai rít một hơi, rồi người thứ ba hơi cuối cùng. Người nào mà được hút cuối cùng là "đặc biệt", vì được hưởng cái hậu, được rít kêu lóc cóc... Hôm nay trúng số rồi. Vừa được ăn "bữa lữ" lại có thuốc Lào thật rít thẳng tay. Tôi hút xong điếu thuốc Lào mà say lừ đừ. Từ mấy bữa nay, hôm nay mới có thuốc Lào thật. Còn toàn hút thuốc Lào "lá cải già tẩm nước điếu phơi khô". Ăn xong. Hút xong thấy đời lâng lâng phơi phơi. Tôi liền tà tà đi ra gần chỗ nhà bếp, đằng hắng lấy giọng mà thưa với bạn ta rằng:

"Tương phùng được buổi hôm nay..."

"Trùng phùng lại nhớ giờ này hôm sau..."

Tôi nghe thấy tiếng cười rinh rích của Vũ Xuân Th vừa cười, vừa nói vọng ra:

- Được rồi, hiểu rồi... ông nội... Cứ khoảng giờ này ngày mai ông lại tới đây... nhưng mà khéo khéo đấy nhá.

Thế là cứ vào khoảng nửa buổi, 9 giờ rưỡi 10 giờ sáng, những ngày sau đó, mỗi khi thấy bạn tôi "chảo trường" ra cơm, tiếng xeng khua xuống chảo gang kêu xoèn xoẹt, là tôi lại lững thững đứng giả vờ bắt sâu bắt bọ, bên bụi ruối... rồi là linh từ tay bạn ta một gói cháo vừa chín tới mang về.

Nhưng cái thời gian "bồi dưỡng" này không được bao lâu. Chẳng hơn nửa tháng sau, bạn tôi Vũ Xuân Th đã dời khỏi nhà bếp, ra làm công việc. Nguồn tiếp tế của tụi tôi bị cắt. "Phúc bất trùng lai họa vô đơn chí", bạn Thiết Giáp NVP của tụi tôi cũng bị điều sang đội chăn nuôi. Cái khu rau này, Thượng úy "Không No" tuyên bố "chỉ cần hai người

cũng đủ. Các anh khắc phục". Công việc ba người làm trước đây đã "bá thổ" bây giờ còn lại có hai người. Ông cụ gần như bao giàn hết công việc cũ của NVP nhưng tôi vẫn phải làm thêm. Những điều đáng phàn nàn là trong thời gian bồi dưỡng vừa qua cái bao tử của tôi nó bắt đầu quen ăn "bữa lữ" hồi 9, 10 giờ sáng rồi. Bây giờ "ăn quen nhìn không quen" cứ nửa buổi là tôi phờ phạc, đói mịt mờ, cất chân, cất tay không muốn nổi. Thấy tôi rũ rượi như "gà chết" ông cụ một bữa nhìn tôi rồi chắc lưỡi: "Đừng có lo..." Ông cụ cầm con dao, xách cái bị cỏi đi phăng phăng. Chẳng nửa giờ sau ông cụ về, đặt phịch cái bị vào trong bếp. Trong cái lều nhỏ của tụi tôi lúc nào bếp cũng cháy lim dim, vừa để đun nước, hút thuốc vừa để sưởi những lúc nghỉ tay. Bây giờ, ông cụ quạt lửa lên, lấy mấy củ sắn ở trong bị ra bỏ vào bếp nướng. Ông cụ bảo tôi ra ngoài coi "động tĩnh". Tôi lại bắt đầu mừng vì có đồ ăn, nhưng lại ghê vì tôi biết ông cụ vừa lên trên đôi lầy sắn của trại.

Ở các trại tù hoặc nơi đóng quân của Vi Xi, ở chung quanh thế nào cũng có một số đất đai trồng thuốc. Ở vùng đồng bằng hoặc trung du thì trồng lúa, trồng ngô khoai, trồng trà, trên thượng du như Sơn La này thì trồng sắn, trồng ngô, trồng mía. Thứ sắn lưu niên để từ năm này sang năm khác, coi như là nguồn lương thực dự trữ. Đây là thứ cây lương thực dễ trồng nhất trong thiên hạ. Nhổ cây sắn lên lấy một chùm củ. Xong rồi cứ cái cây sắn ấy, lấy dao chặt ra hoặc bẻ ra được vài, ba cái hom, mỗi hom dài chừng gang tay, phải có ít nhất là ba mắt. Cuộc một nhất cuộc hay lấy dao đào lên, nhét một cái hom xuống, gác một đầu hom lên trên mặt đất. Cứ thế là chừng một năm sau, mỗi cái hom lại thành một cây sắn, lại cho một chùm củ. Đất tốt thì củ lớn, đất xấu thì củ nhỏ. Trong những thứ lương thực ở trại tù miền Bắc, sắn được xếp vào hạng bét. Chỉ tiêu, cân, đo, đong, đếm của lương thực là một gạo ăn hai ngô, hay là ba khoai, hay là bốn sắn. Dù là hạng bét nhưng đối với tù đói nhằn rãnh, nó vẫn là rất quý. Tù mà động đến sắn, ngô, khoai... của trại là phạm vào tội "xâm phạm tài sản xã hội chủ nghĩa". Nhất là trong khi thượng úy "Không No" lại đang hầm hừ anh em cải tạo như lúc này. Ông cụ bảo tôi đứng ra xem "động tĩnh" vì Thượng úy "Không No" cứ như cái bóng ma, lúc ẩn lúc hiện, chuyên môn rình rập theo dõi anh em. Đó là nghề của hắn.

Tôi có một anh bạn cùng khóa, NKB xưa nay tính tình "nhà binh" cho đến tận kẻ rãnh. "Réglo" số một, việc làm rãnh rác quần áo là ủi thẳng tắp, giày botte de saut bóng láng, huy chương đeo một dề, xe díp bóng người nệm trắng tinh tươm. Đi cải tạo ra Bắc bây giờ bạn tôi, không biết vì không hợp thủy thổ hoặc đói khát ra sao mà rãnh rục hết, thành một ông già móm xòm. Nhưng bạn tôi lại thêm đường thêm mật quá. Ở gần khu trại mộc của đội anh có một khu trồng mía. Mía cứ bị bẻ trộm hoài, thượng úy "không no" rình rập mãi mà không bắt được ai. Một bữa thượng úy thấy thấp thoáng bóng người trong ruộng mía liền nhảy ra bắt giữ. Gặp ông bạn móm xòm của tôi:

- Anh vào đây làm gì? Ăn trộm mía phải không?



THUYỀN DU

CHIỀU NIỆM

Chiều niệm Lý Phật Sơn, tức Trần Quang Bạch nhân đọc hồi ký của Nguyễn Thụy Long về các văn nghệ sĩ còn kẹt lại ở Saigon

Cờ máu, cấm từng nhà chiếm ngụ,
Hòa bình về nghe khóc như ri.
Đuổi dân lên núi rừng kinh tế,
Cách mạng thành công bia đá ghi.

Dưới mái rêu phong người tá túc,
Hỏi người: người nhấm mắt không thừa.
Hỏi thầy: thầy cải tạo ra Bắc,
Hỏi Phật: Chùa hoang phế khác xưa.

Chế độ không dung người nghiệp bút
Nên đành cơm áo gãi xa phu.
Góc đường nẻo chợ mưa hay nắng,
Thất ruột cảm hơi trái chuối khô.

Vợ vượt biên rồi, con nhỏ dại,
Đời tàn ngộ hẹp, chiếu che thân.
Cánh tay bại, nủ trời không tới,
Thiếu khói nầu đưa đến mộ phần.

Bạch ơi người đã ra thiên cổ,
Nghiệp lớn không thành đi khó người
Ta đốt trầm lên thay khói thuốc,
Một bài thơ nhỏ tiễn người thôi.

NGUYỄN QUAN HÀ

CHIỀU NIỆM LÝ PHẬT SƠN

Đời nó không dung người theo nghiệp bút *
Bạch hể! Bạch hể! Người bỏ đi rồi.
Không thương nhớ sao con thơ cô cút
Không luyến lưu sao bạn thiết trên đời!

Nhớ người xưa hận Tây cướp nước,
Nhớ người hôm nao ghét Mỹ hai lòng,
Thầy cũ khen người tâm đầy chí cả,
Bạn cũ thua người một thuở anh hùng.

Vị đưa con thôi, đưa chân cúi mặt,
Nắng sớm mưa trưa thân xác rã rời,
Vất kiệt máu xương ngọn đèn sắp tắt
Nửa đóm tinh anh leo lét đợi thời.

Thời chẳng chiều người,
trời cao không mắt,
Canh bạc nhân sinh người đã thua rồi.
Đã đến đã đi, đã còn đã mất,
Bạch ơi Bạch ơi! Sao phận con người...!

* Từ thơ Thuyền Du



PHAN XUÂN SINH

GIẢI OAN CHO TÀO THẢO

Ông quả đúng tổ sư đất Ngụy
lột áo, chấy râu, giặc đuổi chạy dài
ta thuộc nòi cháu con,
bước đường cùng tưng thế
cũng chạy hớt hơi quăng áo mao cần dai

Ngụy thời ta, ông kể như đồ bỏ
(khả úy của người sau lần lượt tiền nhân)
tiến chức thăng quan toàn loài cầu trệ
cổ lòn tròn vớ vết thoát thân

cái chạy của ông, sau lập nên nghiệp cả
thất thế sa cơ là chuyện nhất thời
nuôi chí lớn để tóm thâu thiên hạ
thế cờ Thục Ngô, như một cuộc chơi

cái chạy của bọn ta, trùng trùng mù mịt
chuyện áo cơm lo tối mặt phờ râu
hầm hầm ruột gan rồi bởi trăm mối
quang phục quê hương?
Coi như thử tầm phào

nước đục nước trong bây giờ vỡ lẽ
thế sự thăng trầm mới tỏ thực hư
thời tam quốc ông vang lừng bốn bể
thiên hạ chê cười, ông ôm hận ngàn thu

ta kẻ hậu sinh, giờ lại pho sách cũ
mà khen ông đúng là bậc tài hoa
ta vỗ án thư thét lên khăn cổ
phải giải oan này mới thỏa được lòng ta.

NGUYỄN ĐỨC HÒA

MƯA ĐÊM

Nằm nghe mưa rả rích về
Vân vi từ cõi u mê kiếp nào.
Xác thân mờ ảo trôi vào
Bồng bênh nghe gió thì thảo trong mưa.
Một ngàn, một vạn năm xưa
Mưa đêm nào có bao giờ khác đâu.
Lòng tan ướt sũng nhịp cầu
Cuộc tình nào chẳng vương màu xót xa.
Mưa đêm nuốt lệ dòng nhòa
Tìm trang sách cũ, hư vô thoáng vào
Lửa hương nửa ngổ trúc đào
Nghe mưa điệu vội đi vào tâm tư.

- Tôi đi kiếm rau "tàu bay". Tôi đâu có trộm mía.

- Không ăn trộm mía, vào đây làm gì?
Anh bạn tôi liền há mồm ra, chỉ vào hai hàng lợi không răng mà phều phào nói:

- Tôi đâu còn răng mà ăn mía.

Thượng úy "Không No" thấy vậy, không còn bắt bẻ vào đâu được nữa nên vùng vằng bỏ đi. Nhưng y ta nhất quyết bắt cho bằng được người ăn trộm mía. Một bữa không biết y ta đến từ bao giờ, cải trang ẩn dạng ra sao mà ông bạn móm của tôi vào chặt vôi cây mía là bị y ta bắt được ngay tại trận. Y rất lấy làm bằng lòng về chiến công "bắt trộm" của mình. Ban tôi quá thiếu chất đường (cũng như hầu hết từ cải tạo thêm nhất là thêm ngọt và thêm mỡ) nên thường lên vô ruộng mía, đem dao chặt vôi một vài đải, nhét vào người mang về. Lấy dao róc mía, chẻ mía ra từng miếng nhỏ đưa vào miệng không răng mà nhai, mà ngậm. Nó cũng khỏe lên được phần nào. Còn vỏ mía thì phải chôn xuống đất ngoài vườn. Ngay bữa bắt được kẻ trộm mía, Thượng úy "Không No" liền biểu diễn quyền uy của mình bằng cách khác; không có giam "tội nhân" vào cái cũi giấy kẽm gai mà y ta bắt ông bạn không răng của tôi cầm nguyên một cây mía đứng riêng ở ngoài cổng trại. Y ta nói: "Hãy nhìn cho kỹ đi, thượng cấp của các anh đấy". Anh em đi làm về đều thấy ông bạn tù già, cầm cây mía đứng lom khom, cúi mặt không dám nhìn ai. Ai cũng thương anh... đồng cảm với anh vì đi tù cải tạo trăm người như một đều phải "cải thiện" cách này, cách khác. Con người "một động vật xã hội" nên "đói là đầu gối phải bò". Thế thôi, chả ai coi thường, chả ai bỉ thử anh đâu. Nhưng tôi biết, bạn tôi vốn trọng phép tắc lễ nghi nên bạn tôi đau lắm.



Do vậy nên bây giờ thấy ông bạn già Thượng Tọa đi lấy trộm sắn về cho tôi ăn vì tôi thèm quá, đói quá, tôi vẫn thấy ghê ghê trong bụng. Thượng úy "Không No" mà bắt được không biết y ta sẽ hành hạ mình cách nào đây? Nhưng sợ bị bắt là cái lo xa. Còn đói cồn cào ruột gan là cái lo gần. Thế thì ta hãy cứ ăn cái đã. Đang đói bụng mà lại có sắn lùi bếp than thì nhất thế giới rồi. Tôi cứ chấp thẳng cánh. Ông cụ đi lấy sắn, nướng sắn mà ông cụ ăn có bao nhiêu đâu. Tôi ăn phần lớn. Và sau đó cứ vào khoảng 9, 10 giờ sáng, tươi bón xong là ông cụ xách cái bị ra đi. Lúc thì sắn, lúc thì khoai, lúc thì củ giong... Tôi cứ có cái ăn đều đặn.

Bạn Tây con Thiết Giáp NVP phải đổi sang đội chăn nuôi, trong cái rủi lại có cái may. Bên ấy có công tác lên rừng dẫn cây chuối hột về cho heo ăn. Được ra ngoài thuộc "diện rộng" đi xa xa, gặp được "đồng bào" nên mới có cơ hội kiếm ăn, đổi chác. Văng mặt tên quân giáo, len lén đem được một cái quần tây, một cái áo pull, một cái kính, một cái bật lửa v.v... đem "quy ra thóc" lấy xôi, lấy cơm nắm... hoặc "quy ra thuốc" lấy thuốc Lào... đều được cả, thành ra tụi tôi dạo này có vẻ "phong lưu" hơn trước.

Một bữa lấy sắn về ông cụ đang ngồi nướng trong lều quạt đang đều tay, sắn đã bắt đầu chín bốc mùi thơm ngậy, tôi đã chực sẵn sắp đến giờ ăn, thì bỗng có tiếng động nhẹ đằng sau. Tôi quay nhìn lại thấy đôi ủng màu đen đã đứng sau lưng từ lúc nào rồi. Tôi chết sững. Thượng úy "không no" đã tới.

- Biết ngay mà, cứ vào khoảng 10 giờ nà cái nều này có khói.

Thượng úy "Không No" đắc chí.

Tôi cứng họng không biết nói năng gì, tâm thần hoảng hốt. Ông bạn già Thượng Tọa của tôi, khễ ngược lên, nhìn Thượng úy "Không No" mà điềm đạm nói:

- Cán bộ thứ cho. Anh em chúng tôi... đói quá.

Giọng nói ông bình tĩnh, người ông vẫn ngồi vững vàng cái tay quạt sắn vẫn đều đặn không đổi thay, không cuống quýt, mà cũng không ngừng nghỉ.

- Như thế này là nẫu rồi đấy nhá. Không phải chỉ mới hôm nay mà thôi đâu.

Thượng úy "Không No" vừa nói vừa quay ra xem xét, kiểm soát căn lều. Chợt y ta thấy hai cái mộ bia mà ông già Thượng Tọa của tôi vừa đục xong còn để đó, Vũ Văn Sâm... mất ngày..., Ngô Quý Thuyết... mất ngày... Y đọc mộ bia xong nhìn chúng tôi, một anh tù già tóc bạc phơ, một anh tù trung niên xác xơ ốm đói. Hình như có một chút suy nghĩ gì đó thoáng qua trên nét mặt, y có vẻ đắn đo, xong rồi y lững thững đi ra mà nói:

- Sau không được thế nữa nhá. "Ninh tinh".

... Cho đến bây giờ không biết lý do nào mà tên Thượng úy hầm hừ ấy đã bỏ qua cho chúng tôi. Có thể vì nhìn những tấm mộ bia, nghĩ đến những anh em xấu số của chúng tôi đã chết vì đói lạnh... hoặc là phong thái "đại hùng, đại lực, đại từ bi" của con nhà Phật trong phút giây nào đó đã khơi dậy được "chút tình người" còn sót lại trong y. ■

20 NĂM VĂN HỌC HẢI NGOẠI

VIÊN LINH

Văn Học: Trước 1975 tại Sài Gòn, anh từng viết văn, làm thơ, làm báo, am tường mọi sinh hoạt liên quan tới chữ nghĩa của miền Nam. Từ kinh nghiệm quý giá đó, anh có thấy văn học hải ngoại là dòng nối dài của văn học miền Nam hay không?

Viên Linh: Những "sinh hoạt liên quan tới chữ nghĩa" là những sinh hoạt của "viết, đọc, và phê bình". Tôi thu hẹp câu trả lời trước hết vào việc đọc, thứ nhất trên quan điểm thu hoạch được của một độc giả, sau đó mới là quan điểm của một người viết. Phê bình sẽ không nhiều. Trong câu hỏi đầu của anh, có mấy chữ "văn học hải ngoại" và "văn học miền Nam". Câu hỏi của anh là văn học hải ngoại có phải là dòng "nối dài" của văn học miền Nam không? Tôi sẽ trả lời song song với một câu hỏi suy diễn để so sánh do tôi đặt ra: Văn học trong nước có phải là dòng "nối dài" của văn học miền Bắc hay không?

Trong trí nhớ chủ quan, mấy chữ "Văn học miền Nam" chỉ được dùng khoảng mười, mười lăm năm sau thời điểm chia cắt đất nước 1954. Trong khoảng 1968-1972, khi điều khiển tuần báo *Khởi Hành* của Hội Văn nghệ sĩ Quân đội, tôi khởi thảo loạt bài "Sơ thảo 15 năm văn xuôi miền Nam" với các anh Cao Huy Khanh (biên niên sử), Nguyễn Nhật Duật, Lê Huy Oanh, Huỳnh Phan Anh, và tôi (từng tác giả). Khi rời *Khởi Hành* để dựng bán nguyệt san *Thời Tập* (1973-1975), chúng tôi đổi thành "Hai mươi năm văn học miền Nam Việt Nam", cũng vẫn từng ấy người viết. Loạt bài này đã được nhiều người dùng, đặc biệt là anh Doãn Quốc Sỹ lấy để giảng dạy tại Đại học Văn khoa Sài Gòn.

Cùng trải qua hai thời điểm ấy, tôi thấy những năm đầu tiên sau 1954 và những năm đầu tiên sau 1975, người cầm bút ở miền Nam và người cầm bút ở hải ngoại có một tâm trạng chung: mất quê hương, lạc loài, lưu vong. Sau 1954, chính những người này đã khiến văn học miền Nam tương phản rõ rệt với văn học miền Bắc (dù miền Nam lúc đó vẫn đang có những Bình Nguyên Lộc, Tam Ích, Hồ Hữu Tường, Sơn Nam, Thanh Nam, Kiên Giang...). Sau 1975, cũng chính tâm trạng này đã khiến văn học hải ngoại tương phản rõ rệt với văn học quốc nội (dù ở hải ngoại từ trước đã có những Thi Vũ, Nhất Hạnh, Phạm Công Thiện, Đặng Tiến, Võ Đình, Linh Bảo...(1)).

Trong thời kỳ chiến tranh lạnh (cả giai đoạn ở miền Nam lẫn giai đoạn đã rời miền Nam) các tác giả tiêu biểu của miền Nam vẫn là các tác giả tiêu biểu ở hải ngoại, cộng thêm một vài người mới nổi ở ngoài như Nguyễn Ngọc Ngạn, nhưng những Nguyễn Ngọc Ngạn ở hải ngoại cũng vẫn có tâm trạng chung nói trên. Các tác giả của miền Nam nếu bị kẹt lại, phần lớn bị tù đầy. Ra khỏi nước sau đó, họ nhập chung vào dòng văn học hải ngoại, không một chút xa lạ. Vậy thì theo tôi, văn học hải ngoại thời chiến tranh lạnh chính là văn học miền Nam. Nói một cách khác, dòng văn học hải ngoại chính là dòng văn học miền Nam nhưng thiếu những người bị miền Bắc cầm tù và những người tự nguyện gia nhập dòng văn học miền Bắc. Mà trong khi văn học miền Nam trở thành văn học hải ngoại thì văn học miền Bắc trở thành văn học quốc nội. Cùng một phút, cùng một giờ. Chỉ có một thay đổi: biên giới. Thành ra chữ "miền Nam", "Hải ngoại", "Miền Bắc", "Quốc nội" chỉ có một ý

Bài trả lời phỏng vấn sau đây đã đăng trên tạp chí Văn Học số 101, tháng 9.1994, từ trang 11 tới trang 20. Những phát biểu ngày đó đối với tôi hiện nay càng thấy đúng hơn. Có một điều cần nhấn mạnh: khi nhắc tới nhà văn Dương Thu Hương, tôi chỉ dùng như một biểu tượng điển hình, không hề có ác ý; trái lại, trước những phát biểu dũng cảm của cô hồi gần đây, nhất là sau vụ Thái Bình, như khi cô nói Hà Nội bóp cổ người chống đối trong bóng tối, lòng tôi rất cảm kích. Những phát biểu trong bài, khi được cô Nguyễn Tà Cúc trích dẫn, trở nên phổ biến hơn, do đó một số văn hữu, thân hữu ngỡ ý muốn đọc toàn bài, nên Khởi Hành cho đăng lại dưới đây, cùng với nhận định: những phát biểu này vẫn còn cần thiết.

nghĩa là ý nghĩa địa lý, lại là địa lý chính trị: miền Nam hay Hải ngoại là văn học Việt Nam Quốc gia; miền Bắc hay Quốc nội là văn học Việt Nam Xã hội chủ nghĩa. Cho tới phút tôi đang viết câu trả lời này, Việt Nam vẫn là một nước xã hội chủ nghĩa. Chưa ai thấy một nhà văn nào, một tạp chí văn học nào hay một nhóm nhà văn nào ở trong nước thuộc dòng văn học miền Bắc phủ nhận chủ nghĩa xã hội, phủ nhận thể chế xã hội. Cho nên tôi không thể nghĩ khác được rằng văn học của một nước xã hội chủ nghĩa lại không phải là văn học xã hội chủ nghĩa. Ở đây xin không nói tới những nhà văn hiện ở trong nước nhưng thuộc dòng văn học miền Nam, những người mới đây in *Mười hai tác giả Sài Gòn, mười hai truyện ngắn 1993* (2).

Mấy chục năm nay, chúng ta hay dùng chữ "nối dài" một cách giễu cợt. Chữ ấy sở dĩ có là để bài bác các tờ *Văn hóa Ngày nay* (1958), *Tân Phong* (1959) trong cố gắng muốn khôi phục ảnh hưởng của Tự lực văn đoàn ở miền Nam. Nhất Linh là một ngôi sao bắc đẩu trong vận động sinh hoạt văn học báo chí thời tiền chiến, nhưng vận động ấy hồi giữa thập niên 50 không thể khôi phục vai trò của Tự lực văn đoàn như vai trò họ có thời tiền chiến. Các tác giả do Nhất Linh đề bạt vào TLVD sau 1958 (khi *Văn hóa Ngày nay* ra đời) không có cái vóc dáng của thời Đệ nhất TLVD, giống như cái khúc đường Lê văn Duyệt từ Hòa Hưng xuống Ngã Tư Bảy Hiền không phải là cái khúc đường Lê văn Duyệt nguyên thủy - gọi là Verdun - từ Hòa Hưng lên tới Ngã Sáu Sài Gòn. Cho nên tôi không muốn dùng chữ này, dù chỉ thêm một lần nữa.

Ở một đoạn trên, tôi có dùng mấy chữ "trong chiến tranh lạnh". Những nhận định trên của tôi cũng chỉ nói đến các nền văn học Việt Nam trong thời kỳ ấy. Khi cuộc chiến tranh lạnh chấm dứt, các nền văn học ấy khởi sự thay đổi: Hải ngoại trước chỉ có Bắc Mỹ và Tây Âu, nay thêm Đông Âu. Trong nước trước chỉ có Xã hội chủ nghĩa, nay thêm Cờ trời. Chính do biến cố chính trị ấy mà chúng ta mới có chuyện để nói. Không có biến cố chính trị ấy thì không có đổi mới hay cờ trời, cái cây văn và cái bừa thơ vẫn buộc vào vai trâu, và con trâu được vắt ngang ruộng đất thì cây ngang ruộng đất, được vắt dọc cái cách thì bừa dọc cái cách; con trâu vẫn là con trâu dù ruộng đất có cái cách hay không cái cách.

Văn Học: Theo ý anh, nên lấy tiêu chuẩn nào để xác định một tác phẩm là thuộc về dòng văn học hải ngoại? Địa lý (tác giả ở trong nước hay ngoài nước), chính trị (Cộng sản, Quốc gia), ngôn ngữ (trường hợp các tác giả viết bằng ngoại ngữ), nơi xuất bản sách (tác phẩm từ trong nước gửi ra in ở hải ngoại)?

Viên Linh: Như câu trước, tôi cũng sẽ trả lời song song với những câu hỏi suy diễn, bởi mục đích chính của cuộc phỏng vấn này là gì? Sơ thảo văn học sử một giai đoạn, hay xem xét những điều kiện giao lưu? Ở đây tôi không thấy có mục đích văn chương. Câu hỏi thứ ba các anh gửi cho tôi: "dựa trên những tiêu chuẩn nào để thưởng thức hay phê phán một tác phẩm xuất bản trong nước", tôi thấy nó lạc lõng. Nhưng tôi xin dùng cái chỗ lạc lõng này để từ đó nói về các tiêu chuẩn Văn Học đã chỉ danh: nơi

tác giả sống, nơi cuốn sách xuất bản, ý thức hệ và ngôn ngữ (viết bằng tiếng Việt hay ngoại ngữ).

Tôi bắt đầu bằng cuốn *Những thiên đường mù* của Dương Thu Hương. Chọn nói về cuốn này không phải vì nó hay nhất, mà bởi vì cô là tác giả có liên hệ đến người Việt hải ngoại, người Việt miền Nam và các thứ khác, nhiều nhất. *Những thiên đường mù* là một phó sản của văn học miền Nam. Không có biến cố 1975, không "ngẫu nhiên đọc văn chương miền Nam trong khi các bạn gái khác đi mua sắm son phấn, đồ lót" như cô từng xác nhận (tôi không nhớ nguyên văn), Dương Thu Hương không viết được cuốn sách đó. Và nếu không được cởi trói, cô cũng không có đủ tự do để viết cuốn sách đó. Nhờ biến cố 1975, các nhà văn miền Bắc mới được thở không khí của thế giới tự do, qua cửa ngõ Sài Gòn, và luồng không khí này thổi một sinh khí hồi sinh cho những người cầm bút miền Bắc. Mỗi tháng trước 1975, miền Nam in khoảng 2000 tựa sách mới, kể cả sáng tác dịch thuật đủ loại. Hai mươi năm ở miền Nam, bao nhiêu cuốn sách ra đời! Những cuốn sách ấy mở cửa thế giới cho những người vào từ trên vĩ tuyến 17. Sau 20 năm, những công trình sáng tác dịch thuật của miền Nam là một Đại Thư viện Văn học (không kể các ngành khác) cho các "tân sinh viên" miền Bắc. ở đây, họ đọc được tất cả các danh phẩm quốc tế, không phải chỉ có sách của Liên xô, Đông Âu và Trung quốc. Lần đầu họ thấy được tâm hồn và đất nước người, cũng như tâm hồn và đất nước miền Nam. Lần đầu họ thấy sản phẩm của nền văn học tự do. Từ sự mở mang này mà có *Những thiên đường mù*, có Dương Thu Hương và các thứ. Nền móng của văn học phản kháng chính là văn học miền Nam (dương nhiên cũng chỉ xảy đến cho những người cầm bút ý thức).

Không nhằm phê bình cuốn sách này, tôi chỉ lấy nó để đưa ra một nhận định. Có thể có hơn một cuốn như thế. Câu hỏi vẫn còn đó là: "Lấy những tiêu chuẩn nào để xác định một cuốn sách thuộc dòng văn học này hay dòng văn học kia". Có thể dùng tạm chữ "tiêu chuẩn thời thế". Theo tiêu chuẩn thời thế, một tác phẩm có thể được xếp vào bên này hay bên kia, dù tác giả sống ở đâu, hay viết bằng thứ ngôn ngữ nào. Mà khi thời thế đổi thay, tức là có "giao lưu", có chính có tà, còn có ngụy. Có chính qua tà, tà qua chính, có cả chính lẫn tà, tà qua ngụy, còn có cả ngụy chính và ngụy tà.

Tiêu chuẩn thời thế cũng sẽ giải quyết được vấn đề thời điểm. Hoàng Xuân Hãn ở hải ngoại 3, 40 năm, được kể như thân miền Bắc, cụ thuộc dòng văn học nào? Hoàng Văn Chí ở hải ngoại 3, 40 năm, được kể như thân miền Nam, cụ thuộc dòng văn học nào? Nhất Hạnh cũng vậy. Cũng vậy với Đặng Tiến, Thi Vũ, Trần Thanh Hiệp, Thụy Khuê, Võ Đình...những người ra hải ngoại trước 1975. Thời Lê, Trần Ích Tắc chạy qua Tàu ngồi viết *An Nam chí lược*. *An Nam chí lược* thuộc dòng văn học hải ngoại hay văn học Tàu? Rồi Phan Bội Châu, Phan Chu Trinh ở Thượng hải, ở Đông kinh, viết hồi ký, làm thơ? Sau 1956, Nguyễn Chí Thiện ở miền Bắc viết *Tiếng vọng từ đáy vực* (nhân đề này do tôi đặt), tác phẩm do *Thời Tập* xuất bản ở Washington D.C. năm 1980, *Tiếng vọng từ đáy vực* thuộc dòng văn học nào? Miền Bắc? Hải ngoại? Trong nước? Bùi Giáng đang sống ở Sài Gòn, *Thơ Bùi Giáng* do anh em Việt Thường ở Canada xuất bản, *Thơ Bùi Giáng* thuộc dòng văn học nào? Miền Nam, Hải ngoại, Trong nước? Thân thị Ngọc Quế đang sống ở Pháp, thơ bà in trong nước, tác phẩm của bà thuộc dòng văn học nào? Trong nước hay Hải ngoại? Phạm thị Hoài đang ở Đức, in truyện ở Bolsa, tác phẩm của Phạm thị Hoài thuộc "dòng văn học Bolsa" (chữ của Đặng Tiến qua bài phỏng vấn của Thụy Khuê đăng trên *Diễn Đàn*) chăng?...

Thế thì theo thiên ý, ranh giới địa lý là ranh giới hành chánh, chính trị, không phải ranh giới văn học. Văn học vốn chẳng là vượt thời gian và không gian ư? Chữ "Hải ngoại" cũng là một chữ địa lý chính trị, không được hoàn toàn chính xác. Đặng Tiến viết cho Đoàn Kết, *Diễn Đàn*, anh ở hải ngoại nhưng là hải ngoại Việt kiều, không phải hải ngoại lưu vong. Hai tờ báo anh viết phổ biến ở quận 13 Paris, dù thế ai dám bảo văn chương đó là văn chương quận 13? Bùi Giáng ở miền Nam nhưng không thuộc văn học quốc nội hiểu theo dòng miền Bắc-Quốc nội, mà thuộc dòng miền Nam-hải ngoại, là dòng văn học chống văn học xã hội chủ nghĩa. Thành ra dùng tiêu chuẩn thời thế, ta có văn học Nam Bắc triều chẳng hạn, đúng hơn là văn học Đảng Trong, văn học Đảng Ngoài...

Tới đây, cần nói sơ tới thời điểm chiến tranh lạnh kết thúc. Chính từ lúc đó mà sinh hoạt văn học miền Bắc-Quốc nội (Văn chương minh họa) chuyển hướng, để mở ra một hướng văn học mới: tìm về dân tộc. Nhưng cũng từ căn bản cá nhân lẻ tẻ, tùy tài năng, ý thức từng người (những

Lưu Quang Vũ, Nguyễn Huy Thiệp...). Cho nên nếu không thể nói văn học hải ngoại là văn học miền Nam nối dài thì cũng không thể nói văn học trong nước là văn học miền Bắc nối dài, vì văn học miền Bắc đã được khơi mở khi tiếp xúc với miền Nam, được đẩy tới khi bức tường Bá linh bị phá sụp. Những rung động ấy được nhìn thấy trong văn phong các tác phẩm sau này. Đó là văn phong miền Nam nơi một số tác giả miền Bắc ở lớp tuổi còn có thể "đổi mới" khi vào Sài Gòn năm 1975, lúc họ khoảng trên dưới 30 tuổi. ở hai nhà văn nữ nổi tiếng miền Bắc, tôi nhìn thấy ảnh hưởng bóng lánh của Trần thị NgH., của Nguyễn thị Ngọc Minh. ở hai nhà văn nam khác, tôi nhìn thấy tiểu thuyết phóng sự của báo chí Sài Gòn trước 1975. Không phải họ không có tài. Họ có tài. Tài năng đó chỉ phát triển khi văn học miền Nam mở cho họ những cánh cửa nhìn vào văn chương thế giới.

Văn chương hải ngoại bây giờ cũng khác văn chương miền Nam, vì ra nước ngoài, những cánh cửa hai mươi năm trước vừa mở ra cho những nhà văn miền Bắc thì cũng đóng lại với họ; họ mở ra những cánh cửa khác trực tiếp hơn, bao la hơn, thô bạo hơn. *Thơ Nguyệt Động* của Nguyễn Đức Sơn 20 năm trước bạo tợn thế, nay thật là thơ mộng, vì Nữ thần Thi ca của Sơn đến từ thiên cổ, không phải những Nữ thần da latex đến từ Hongkong hay Cự Kim Sơn.

"...ranh giới địa lý là ranh giới hành chánh, thế chế chính trị, không phải ranh giới văn học...Cụ Hoàng Xuân Hãn ở hải ngoại 3, 40 năm, cụ Hoàng Văn Chí ở hải ngoại 3, 40 năm, các cụ ở dòng văn học nào? Thời Lê, Trần Ích Tắc chạy qua Tàu ngồi viết *An Nam Chí Lược*, *An Nam Chí Lược* thuộc dòng văn học hải ngoại hay văn học Tàu? Rồi Phan Bội Châu, Phan Chu Trinh viết ở *Thượng Hải*, ở *Đông Kinh*? Các cụ ở dòng văn học nào?"

Văn Học: Nếu có giao lưu giữa văn học hải ngoại và văn học quốc nội, sự giao lưu ấy phải xảy ra trong điều kiện nào? Theo anh, khi đọc một tác phẩm xuất bản trong nước, nên dựa theo những tiêu chuẩn nào để thường thức hay phê phán?

Viên Linh: Tôi đã ba lần lên tiếng về giao lưu văn hóa, giao lưu văn học, lần đầu tháng 9.1992 trên đài RFI qua cuộc phỏng vấn của Thụy Khuê lúc tôi qua Pháp. Cung Trầm Tưởng lúc ấy ở Sài Gòn, anh có nghe, và đồng ý với tôi. Lần thứ hai qua cuộc phỏng vấn cho chương trình của anh Nguyễn Hữu Trí trên đài V.O.A. tháng 12.1993, và lần vừa rồi lúc Thụy Khuê qua Mỹ, mang về phát trên đài RFI vào tháng trước. Xin tóm tắt:

Hãy giao lưu với bằng hữu của chúng tôi hiện còn ở trong nước trước. Đó là những người đồng chí hướng và từng thuộc vào một dòng văn học với chúng tôi. Khi những Doãn Quốc Sỹ, Tuệ Sỹ, Vương Đức Lự, Mai Trung Tĩnh, Hoàng Hải Thủy, Cao Huy Khanh, Bùi Giáng chưa in được tác phẩm ở trong nước, chưa viết được trên báo chí xuất bản ở trong nước, thì thế nào là giao lưu? Cho tới giờ phút này tôi vẫn chỉ thấy họ muốn giao lưu với những người họ chưa bỏ tù được, còn với những người họ bỏ tù được, thì vấn đề tự nhiên triệt tiêu, đối tượng đã không còn thì làm gì còn vấn đề mà đặt ra nữa. Một sự thật lớn lao như thế mà không chịu nhìn nhận, thì là lẩn lút, giả trá, không có gì nên bàn đến nữa. May thay, cách đây 6 tháng, (trên tạp chí *Văn Học Hà Nội*, tháng 2.1994), ông Nguyễn Huệ Chi, phó viện trưởng Viện Văn học, đã can đảm viết ra điều này: "Điều cần yếu...trong xu thế hòa hợp, giao lưu hôm nay, giữa những người Việt trong nước với trong nước...". Chỉ vài chữ thôi, ít ra ông Nguyễn Huệ Chi cũng có cái gan của một kẻ sĩ. Ngay ở trong nước mà không hòa hợp giao lưu được, thì giao lưu với hải ngoại nghĩa là gì? Chỉ là một khía cạnh kiểu vận, kiểu vận trên mặt trận văn hóa. May hơn nữa là Đặng Tiến khi trả lời báo *Diễn Đàn* (tháng 5.1994) cũng đã ở cái lúc nói ra được điều này: "Tôi chỉ sợ rằng...sẽ rơi vào kế hoạch kiểu vận của chính quyền nhà nước V.N. đang ve vãn Việt kiều..." Theo tôi, không bao giờ có giao lưu văn học giữa văn học Việt Nam hải ngoại và văn học xã hội chủ nghĩa V.N.. Khi những người cầm bút trong

nước được tự do, tự do viết và tự do xuất bản, tự do đi lại, thì lúc ấy làm gì còn cần đến giao lưu nữa. Không vì lý do gì để người cầm bút tự do, lại có đến "hai lần tự do", lo nghĩ giao lưu hòa hợp. Mấy năm nay tôi cứ thấy buồn cười và bức mình. Nếu có vài cánh chim ca hát ngoài lồng đến gần những con chim trong lồng, là để an ủi, giúp đỡ, khích lệ, mở cửa cho những con chim chẳng may ở trong lồng, không lẽ lại muốn chui vào lồng như những con chim kia (3).

Phần hai của câu hỏi này, tôi thấy lạc lõng. Tuy nhiên ta cũng nên trở lại với văn chương thôi. Nên dựa trên những tiêu chuẩn nào để thưởng thức hay phê phán những tác phẩm xuất bản trong nước? Theo tôi, ta cứ dựa trên tiêu chuẩn chung. Đã là một tác phẩm thì phải hay cái đã, dù trong nước hay ngoài nước. Nhưng trong nước, thiếu tự do, người viết đi vào ẩn dụ, ẩn dụ là đặc thù của tất cả mọi nền văn chương bị trói buộc. Ngay cả khi được cởi trói, nhà văn trong nước vẫn viết với tâm trạng bị trói, sẽ bị trói, hay tạm thời không bị trói. Họ không thể quên cái gương Nhân văn Giai phẩm. Cũng vẫn còn nhớ tai nạn xe hơi xảy ra cho Lưu Quang Vũ, Xuân Quỳnh. (Về chính trị thì cũng không nên quên những tai nạn chết người xảy ra cho mấy ông tướng, cho Đinh Bá Thi). Cho nên từ văn phong của cô Dương Thu Hương lúc viết bài tham luận đọc ở một buổi họp Đảng đến văn phong của cô khi viết cho ông lang Tây sau vụ đi chơi sông Đà, ta thấy rõ sự biến chuyển nơi một tác giả trong nước khi ta đọc hay phê phán bài viết của họ. Nếu người đọc là ông bác sĩ, có thể người đọc tự giận mình đã cư xử ra sao, có thì hành bốn phần đúng mức của một chàng trai hành hiệp bốn phương lão luyện giang hồ chàng, để cố sự xảy ra eo xèo như thế. Nếu người đọc là người đã viết trên một nhật báo ở đây, hãnh diện nhận mình cùng quê Thái Bình với cô Hương, viết rằng "Tôi uống từng lời của chị", thì trước sau phải thấy rằng đọc thơ văn trong nước - của dòng văn học miền Bắc - là cần "giải hoặc" trong khi đọc. Giải hoặc ẩn dụ, giải hoặc văn phong, giải hoặc chiến dịch và giai đoạn.

Văn Học: Anh qua Mỹ từ 1975, chứng kiến sự thành hình của văn học hải ngoại ngay từ thuở ban đầu. Anh nghĩ thế nào về tiến trình của nền văn học ấy, từ đó đến bây giờ?

Viên Linh: Anh Nguyễn Mộng Giác có lần đã tìm hiểu ảnh hưởng của phong trào vượt biển lên biến chuyển của văn học hải ngoại. Anh bảo lớp người vượt biển qua từ cuối 1978 trở đi đã mang cho lớp di tản đi trước một lý do để sống: chúng ta có chính nghĩa để ra đi, thay cho tâm trạng lưu vong lưu đày trước đó. (Đó là lúc Võ Phiến, Lê Tất Điều làm tờ *Văn Học Nghệ Thuật*, Nguyễn Hữu Hiệu và tôi đăng bài "Lũ chúng ta lạc loài năm bảy đứa", Phạm Duy phổ thơ Vũ Hoàng Chương trên tờ *Thời Tập* ở D.C., 1978). Tới 1980 với tập *Tiếng vọng từ đáy vực* do Nguyễn Hữu Hiệu xuất bản, với cuộc ra đi ồ ạt, với sự bất bớ giam cầm văn nghệ sĩ trí thức miền Nam của chính quyền Hà nội được loan truyền sâu rộng, khí hậu văn học lại đổi khác nữa.

Tại hải ngoại, thời kỳ "xét lại" ban đầu thực đau đớn: Thời kỳ kẻ xấu, ném đá, lỗi tại tôi lỗi tại tôi mọi đảng. Lớp tướng lãnh bị ném đá. Lớp công chức cao cấp bị kẻ xấu. Lớp trí thức dân vật, tui nhục vì sự thất bại của mình. (Nhà văn Mạc Đỗ, cột trụ của nhóm Tự Do và Quan Điểm, người tôi còn may mắn thư từ, là kẻ sĩ điển hình của lớp này. Anh vẫn không muốn gặp ai, không muốn phổ biến chữ nghĩa, vì lòng tự trọng này). Cuối cùng, những gì tương đối nhất mà người Việt di tản còn chấp nhận được, chính là văn chương báo chí, văn học miền Nam. Có thể chỉ vì người ta đã tới lúc so sánh được hai nền báo chí, hai nền văn chương, hai nền văn học. Có thể vì gương tù đầy chết chóc của các cây bút miền Nam trong các nhà tù của Hà nội. Có thể vì nhạc vàng và văn chương Sài gòn là những bảo vật trân quý người miền Bắc vô vậ tìm kiếm. Báo chí văn học hải ngoại, may thay, là kẻ nối dõi chính thống, do đó được yêu mến, dù đó chỉ là lòng yêu mến một thái tử con quý phi, không phải lòng yêu mến một hoàng tử con hoàng hậu, dù đứa con đó, tự nó, sau khi miếu đường đổ vỡ, đã lan lộn truân chuyên với ngoại đạo tà phái. Cũng được thôi. Nó vẫn là kẻ nối dõi của chính phái. Tuy vậy, phải hiểu rằng ngày mai nó trở về, triều đại phải thay đổi. Có những người đã nửa thế kỷ (1945-1995 chẳng hạn), những người ra đời trong vùng kháng chiến bên kia vĩ tuyến 17 trước 1954 và sau 1954, bị hạn chế bởi vĩ tuyến 17, chưa bao giờ vào Sài gòn đọc tiểu thuyết thơ nhạc miền Nam sau 1975. Những người ấy cho tới giờ này chưa biết tí gì về Nhất Linh, Vũ Hoàng Chương, Vũ Khắc Khoan, Nguyễn Mạnh Côn, Doãn Quốc Sỹ, Tô Thùy Yên, Dương Nghiễm Mậu, Nhã Ca, Cao Tần, những người ấy phải qua một lớp nhập môn. Có thể gọi lớp học này là "50 năm Văn

học Quốc gia", để so sánh với 50 năm văn học xã hội chủ nghĩa.

Văn Học: Năm 1975, một đợt các nhà văn nhà thơ di tản sang định cư ở Hoa kỳ, Pháp, Anh, Canada... Phần lớn những nhà văn nhà thơ nói trên ít tham gia trực tiếp vào sinh hoạt chữ nghĩa ở hải ngoại, sáng tác cũng ít hơn so với lớp vượt biển sang sau. Theo anh, đâu là nguyên nhân tạo ra tình trạng ấy?

Viên Linh: Tôi được sống qua nhiều lớp sóng phề hưng. Lớp Sáng Tạo đánh vào bãi Tự Lực Văn đoàn, lớp Hiện sinh đánh vào bờ Lãng mạn. Tôi đã thấy lớp Hiện tượng, lớp Cơ cấu. Cuộc tung hoành của Nguyễn văn Trung, Lê Tôn Nghiêm và Phạm Công Thiện, Tuệ Sỹ, Ngô Trọng Anh trên các tờ Đại học, Đất nước và Tư tưởng, Vạn Hạnh. Cái trung dung của Bách khoa, Văn, cái xông xáo của *Khởi Hành*... Lớp ra đi năm 1975, chúng tôi cùng một con tàu, nghĩa bóng cũng như nghĩa đen, là con tàu American Challenger, rời Phú quốc đêm 29.4.75. Có Võ Phiến, Thanh Nam, Lê Tất Điều và tôi. Thanh Nam đã ra đi, Lê Tất Điều im lặng, Võ Phiến vẫn giơ cao ngọn cờ. Thế thì cái tâm trạng chung (ít tham gia trực tiếp, ít sáng tác) chỉ là những hoàn cảnh riêng: người nhiều tuổi nhất trong đám (Võ Phiến) vẫn viết hàng, kẻ ít tuổi nhất (Lê Tất Điều) thì ...ở ẩn. Thanh Nam đã chết, anh được yên phần. Riêng tôi được anh hỏi, phải trả lời ra sao?

"...trước sau phải thấy rằng đọc thơ văn trong nước - của dòng văn học Miền Bắc - là cần "giải hoặc" trong khi đọc. Giải hoặc ẩn dụ, giải hoặc văn phong, giải hoặc chiến dịch và giai đoạn".

Nền văn học nào cũng có lúc lên lúc xuống, lúc ra khơi, lúc bế tắc; song sự bế tắc ấy, nếu có, là thảm kịch của nhà văn, chứ không phải là tội lỗi của nhà văn. Có khi chỉ vì anh ta tự trọng. Có người cả đời cầm bút, sống nhờ ngòi bút, không thể trở thành tác giả của loại báo chợ, là thứ báo không trả nhuận bút; hay báo nửa chợ nửa quê, tức là không những không có nhuận bút mà còn phải bỏ tiền ra giúp in tờ báo đó. (chính tôi đã làm một tờ báo nửa chợ nửa quê như thế). Và giữa thủ đồ tị nạn, các tiệm sách không nhận thi phẩm của các thi sĩ gửi bán, nhưng hẳn vẫn hãnh diện với người nước ngoài: dân tộc chúng tôi là một dân tộc thi sĩ! Tôi cũng không may mắn rảnh rang như Mai Thảo, để viết cho tờ báo của mình và rong chơi đây đó (hãy tưởng tượng Mai Thảo 40, 50 tuổi và có vợ con). Cho nên điều Đặng Tiến nhận xét trên tờ *Diễn Đàn* không đúng (người viết văn hải ngoại được hai lần tự do, muốn viết gì thì viết và viết không vì cơm áo gạo tiền). Không phải kiếm sống bằng ngòi bút là tự do à? Ngược lại, người cầm bút hải ngoại bị tha hóa chính vì mưu sinh không do ngòi bút. Đó là nguyên nhân chính tạo ra tình trạng ít sáng tác, ít tham gia. Ngày nào chính ngòi bút có thể cho mình phương tiện để viết, tôi sẽ trở lại tham gia trực tiếp hơn, sáng tác nhiều hơn. ©

Chú Thích

(1). Đặng Tiến: "Tôi là một trong những người đầu tiên sử dụng nó (cụm từ Văn học Việt Nam Hải ngoại)...Mãi đến 1985, nhà xuất bản Sông Thu ở Mỹ mới xuất bản cuốn *Truyện ngắn Hải ngoại*..." . Đặng Tiến không biết đến *Tuyển tập Thơ Văn 90 Tác giả Việt Nam Hải ngoại* (1975-1981) do Văn Hưu của Hoàng Ngọc ẩn in năm 1981-1982 .

(2). *12 Tác giả Sài gòn, 12 Truyện ngắn* (Sài gòn, 1993), Truyện của Vương Hồng Sển, Sơn Nam, Ngọc Linh, Choé (Nguyễn Hải Chí), Nguyễn thị Minh Ngọc, Lê văn Duy, Võ Phi Hùng, Bùi Chí Vinh, Trần Hữu Dũng, Lưu thị Lương, Lý Lan, Lê Đỗ Quỳnh Hương.

(3). Cuối thập niên 80 (khoảng 1987, 88 trở đi), nhiều phái đoàn văn nghệ cũng như văn nghệ phẩm trong nước xuất hiện ở hải ngoại. Tại hải ngoại, nhiều "nhà xuất bản", nhiều tạp chí tự động chối bỏ vai trò chủ bút của mình khi ghi ở cuối sách hay đầu tạp chí những chữ này: "Chịu trách nhiệm xuất bản", "Tổng biên tập". Chịu trách nhiệm xuất bản, tổng biên tập là những chữ phải có trên sách báo dòng văn học miền Bắc-Quốc nội, Xã hội chủ nghĩa, chỉ định một vài cá nhân nào đó chịu trách nhiệm đường lối về một ấn phẩm. Họ không có tư cách một chủ bút toàn quyền quyết định ấn phẩm theo truyền thống báo chí xuất bản V.N. từ thời tiền chiến, qua thời văn học miền Nam và văn học hải ngoại thời kỳ 15 năm đầu.

KHỞI SỰ TỪ ĐIỂM X

NGUYỄN ĐẠT

Khuyến

Năm của ban nhạc Carpenters (*). Khung cảnh màu xanh. Màu xanh ngầy của các thứ lá non đang sẫm đi, dần dần đồng nhất với màu xanh của toàn thể. Chúng dịch chuyển, dần hàng ngang. Chúng bắt động, giống tấm phong cảnh. Xa hơn hết của tấm phong cảnh là dãy núi, thung lũng sương mù.

Bỗng dừng tôi ở đây. Những người đồng hành, chiếc xe, bây giờ ở đâu tôi không biết. Hiện nhiên ở đâu đó, trong khu vực bị bao vây, như lời bán tán lúc xe ngừng. Tôi cũng không biết về điều ấy. Dù sao cũng thấy được, khu vực bị bao vây trong thứ bóng tối mỗi lúc thêm dày đặc.

Anh ta bỏ ngang cuộc hành trình, xuống xe ở thị trấn có nhiều đá tảng, to bằng những ngôi nhà lớn nhỏ, chồng chất lên nhau. Tôi hỏi anh ta: "Vậy là những dự định đã gây đổ?". Anh ta cho tôi hiểu, hoặc chỉ muốn trấn an tôi: "Không sao cả, bạn ạ. Tôi có lý do riêng của tôi, còn bạn vẫn có cái để tin tưởng". Khi anh ta nói vậy, tôi bắt đầu hoang mang. Nhưng tôi không tìm được lý do ở lại thị trấn có nhiều đá tảng. Ít nhất anh ta đã từng sống ở đây.

Tôi đứng trơ cụt trong bóng tối. Những đốm sáng thành hoặc phía xa. Tôi phải đi tới một chỗ có người hay chút ánh sáng, xem lại vài thứ mang theo. Tôi vấp vào ai đấy, cùng lúc tôi nghe tiếng kêu đau đớn. Người ấy, tôi chưa nhìn rõ mặt, tiếng nói rất trẻ: "Ông đi thứ gì, giày gì cứng vậy?". Lần này tôi thấy rõ gương mặt người ấy, một thanh niên.

Chàng thanh niên có lẽ tiếp nhận lời xin lỗi lấp bắp tôi thốt ra, im lặng đi về phía mấy căn nhà lụp xụp. Đây là mấy căn nhà liền nhau, cách khoảng không đều với một hoặc mấy căn nhà liền nhau khác. Chúng đồng dạng, như những đụn rơm. Hình như chúng được dựng trên đồng ruộng khi trước, được bồi đắp vẫn còn thấp trũng.

Tôi nhận ra những đốm sáng nhìn thấy khi này, ánh sáng của loại đèn thấp bằng dầu lửa. Chàng thanh niên đi về phía mấy căn nhà liền nhau. Ánh sáng của cây đèn từ một trong mấy căn nhà đó cố gắng sáng

hơn chút ít để soi lối. Thịnh thoảng chàng thanh niên cúi thân mình, hai tay co lại ôm bụng. Thốt nhiên tôi nhìn thấy mình vẫn đứng trơ cụt, chợt hốt hoảng. Không chừng đã đứt vô gì đấy trong bụng chàng thanh niên. Tôi lao tới phía trước, cách khoảng chàng thanh niên một đôi xa, mỗi lúc lại thấy khoảng cách xa mù. Một trạng thái tuyệt vọng tìm cơ may cứu vãn trở đến, vừa lúc tôi nhận ra cái ngang cửa. Tôi đối diện cây đèn lên khỏi trên một chiếc bàn. Vài người ngồi quanh đấy.

Họ nhìn tôi. Một người hỏi: "Anh tìm chi đó?". Tất cả gồm bốn người, ngồi trên ba chiếc ghế. Một người ngồi trên cạnh chiếc giường tre, hai tay chống soãi ra sau. Họ vẫn không phải một thứ đồng phục, nhưng trong một dạng. Họ giống những kháng chiến quân trong một phim ảnh màn bạc. Những khẩu súng dựng chum đầu, gài chiếc ghế bỏ trống. Tôi không hiểu lắm về những gì trước mắt, một nỗi sợ hãi khiến tôi nói lấp bắp hơn: "Tôi... tôi đi tìm chàng thanh niên. Tôi lỡ va giày vào bụng anh ấy". Có những tiếng cười. Người ngồi trên cạnh chiếc giường tre nói: "Bọn tôi đây đều là thanh niên... Cả anh nữa". Họ đang nhìn đôi giày dưới chân tôi? "Giày linh hả?". (họ hỏi tôi?). Tôi nói, không nhìn vào ai: "Không phải... đôi giày... Tôi không phải linh... Tôi là sinh viên". Người ngồi trên chiếc ghế chính giữa hỏi: "Anh ở trên xe đồ xuống phải không? Tìm được chỗ ngủ chưa?". Những tiếng thì thầm tiếp theo. "Sáng mai xe đi được rồi đấy... Anh là sinh viên hả? Chuyển những tờ này cho các bạn cùng đọc". Người ngồi trên chiếc ghế chính giữa mở ba-lô, lấy ra xấp giấy mỏng khổ nhỏ đưa tôi. "Tìm chỗ ngủ cho khỏe, sáng mai lên đường", người ngồi ở cạnh chiếc giường tre nói.

Tôi ra khỏi căn nhà, xấp giấy đó tôi gấp lại bỏ vào túi áo. Tôi đi tới một căn nhà kín cửa, nghỉ qua đêm dưới mái hiên. Không có ánh sáng của cây đèn, tôi cố xem xét lại vài thứ trong túi áo quần. Còn một số tiền nhỏ. Một ống vớ. Tôi quên không lấy thuốc hút cất trong túi xách để trên xe. Chiếc túi xách trong ấy có mấy cái áo quần, cuốn sổ bìa bọc da của Khánh Nhạc. Nặng viết nắn nót trong đó những

dòng thơ cho tôi... Anh như người linh trở về không nguồn cội...

Cuốn sổ bìa bọc da, cái ống vớ, đôi giày mocassin không rời tôi. Nhưng tôi đã đổi đôi giày cho người bạn xuống xe ở thị trấn có nhiều đá tảng. Đôi giày anh ta đổi cho tôi thô thấp, cao cổ, dây buộc chằng chéo. Một đôi giày chắc bền, anh ta trao cho tôi như lời chúc tốt đẹp cho cuộc hành trình. Còn anh ta, có phải đã mệt mỏi? Anh ta sẽ tháo đôi giày mocassin như tháo đôi dép, thu chân lên chiếc ghế mây rộng rãi êm dềm? Tôi biết rất ít về cuộc chiến tranh mà anh ta đã tham dự, qua vài dòng chữ trong bức thư anh ta gửi tôi đã lâu: Không có nỗi say mê nào bằng nỗi say mê chiến tranh. Trước mặt là lửa, sau lưng là máu... Tôi hỏi: "Có phải nó giống như nỗi say mê của con bò tốt, trước tấm khăn chổi lợi?". Anh ta bảo: "Không riêng gì con bò tốt. Cả hần nữa, tay đầu bò. Nhưng, một bị thương, và một chết rồi".

Khánh Nhạc.

Bộ váy đen tuyền, náng hiện ra trong trí nhớ tôi... Nào, hoảng tử bé của em, kể lại cho em nghe những ngày vừa qua, những ngày vắng em. Kể lại từ đầu tới cuối... Ý chừng anh ta đã nghĩ tới Khánh Nhạc, khi nói với tôi ở thị trấn có nhiều đá tảng: "... bạn vẫn có cái để tin tưởng".

"Cùng con lộ ấy, nào đào khoét phá đường, rồi đắp lấp sửa chữa", ai đấy lên tiếng. Hóa ra, dưới mái hiên đang có người nằm. Tôi không biết người này nói một mình hay nói với tôi. "Anh cũng đi chuyến xe chết tiệt ấy chứ?", lần này người ấy rõ ràng hỏi tôi. Tôi gật đầu, sau đó nghĩ không chắc người ấy nhìn ra, trong bóng tối. Vậy là tôi lầm. Người ấy có con mắt của loài cú: "Anh sắp cạn túi rồi hả?", nhìn thấy cả những tờ giấy bạc nhỏ, toàn bộ số tiền của tôi. "Đấy... nó lại vòng tới đấy". Nó là ai? Tôi không biết người ấy muốn nói gì. Có nỗi xao động nào đấy, tôi không biết. Nỗi xao động đang lan trên không, ở tầng mù mịt của đêm. Một dấu chấm đỏ chớp tắt, đi

chuyển chậm rãi, tiếng động của xuống máy dưới sông, nhưng tiếng động ay loang ra trên cao.

"Anh đã đi máy bay trực thăng rồi chứ?". Tôi nói tôi chỉ nhìn thấy nó một lần. Tiếng người ấy: "Tôi đi trực thăng cũng chỉ một lần, mà sém chết đấy... Đạn bắn lên, đi trượt người tôi có một phần".

Những chậm đó chớp tắt, tiếp tục lần ranh nghỉ hoặc trên không. Tiếng động như tiếng xuống máy. Tiếng đạn nổ gần, xa. Người cùng nằm dưới mái hiên đã ngủ hay đang hồi tưởng về lần sém chết? Nhưng lúc này, rõ ràng ai đó trong căn nhà thức giấc, mở máy thu thanh, tiếng hát tràn ra.

Tiếng hát Karen Carpenter.

Từ một nơi chốn của lục địa xa xôi và rực rỡ muôn màu, chảy tới như dòng thủy ngân, thấm tận hang cùng ngõ hẻm của các lục địa.

soát, xem xét giấy tờ.

Tôi mở túi áo, lôi ra xấp giấy, thốt giạt mình. Xấp giấy mỏng khô nhỏ, những người trông giống kháng chiến quân đưa tôi hỏi chấp tôi. Đôi mắt tinh ranh dưới vành chiếc nón lưỡi trai kịp nhận ra vẻ lúng túng của tôi. Người lính ấy lạnh giọng: "Anh đưa tôi coi giấy tờ gì đấy?". Cái cười hắt lòng bắt được quả tang kẻ phạm tội. Người lính ấy nói: "Mời anh xuống xe".

Họ dẫn tôi đi. Ít phút sau tôi đứng trên vùng đồi trọc, thỉnh thoảng có đám cỏ khô úa trước những căn nhà cùng một kiểu, tất cả đều ở bên trong rào dây kẽm gai có treo những lon sắt rỉ. Dưới lộ, chiếc xe chuyển động, bụi đất bốc lên.

Một người khác, mà họ dừng nghiêm chào "Trình đại úy" thăm vấn tôi, xác định tôi

"Tam giữ để điều tra", người được thừa trình là đại úy nói.

Nơi tạm giữ là chiếc thùng sắt lớn, vuông vức, có cửa khóa, có nắp mở phía trên để lọt những vật nhỏ.

Họ không điều tra gì, hoặc họ điều tra ở bên ngoài chiếc thùng sắt giam kín tôi. Ai đấy, mà tôi chỉ thấy bàn tay, tới chỗ tôi hai lần, buổi trưa và buổi tối, tôi đoán vậy. Bàn tay mở nắp phía trên, đưa vào cái đĩa nhôm đựng cơm, một ca sắt đựng nước trà. Suốt đêm, tôi đoán vậy, vật gì đó rơi lộp độp trên mặt chiếc thùng sắt lạnh giá.

Vào lúc mặt trời lên cao bằng sáng ngày hôm trước khi chiếc xe đồ ấy ngừng lại ở đồn binh, tôi được trả tự do. Người mà họ thừa trình là đại úy bảo tôi: "Đừng đại dốt như vậy nữa... Lo học hành đi". Tôi bước xuống con lộ. Một người lính cười nhàn rãng, nói với tôi: "Bỏ tèo rãng đi bộ ngược trở lại mười cây số. Ở đây có nhà trọ, có quán cơm, đủ cả". Tôi hỏi: "Xe lên Đà Lạt không chạy ngang qua đây sao?".

Cách cười nói của người lính này cho tôi hiểu, tôi ngốc nghếch. Bởi vì không chiếc xe nào chạy qua được chiếc cầu gậy ở thị trấn có nhiều đá tảng. Bởi vì làm cầu tạm cũng phải cả tháng mới xong. Bởi vì tình hình chưa ổn... Tôi đi ngược trở lại bằng đôi chân không giày. Họ còn giữ của tôi đôi giày, tôi mừng được ra khỏi vùng đồi trọc có rào dây kẽm gai nên đã quên hỏi. Tôi để quên cả chiếc túi xách trên xe đồ từ sáng hôm qua.

Tôi đi bộ, chân không giày, như những buổi vui đùa trên đồi thông với Khánh Nhạc. Đến khi nào tôi sẽ gặp, và liệu tôi sẽ kể những gì để Khánh Nhạc yên lòng? Về chiếc ghế mây bị mất? Về tiếng hát Karen?

Tôi đang đi ngược trở lại khu vực bị bao vây, như người ta nói. Tôi sẽ gặp lại cả tám phong cảnh.

Người nằm dưới mái hiên lẩm bẩm gì đấy, giữa dòng mượt nhưng của tiếng hát.

Tiếng đạn nổ gần, xa. Chậm đó chớp tắt. Chiếc máy bay trực thăng đó, hay một chiếc khác. Vẫn thứ tiếng động xuống máy quây lục súc mặt nước. Tiếng hát Karen. Có thể người ấy đang đau, cắt lời mê sảng.

Người của chiếc xe đồ thức tôi dậy. Trời mờ tối. Hiên nhà sáng hơn được chút ít, tôi thử tìm kiếm nhưng không thấy người cùng nghỉ hồi đêm. Có thể người ấy nhìn ra, trong khu vực bị bao vây, cái vỏ viên đạn đã trượt bên mình chỉ cách một phần, từ hồi nào đó.

Chiếc xe đồ. Con lộ. Nơi tôi dừng nhìn tám phong cảnh, lúc này đang dịch chuyển. Xe rời khu vực u tối, đi vào buổi sáng mặt trời vừa nhô lên, lại dừng dừng. Ngay phía trước chiếc xe, một đồn binh. Những người lính với súng ống, vịn thử đồng phục tôi ngỡ quen mắt, vài người trong số họ tới sát bên hông chiếc xe, kiểm

trạng tuyên truyền cho địch, còn bảo tôi là kẻ mưu toan giả dạng quân nhân, mang giày lính.

(*) NĂM 1972, NĂM BAN NHẠC CARPENTERS XUẤT HIỆN VÀ LÚNG LÂY.

Tình hình đất nước sắp chuyển mình!
Hãy đọc Nguyệt San Việt Nam.



Việt Nam

tiếng nói của nhóm Freedom for Vietnam

thông tin - văn học - thời sự - bình luận chính trị
P.O. Box 74013, Hillcrest Park P.O.
Vancouver, BC - V5V 5C8 - CANADA
Phone/Fax: 604.879.1179

Tòa soạn sẽ gửi báo free từ 1- 2 số để đọc thử nếu có lời yêu cầu của độc giả. NSVN là một trong vài tờ báo chính trị hiếm hoi nhưng dễ đọc nhất, và là tờ báo chấp nhận đựng chạm tới những vấn đề Việt Nam vì thế nhất!

Đại diện nhóm chủ trương: Hải Triều / Lê Khắc Anh Hòa

Nguyệt San Việt Nam

- Tạp chí văn học đấu tranh cho một nước Việt Nam tự do, phát hành hàng tháng trên toàn thế giới.
- Tin tức chính trị, bình luận chính trị, tham luận chính trị, phẩm chính trị, tạp ghi chính trị, thơ chiến đấu... tất cả ào ạt tập trung vào tư huyết của chế độ tà quyền Mác Xít Hà Nội.
- Tờ báo của những ai còn nặng lòng với quê hương Việt Nam bất hạnh.
- Một tạp chí văn học đấu tranh hiếm hoi vươn lên từ những đóm lửa lưu vong còn bốc cháy 23 năm sau ngày khổ nạn 30.04.75, trong thời điểm tình hình chính trị Việt Nam sắp chuyển mình.

Giá bán: 50 đô la Mỹ/năm (cho độc giả ở Hoa Kỳ)
50 đô la Canada/ năm (cho độc giả ở Canada)
55 đô la Mỹ/ năm (cho độc giả các châu khác)
Bảo được gói bằng first class/ airmail đến tận nhà trong mỗi tuần đầu tháng.

Đón đọc! Đón đọc!

Việt Nam *Mới*

NHẬT BÁO ĐẦU TIÊN CỦA NGƯỜI VIỆT TẠI HOUSTON, TEXAS
Số ra mắt sẽ phát hành trong tháng 7 năm 1999

Nhật báo Việt Nam Mới:

- * Là một diễn đàn chung của người Việt Quốc Gia tại hải ngoại.
- * Chủ trương tranh đấu Nhân quyền, Tự do, Dân chủ cho Việt Nam.

Nhật báo Việt Nam Mới:

- * Đăng tải đầy đủ tin thế giới, tin Việt Nam, tin sinh hoạt cộng đồng một cách mau lẹ và chính xác.
- * Phổ biến các bài bình luận sắc bén, tham luận phong phú, phẩm luận thâm thúy và các tác phẩm văn nghệ hấp dẫn.
- * Mỗi cuối tuần nhật báo Việt Nam Mới có phụ trương trào phúng, văn học nghệ thuật, và kiến thức phổ thông...

Nhật báo Việt Nam Mới:

- * Quảng cáo hữu hiệu nhất vì báo được tới tay độc giả hàng ngày.
- * Quảng cáo được phổ biến rộng vì ngoài ấn bản phát hành tại Houston và các tiểu bang lân cận, các thân chủ còn có thể lựa chọn để phổ biến quảng cáo trong hệ thống báo Việt Nam Mới đã xuất bản liên tục 10 năm qua tại 3 tiểu bang Oregon, Washington và Vancouver Canada.
- * Và trên Internet qua địa chỉ <http://www.vnmoi.com>
- * Đặc biệt trong ba tháng đầu, các rao vặt trả lệ phí một tuần được đăng liên tiếp một tháng.

NHÓM CHỦ TRƯỞNG

Vũ Văn Hoa, Vũ Mạnh Hùng, Anh Vân Quách Ngọc Vân, và Thiện Nhân Nguyễn Khánh Do.
Với sự cộng tác của nhiều nhà văn, nhà báo chuyên nghiệp, nổi tiếng tại hải ngoại.

Mọi giao dịch xin liên lạc với báo quán nhật báo Việt Nam Mới tại địa chỉ:

8060 Boone Road

Houston, Texas 77072

Điện thoại: (281) 933-9283 và (281) 933-9284

Điện thư (Fax): (281) 933-9286

E-mail: vnmoi@aol.com



K. DẠ NHIÊN

HƯƠNG CHANH CỐM

Nắng soi...
 Áo mỏng bờ lưng
 Mùi hương chanh cốm
 Tỏa vùng đồi non...
 Hai dải búp ôm eo thon
 Một vùng suối đổ,
 Dấu son vẽ vờ...
 Buồn tựa Thu - Hồ nước trôi...
 Soi trong suối thẳm
 Hồ người trầm mình
 Bầy thiên nga tắm bình minh
 Em đưa cổ hạc...
 Nặng tình nhân gian
 Gió bay,
 Áo mỏng bạt ngàn
 Mùi hương chanh cốm
 Xa dần... về đâu?
 Để ta một khúc tiêu sầu
 Hương chanh cốm
 Thoảng, thoắt... đâu lại về.

CHIẾC LÁ CŨ

Đường gân lá cũ phai màu
 Em chôn đi cỏ làm đau sách vàng
 Hôm nay về giữa thu sang
 Nhặt chiếc lá rụng chạnh lòng đến em...
 Gửi em một chút êm đềm
 Gửi em nhịp thở vẫn còn xôn xao
 Nhớ khuôn mặt cũ ngọt ngào
 Nửa vầng trăng khuyết, tóc lao xao vờ
 Để hồn ta động ngời ngời...
 Để em thoát thoảng để bồi hồi đau
 Bây giờ lá cũ phai màu
 Anh chôn đi cỏ chân cầu sang ngang.

BUỒN THÈNH...

Nắng hấp hối đổ bóng tàn
 Bờ khô cỏ cháy lụi vàng khói xưa
 Hoa văn khắc mảng rêu thừa
 Bàn tay thấp bút dẫn đưa điệu sầu
 Hỏi ta về tự nơi đâu?
 Hỏi người tri kỷ... Ngõ hầu thiên thu...
 Áo xưa vang động nước hồ
 Rêu xanh ôm phủ buồn khô chân bèo
 Đường vào cổ mộ cheo leo
 Thuyền dương bóng ngã bạt theo gió ngàn
 Ta gọi em giọng âm vang
 Chốn xưa ngơ ngác buồn
 thên thang buồn.

ANTIÊM STUDIO

NHÂN TRÌNH BÀY

S Á C H

BÌA VÀ NỘI DUNG



NHÂN IN SÁCH ĐÚNG TIÊU CHUẨN
 MỘT SẢN PHẨM VĂN CHƯƠNG

in 100 trang 500 cuốn với giá 750 mỹ kim
 in 100 trang 1000 cuốn với giá 900 mỹ kim
 (bìa tùy theo 2 hoặc 4 màu, giá từ 200 mỹ kim trở lên)

*bạn sẽ có một cuốn sách đẹp
 với giá dưới 1 mỹ kim rưỡi một cuốn*



Điện Thoại: (714) 554 - 1886
 FAX: (714) 554 - 7086

liên lạc sau 2 giờ chiều, không kể chủ nhật

liên lạc bằng thư qua khởi hành
 po box 670 midway city ca 92655

in sách ở an tiêm, quảng cáo miễn phí trên khởi hành

TỜ BÁO BẠN ĐỌC TÂM THƯ

VIỆC MUA LẺ BÁO CŨ

Trong những tháng gần đây, do sự ưa ái của bạn đọc, chúng tôi nhận được rất nhiều thư mua lẻ báo Khởi Hành các số cũ, hay thư hỏi về giá cả báo cũ. Rất nhiều bạn không viết thư, mà hỏi trực tiếp qua điện thoại. Nhiều bạn không hỏi gì, cứ gửi 2 mỹ kim để mua một số hay 10 mỹ kim để mua 5 số. Xin trả lời chung như sau:

--Mua lẻ báo cũ là khi có bạn mua rời rạc như số 3, số 6, số 8, số 20...không theo thứ tự như mua dài hạn. Trường hợp này, chúng tôi không thể bán như giá báo dài hạn. Đây không phải vì nó trái thể lệ do Tòa báo đặt ra, không hề có thể lệ đó, mà do sự khác biệt về cước phí bưu điện:

--Sở dĩ giá một số Khởi Hành dài hạn rẻ hơn giá một số bán lẻ, là do khi bạn ra bưu điện gửi tối thiểu từ 250 số báo trở lên, và gửi theo lối mỗi ZIP CODE một bó (bulk) (bán bó sẵn ở nhà), thì cước phí bưu điện mỗi số Khởi Hành chỉ khoảng 40 xu, vì được áp dụng giá một bó (bulk rate), chứ không phải giá một số (99 xu). [Muốn có bulk rate, bạn phải nộp đơn xin trước, và bưu điện cho bạn một danh số. Ví dụ danh số của Khởi Hành, như bạn thấy ngoài bì sau, là số 49].

Bởi vậy mua dài hạn mới được giá rẻ, vì khi đến bưu điện gửi báo, chúng tôi gửi một lúc 900 số báo cho khoảng trăm zip code, và phải gửi từ tối thiểu 250 miếng một lần. Gửi riêng từng người, hay vài số, không áp dụng được lối trên, mà như thư thường, do đó một số là 99 xu, 2 số là 187 xu, và càng nhiều thì cước phí càng cao.

Từ trước tới nay, quý bạn không lưu ý, khi mua lẻ vẫn chỉ gửi cho chúng tôi có 2 mỹ kim, trong đó gửi đi đã mất 99 xu, nghĩa là hạ giá báo xuống còn 1 mỹ kim. Những tháng trước, số này không nhiều. Hiện nay, tòa báo không thể tiếp tục hạ giá báo như thế nữa, do đó chúng tôi đã nhờ một thân hữu ngồi làm cho một BẢNG GIÁ BÁN LẺ, khá chi tiết.

--Kể từ ngày có thông báo này, thể lệ bán lẻ các số báo cũ như sau (đã tính luôn cước phí bưu điện). Mong quý bạn nào khi muốn mua bao nhiêu số, căn cứ vào Bảng này, sẽ biết phải gửi cho Tòa báo bao

nhiều. Cảm ơn quý bạn.

—Mua 1 số: 3 mỹ kim.
—Mua 2 số: 6 mỹ kim.
—Mua từ 3 số trở lên, cho tới 10 số, gửi Priority Mail có lợi, chỉ mất 3.20 mỹ kim cước phí, dù 3 số, hay 10 số. Ví dụ mua 5 số: $5 \times 2 = 10$ mỹ kim + 3.20 mk bưu phí thành 13.20 mỹ kim. Ví dụ mua 10 số: $10 \times 2 = 20$ mk + 3.20 thành 23.20 mỹ kim.

Nói tóm lại, chúng tôi chỉ tính giá báo 2 mỹ kim, dù mua nhiều hay ít; tiền sai biệt là để trả cước phí bưu điện mà thôi.

--Nhưng nếu bạn mua quá 10 số, thì không bỏ vào phong bì Priority Mail được nữa, vì quá đầy. Như vậy, từ số 11 trở đi, lại tính như ban đầu, và cứ như vậy tới số 20. Và từ số 21, lại kể như ban đầu một lần nữa, và tính như vậy cho tới số 30.

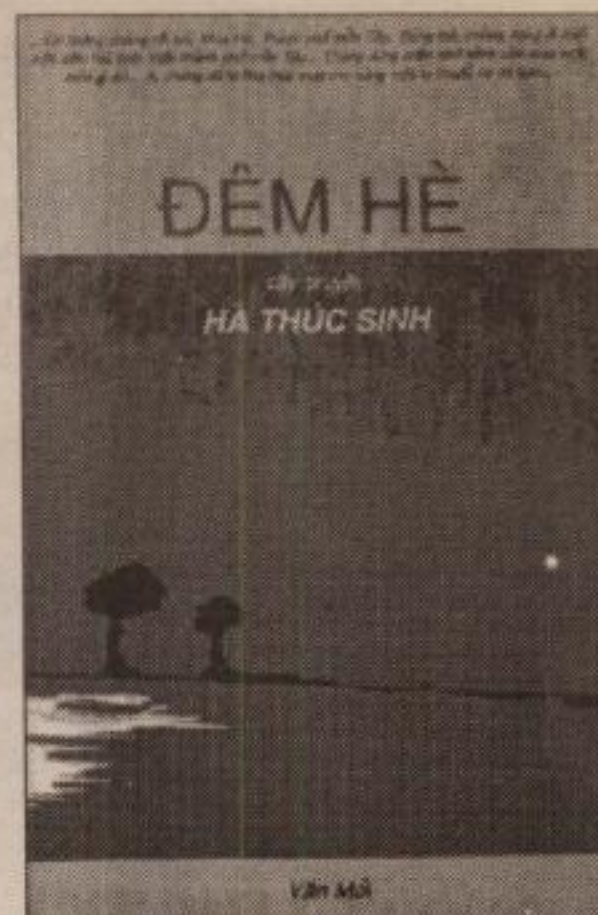
--Đây là con tính của bưu điện: quá một sức nặng giới hạn, bạn rất thiệt. Bạn gửi một lá thư 3 trang, tốn 33 xu tem; thêm 1 trang nữa, bạn phải thêm 22 xu, là 55 xu. Chúng ta đều phải làm như vậy. Và chúng tôi chẳng thích gì khi cả người đọc lẫn nhà báo đều thiệt thòi.

Trước đây, Khởi Hành không phải thông báo thể lệ này, vì số bạn đọc mua lẻ báo cũ không nhiều lắm. Nay thì có ngày, chúng tôi gửi đi 4, 5 lần báo cũ cho 4, 5 bạn đọc yêu Khởi Hành, nên có hơi tốn kém. Vậy xin thông báo.

Để khỏi tính toán, bạn nên áp dụng bảng dưới đây, khi mua lại báo cũ (đã tính luôn cước phí bưu điện):

- 1 số: 3 mỹ kim.
- 2 số: 6 mỹ kim.
- 3 số: 9 mk.
- 4 số: 11 mk 20.
- 5 số: 13 mk 20.
- 6 số: 15 mk 20.
- 7 số: 17 mk 20.
- 8 số: 19 mk 20.
- 9 số: 21 mk 20.
- 10 số: 23 mk 20.

- 11 số: 26 mk 20.
- 12 số: 29 mk 20.
- 13 số: 32 mk 20.
- 14 số: 34 mk 20.
- 15 số: 36 mk 20.



- 16 số: 38 mk 20.
- 17 số: 40 mk 20.
- 18 số: 42 mk 20.
- 19 số: 44 mk 20.
- 20 số: 46 mk 20.

- 21 số: 49 mk 20.
- 22 số: 52 mk 20.
- 23 số: 55 mk 20.
- 24 số: 57 mk 20.
- 25 số: 59 mk 20.
- 26 số: 61 mk 20.
- 27 số: 63 mk 20.
- 28 số: 65 mk 20.
- 29 số: 67 mk 20.
- 30 số: 69 mk 20.

- 31 số: 72 mk 20.
- 32 số: 75 mk 20.
- 33 số: 78 mk 20.

.....
Giá dài hạn của Khởi Hành là 24 mk 1 năm 12 số; 48 mk 2 năm 24 số, 72 mk 3 năm 36 số, 96 mk 4 năm 48 số. Giá này không thể áp dụng với quý bạn mua bỏ quăng, mà chỉ áp dụng với việc mua báo liên tục, không bỏ quăng một số nào.

Giá này cũng chỉ áp dụng cho bạn đọc trong nội địa Hoa Kỳ, khi một phong bì Priority Mail là 3.20 mỹ kim. (Gửi tới ta mỗi phong bì 10 số báo). Phong bì ấy gửi ra ngoại quốc: Global Mail, là 9 mỹ kim. Vậy ở ngoài Hoa Kỳ, sau khi áp dụng bảng trên, vui lòng cộng cho sai biệt. (Mỗi phong bì 10 số báo có sai biệt là $9 - 3.20 = 5.80$ mỹ kim).

Vậy từ ngày có thông báo này, chúng tôi sẽ áp dụng việc bán báo cũ theo bảng trên. Việc bán báo cũ từ nay sẽ do Tâm Thư phụ trách. Trân trọng cảm ơn.

LƯU Ý BẠN ĐỌC DÀI HẠN (đăng lại)

Có một số bạn đọc hỏi chúng tôi không biết khi nào biết là báo mình mua đã hết hạn, xin trả lời: Trên phiếu gửi (label), sau tên quý bạn, có một hàng số, ví dụ Nguyễn Văn A 13-24, hay Lê Thị B 25-36. Có nghĩa là ông A mua báo từ số 13, và số chót là 24; hay bà B mua báo từ

số 25, và số chót là số 36. Báo kỳ này là số 33, vậy bạn nào thấy label của mình ghi 17-28, tức là bạn đã chậm đóng tiền báo 5 số rồi; và bạn nào thấy label của mình là 25-36, tức là bạn còn 3 số nữa thì hết hạn.

Có bạn không nhận được báo, gọi hỏi, mới biết báo đã hết hạn, chúng tôi không gửi tiếp được nữa, và trách sao không nhắc? Chúng tôi hiện thật sự neo người, không làm được việc đó. Mong quý bạn giúp cho.

**TRẢ LỜI THƯ BẠN ĐỌC
NHẬN ĐƯỢC TỪ 6 THÁNG 6
TỚI 6 THÁNG 7.99**

Trong thời gian ghi trên, Khởi Hành đã nhận được chỉ phiếu mua dài hạn của quý vị và quý bạn có tên dưới đây:

LÊ QUỲNH MAI (MTL, 1 năm) - DOUGLAS TRẦN (SJ, 4 năm) - BÙI GIA TUỞNG (np PTH, 2 năm) - NGUYỄN HỮU KHANH (PA, 1 năm) - NGUYỄN THANH (MA, 2 năm) - TRỊNH THI TRẦN (MA, 2 năm) - NGUYỄN HOA (OAK, T.H. trả, 1 năm) - NG PHUC SONG HUONG (ELK GROVE, 1 năm) - ANH NGUYEN (TX, 4 năm) - MAC LY HUONG (MN, 1 năm) - LÝ THÁI VƯỢNG (SA, 1 năm) - CTT (MN, PS trả, 1 năm) - NG TG DUNG (SJ, PS trả, 1 năm) - L CHUÔNG (MA, 1 năm) - PH C DUONG (CA, 2 năm) - BANG KIM DO (GA, 1 năm) - NG TR HOI (OR, 1 năm) - H C TAM (MA, 1 năm) -

Trân trọng cảm ơn quý vị.

ĐỌC VÀ CỔ ĐỘNG:

KHỢP LƯU

Chủ biên: KHÁNH TRƯỜNG

P.O. BOX 277,
GARDEN GROVE, CA. 92842
TEL: (714) 265-1394.

QUÍ VĂN HỮU TẶNG SÁCH

Bất cứ văn hữu nào gửi tặng sách, chúng tôi sẽ giới thiệu trên Khởi Hành, hoặc bằng cách này, hoặc bằng cách khác, nhưng không nhất thiết sẽ giới thiệu ngay sau số báo tới.

Với chủ trương mỗi một lời giới thiệu, dù ngắn, cũng có trách nhiệm với người đọc, nên chúng tôi không đăng những lời giới thiệu tự ý tác giả viết kèm theo. Nếu quý bạn gửi kèm theo lời giới thiệu trình bày sẵn, vui lòng coi đó như quảng cáo.

Việc quảng cáo một tác phẩm mới là điều rất cần.

Không quảng cáo cho một cuốn sách mới mà mình mới đưa ra là điều rất thiếu sót. Chúng tôi nghĩ, nếu ta bỏ ra 1000 mỹ kim để in cuốn sách, cần thêm 250 mỹ kim để quảng cáo cuốn sách ấy. Nếu chỉ nghĩ sẽ "nhờ" các báo giới thiệu cho mình (vì quen biết) thì không hiệu nghiệm. Vì các báo nhận được khoảng vài chục cái nhờ trong một tháng.

GIÁ QUẢNG CÁO SÁCH

Nếu quý văn hữu gửi kèm theo mẫu quảng cáo, hiện có rất nhiều, vui lòng lưu ý: nguyên trang Khởi Hành: 150 mk. Nửa trang: 100 mk. 1/4 trang: 50 mk. Mẫu nhỏ nhất: 25 mk. Nửa trang bìa sau, 2 màu: 150 mỹ kim. — Ông FUNG NGO (Oakland). Chúng tôi đã gửi 12 số báo cũ ông muốn mua. Cảm ơn ông.

— Anh NGUYỄN HỮU KHANH (Philadelphia). Chúng tôi đã nhận được liên tiếp hai lá thư anh gửi, ở lần sau có một chi phiếu \$24.00 mỹ kim. Những gì anh viết trong thư làm "ấm lòng chiến sĩ", dù chúng tôi chẳng chiến đấu gì ghê gớm. Để trở thành "tờ báo gối đầu giường" anh có nhã ý khen tặng, chúng tôi còn phải khổ công hơn nữa. Dù sao, anh cũng đã nhìn thấy việc chúng tôi đang làm: đưa tờ báo lên một mức nữa, với tin tức nhân văn thu thập từ báo chí

nước ngoài, (nhưng lần đầu xuất hiện trong làng báo Việt Ngữ chỉ trên mục Thời Sự Văn Nghệ của Khởi Hành), chứ không phải là tin văn nghệ không thôi. Ngoài thơ văn nhạc họa phong phú, loài người còn có kiến trúc, khảo cổ, ngôn ngữ, lịch sử, nhân vật chí...những gì gọi là nhân văn. Và nhà văn nhà thơ Việt Nam tân tiến không phải chỉ biết viết văn làm thơ với vài ba tờ tạp chí "hitek" cặm cụi vẽ với những chữ những hình tân kỳ mà một thiếu niên chỉ mất 5, 7 phút ngồi trước máy computer cũng vẽ đẹp hơn mà không cần đến kiến thức đời sống. Và ngẩng cổ hướng về Hà Nội, Huế chờ tư trụ triều đình (nay đã chết 1, còn ba) chấp nhận. Đây là chưa kể những người phải về Hà Nội dãi nắng dầm sương uống rượu Martell cổ lùn, dặng có tác phẩm "in trong nước" làm nhà văn nhớn. Hay xun xoe "bớt hận thù" dặng có truyện được dịch trong Tuyển Tập Nhà Văn Trong Và Ngoài Nước, do Hà Nội nhân nhó chuẩn nhận, và hải ngoại hoan hỉ bỏ tiền. (Để mãn nguyện, họ đương nhiên phải cung cấp những báo cáo hoặc bồi den người ngoài nước, hay nói xấu những gì thuộc Miền Nam trước 1975. Chúng tôi được biết đang có một số anh em thu thập



Lào Diên

cuisine du vietnam

82, rue Baudricourt

75013 PARIS

Métro Tolbiac

Tel.: 01 45 85 20 70

PHIẾU ĐẶT MUA DÀI HẠN TẠP CHÍ **Khởi Hành**

(để được tặng một cuốn sách trị giá tới 12 mk, vui lòng đặt mua tối thiểu 2 năm)

Tôi tên: Điện thoại: (.....)

Địa chỉ:

Tôi muốn (mua) / (gia hạn) MỘT năm 12 số, từ số đến số

hoặc HAI năm 24 số, từ số đến số

Kèm theo đây là ngân phiếu \$ 24.00 mỹ kim cho một năm

hay \$ 45.00 mỹ kim cho hai năm.

.....ngày.....tháng.....năm 99

Ký tên.....

Ngoài Hoa Kỳ thêm \$2.00 MK một số cho cước phí bưu điện. (Gia Nã Đại thêm \$1.00 mỹ kim cho một số). Giá dài hạn chỉ áp dụng cho bạn đọc mua từ MỘT năm trở lên. Mua một số hay vài ba số tính theo giá ngoài bìa, cộng thêm bưu phí. (Bưu phí Hoa Kỳ, Gia Nã Đại: 1 MK; Âu châu: 2 MK). ■ Bưu phí cao hơn trước vì Khởi Hành đã tăng thêm 8 trang so với lúc đầu, Còn báo vẫn giữ giá cũ.)

■ Phiếu mua báo và ngân phiếu để tên Khởi Hành và gửi về:

Khởi Hành P.O. BOX 670, MIDWAY CITY, CA. 92655



K-HUIC LAN

MAKEUP ARTIST

**NHẬN TRANG ĐIỂM
CÔ DẪU NGƯỜI MẪU, DẠ TIỆC**

Tel. 714-373-4107 / 925-4679

Pager: 825-4370

VĂN PHAN ra mắt
**NGƯỜI LỮ HÀNH
KHÔNG ĐƠN ĐỘC**

Tác phẩm của VĂN PHAN được ra mắt tại
TRUNG TÂM CÔNG GIÁO Việt Nam
số 1538 Century BLVD, Santa Ana
lúc 1 giờ 30 Chủ nhật 18.7.1999

Tác giả trân trọng kính mời.

**BUỔI CHIỀU THƠ NHẠC
CHÂN TRỜI CŨ
của TRẦN QUỐC BÌNH**

Gồm 42 bài thơ Lục Bát viết từ năm 1957 đến 1998.
Sách dày 90 trang in trên giấy trắng tốt. Bìa hai màu rất đẹp.
Lời giới thiệu của nhà thơ Viên Linh. Tranh của Nguyễn Thị Hợp.
An Tiem Studio xuất bản.

Thời Gian: lúc 2 giờ chiều ngày Chủ Nhật 18-7-1999.
Địa Điểm: Trụ Sở Sinh Hoạt của Liên Đoàn Hướng Đạo Phục Hưng,
4335 Van Dyke Avenue, San Diego, CA 92105.

những sự việc này, trích dẫn từ những gì họ đã viết, để công bố).

Hình như anh có đổi địa chỉ? Carlisle là địa chỉ sau. Nếu anh có thiếu bất cứ số nào, Khởi Hành sẽ gửi bù lại. Chúng tôi thật không có chuyên viên kế toán để tìm lại đâu. Dù sao mong anh an tâm, sẽ không bao giờ chúng tôi để độc giả dài hạn bị thiệt. Khởi Hành mong những bài thì rất đầy. Cảm ơn anh.

—Ông BUI HỒ (Canada). Ông dọn nhà không cho biết, nên báo bị gửi trả về.

—ĐANG CAO RUYỀN (S.J). Chúng tôi không thể kiểm điểm Khởi Hành đã có bao nhiêu bài về Nguyễn Du, nên không thể trả lời bà được. Chúng tôi rất tiếc.

—Ông NHẬT LANG (OR). Có dịp chúng tôi sẽ giới thiệu Tung Cánh Diều Bay. Cảm ơn những lời khen ngợi của ông.

—Anh XUYỀN TRÀ (Atlanta). Hân hạnh anh đã nhận được báo gửi bù rồi.

—Thầy TẮM ĐĂNG (Canada). Đã nhận, cảm ơn.

—Bà LAN NGUYỄN (Canada). Sau khi bà cho biết đã nhận được báo năm thứ ba, chúng tôi vẫn chờ tin bà.

□ Cuộc đời:

"Cuộc đời này là một bệnh viện trong đó mỗi bệnh nhân đều bị ám ảnh bởi ước muốn được đổi giường."

Charles Beaudelaire

ĐỒNG NAI PHARMACY

CÔNG TY CUNG CẤP DƯỢC PHẨM VÀ DỤNG CỤ

9081 Bolsa Avenue, Suite #108 * Westminster, California 92683
(Gần tiệm Hòa Bình Food To Go trong khu Guaranty Bank of California)

Dược sĩ TRẦN ĐỨC HIẾU - Dược sĩ TRẦN THỊ LƯU ÁI

Tel: (714) 379-5072 * Fax: (714) 379-5074

CUNG CẤP ĐẦY ĐỦ:

- * Các loại dược phẩm bán theo toa (Prescription Drugs) hay bán tự do (OTC Drugs)
- * Các loại sản phẩm nuôi dưỡng bệnh nhân qua ống truyền vào ruột hay truyền vào máu (Enteral & Parenteral Nutrition Products)
- * Các vật dụng dành cho bệnh nhân tiểu tiện bất thường (Incontinence Products).
- * Các vật dụng dành cho bệnh nhân giải phẫu lỗ thông qua thành bụng (Ostomy Products).
- * Túi dẫn lỗ thông đại tràng (Colostomy Products).

BÁN VÀ CHO THUÊ CÁC DỤNG CỤ Y KHOA:

- * Xe lăn - Nạng chống - Nạng tập đi (Walker)
- * Giường bệnh viện và các đồ dùng phụ thuộc (Hospital beds & Accessories).
- * Dụng cụ an toàn trong phòng tắm (Bathroom Safety Products).
- * Các loại máy đo đường trong máu (Blood Glucose Monitor), máy đo huyết áp (Blood Pressure Monitor).

**NHẬN MEDICAL - MEDICARE - CTU VÀ CÁC LOẠI BẢO HIỂM:
PCS - BLUE CROSS - BLUE SHIELD - MEDIMET - PAID, V.V...**

MỞ CỬA 6 NGÀY TRONG TUẦN

Thứ Hai - Thứ Sáu: 10:00AM - 7:00PM

Thứ Bảy: 10:00AM - 5:00PM

CẦN CÓ CĂN BẢN TIẾNG ANH TIÊU CHUẨN

TĂNG LƯƠNG TIẾN CHỨC THÊM NHIỀU KHÁCH HÀNG

TRAU GIỎI NHANH NHẤT BẰNG PHƯƠNG PHÁP
MODERN ENGLISH

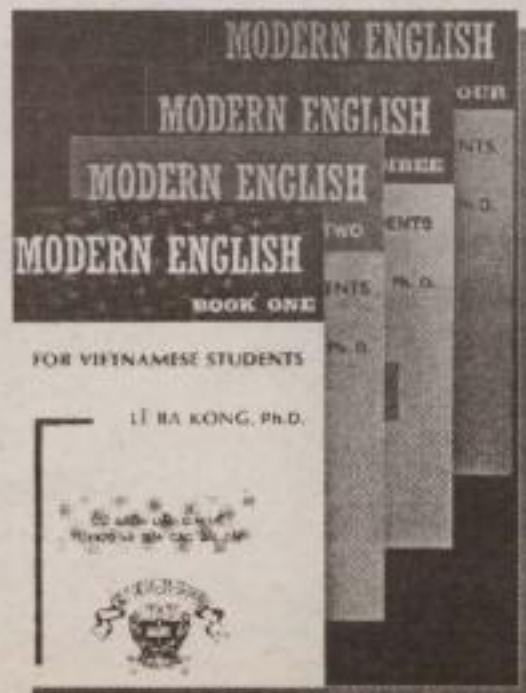
Bộ sách Modern English sẽ giúp quý vị có một căn bản vững chắc về phát âm (*pronunciation and word drills*), ngữ vựng và thành ngữ (*vocabulary and idioms*), văn phạm và cú pháp (*grammar and syntax*) và rất nhiều điểm thiết yếu mà chỉ có cố giáo sư **Lê Bá Kông** với 40 năm kinh nghiệm trong việc dạy Anh văn cho người Việt mới hiểu tường tận các khía cạnh tỉ mỉ và cần thiết.

THÍCH HỢP NHẤT CHO NGƯỜI VIỆT

Những phương pháp thính thị (*audio-visual*), tranh ảnh (*flash cards*), video, ... chỉ loanh quanh vài trăm ngữ vựng với một số rất hạn chế về cách đặt câu. Như thế chỉ có thể dậm chân tại chỗ với trình độ tiếng Anh sơ đẳng (*elementary English*). Học Anh văn để mỗi ngày tiến bộ lên trình độ cao hơn để đọc, nói và viết ngôn ngữ này chuẩn xác, chứ không phải nói liến thoắng, nhưng sai bét, là mẫn nguyện. Quý vị sẽ phải dùng tiếng Anh suốt đời, vậy phải trau dồi Anh văn, cần biết tường tận ngôn ngữ này, không nên tự mãn với vài câu nói thường đàm.

KẾT QUẢ NHANH CHÓNG

Sau 30 ngày dùng phương pháp **Modern English** quý vị sẽ thấy tiến bộ ngay.



Bộ sách và băng cassettes Modern English gồm:

- 4 cuốn sách giáo khoa, trình độ Sơ cấp tới Hoàn bị (có thể đọc sách, báo chí, đơn từ).
- 4 cuốn sách hướng dẫn, dịch ra Việt ngữ toàn bộ 160 bài học trong bộ sách, phần hướng dẫn sửa hơn 1.000 bài tập, giúp người học trả lời các câu hỏi sau mỗi bài học.
- 8 cuộn băng cassettes C-90 với giọng cô Ruth Ascher, xướng ngôn viên New York.

CÔNG PHU MỸ THUẬT



CĂN BẢN ANH NGỮ VỮNG CHẮC

Đặc điểm của bộ sách:

- Bài học vui, ý nghĩa, thích hợp, thực tế.
- Đặc biệt chú ý phát âm tỉ mỉ, chi tiết, phân biệt âm dài ngắn, nhấn mạnh (*stress*), lên xuống giọng (*intonation*).
- Phần vấn đáp nhằm luyện đàm thoại.
- Phần văn phạm và cách đặt câu (*grammar and syntax*) được dẫn giải kỹ lưỡng, giúp người Việt học dễ hiểu và thực hành nhanh.
- Mỗi bài học gia tăng số ngữ vựng và thành ngữ để người học dễ diễn đạt ý tưởng.



Giá cho toàn bộ Modern English là US\$99.

Giá đặc biệt cho chung bộ Modern English và bộ TỰ ĐIỂN ANH-VIỆT VIỆT-ANH, loại mới, hơn 900 trang, chữ lớn, đặc biệt có 2 lối phiên âm Quốc Tế và Viên Hồng, bìa bọc plastic, là US\$120.



Ý nguyện của cố Giáo sư
LÊ BÁ KÔNG
là tiếp tục phụng vụ
đồng bào đồng hương

Zieleks Company Inc.
(Ban Tu Thư Viên Hồng)
2109 Kilkenny Dr. - Dept. KH7
Pearland, TX 77581, USA
(281) 481-3783

Xin gửi về:
Zieleks Company Inc.
2109 Kilkenny Drive
Dept. KH7
Pearland, Texas 77581, USA
(281) 481-3783.

Xin quý hãng gửi cho chúng tôi
☐ Bộ Modern English-US\$99.
☐ Bộ Modern English và bộ Tự
Điển Anh-Việt Việt-Anh-
US\$120.

(Canada xin thêm 10%, các
nước khác xin thêm 20% cho
cước phí)

Kèm theo đây là:

☐ check ☐ money order
☐ chi tiết cho credit card

Tên _____

Địa chỉ _____

Tỉnh _____

Tiểu bang _____ Zip _____

Credit Card # _____

Hết hạn _____

Chữ ký _____

Điện thoại _____

GIẢI PHẪU THẨM MỸ

PLASTIC RECONSTRUCTIVE SURGERY

VỚI SỰ CỘNG TÁC CỦA MỘT NHÓM BÁC SĨ VIỆT NAM VÀ MỸ
NHIỀU NĂM KINH NGHIỆM VÀ UY TÍN

- CẮT MẮT HAI MÍ, LẤY MỠ DƯ MÍ MẮT TRÊN và DƯỚI.
- MŨI CAO, THON, ĐẸP BẰNG CHÍNH SỰN CỦA MÌNH. CẮT CÁNH MŨI THẬU HẸP TỪ BÊN TRONG KHÔNG ĐỂ LẠI SẸO.
- SỬA CÀM LỆM.
- LÂM NGỰC CĂNG TRÒN, MỀM MẠI, ĐẸP TỰ NHIÊN BẰNG NƯỚC BIỂN.
- CĂNG ĐUÔI MẮT, CĂNG DA MẮT CĂNG DA TRÁN, CĂNG DA BỤNG
- HÚT MỠ MẶT, MỠ CỔ, MỠ BỤNG MỠ HÔNG và MỠ ĐÙI.
- SỬA NGỰC ĐÃ CÓ CHẤT SILICON HAY BỊ UNG THƯ.
- CHÍCH VẾT NHĂN VÀ LÂM MÔI MỌNG LÊN BẰNG COLLAGEN, BOTOX hay BẰNG MỠ CỦA CHÍNH MÌNH
- CHÍCH THUỐC CHO TAN ĐƯỜNG GÂN MÁU Ở ĐÙI VÀ Ở CHÂN.

ĐẶC BIỆT:

- NHẬN SỬA LẠI TẤT CẢ CÁC TRƯỜNG HỢP ĐÃ BỊ HƯ.
 - MICROSURGERY
 - ENDOSCOPIC SURGERY
 - LASER SURGERY



NHẬT HẠ

**GIẢI PHẪU
THẨM MỸ**
toàn khoa cho
**PHÁI NAM
và NỮ**

"SẮC ĐẸP MANG LẠI CHO CHÚNG TA SỰ TỰ TIN VÀ YÊU ĐỜI".
MUỐN ĐẸP VÀ QUYẾN RŨ TỰ NHIÊN, xin liên lạc NHẬT HẠ

GIẢI PHẪU THẨM MỸ
(Crystal Beauty Clinic)

5421 W. FIRST St. # 7, Santa Ana, CA. 92703

TEL: (714) 265-5353

Pager: (714) 652-1781



Ánh Hồng

7 Courses of Beef Restaurant

10195 WESTMINSTER AVE. GARDEN GROVE, CA. 92643

Điện thoại: (714) 537-5230

CHÁNH GỐC CỒNG XE LỬA SỐ 8 PHÚ NHUẬN
SÁNG LẬP TỪ NĂM 1954

Chuyên môn thức ăn thuần túy Việt Nam
do chính chủ nhân Bà **Lê Văn Khá** trực tiếp điều khiển



CÁC MÓN ĐẶC BIỆT:

Bánh Hủ Bò Tôm Cuốn
Bánh Hủ Chạo Tôm
Cá Hấp, v.v...

CÁC MÓN ĂN KHAI VI

Chim Cút Quay
Càng Cua Bọc Tôm, v.v...



BEER & WINE



Nhiều Loại Nhập Cảng
Từ Pháp, Chí Lợi, Đức...



GIỜ MỞ CỬA:

7 NGÀY TRONG TUẦN

THỨ HAI ĐẾN THỨ NĂM: 4:00PM-9:30PM

THỨ SÁU & THỨ BẢY: 11:00AM-10:30PM

CHỦ NHẬT: 11:00AM-9:30PM

Gia Đình **ÁNH HỒNG** kính mời

SAN JOSE

1818 Tully Road # 150
San Jose, CA. 95122
(408) 270-1096

ORANGE COUNTY

10195 Westminster Ave.
Garden Grove, CA. 92643
(714) 537-5230

SAN FRANCISCO

808 Geary Ave
San Francisco, CA. 94109
(415) 885-5180

LOS ANGELES

8748 E. Valley Blvd. # A
Rosemead, CA 91770
(818) 572-9805

Khởi Hành

TẠP CHÍ SÁNG TÁC SINH HOẠT VĂN HỌC NGHỆ THUẬT

AN ARTS AND LITERARY REVIEW
PUBLISHED MONTHLY

VIÊN LINH
PUBLISHER, EDITOR - IN - CHIEF

mailing address:

P.O. BOX 670
MIDWAY CITY
CALIF. 92655

BULK RATE
U.S. POSTAGE PAID
WESTMINSTER, CA
PERMIT NO. 49

ELLY AVE
NORTH RIDGE CA 91325



Volume III, Number 33 ■ JULY 1999 ■ \$3.50

Dựa trên chìa khoá chân truyền của một danh nho,
Sau 30 năm (1968) khai mở quốc bảo Việt

VIỆT SỬ SIÊU LINH

biên khảo của
hạ long LƯU VĂN VINH

ĐÃ PHÁT HÀNH NGOÀI CÁC TIỆM SÁCH



Những tài liệu chưa từng tiết lộ về Sấm Trang Trình:

Nhân thập, Bạch sử, Phá điển

Sấm Van Hanh và Cơ Bút Liễu Hanh đã nói gì ?

Thiên phái Mật Tông ảnh hưởng thế nào trên

Sấm ký Tiên tri Phong thủy Tử Vi Việt Nam?

Nostradamus, Cayce, Malachy, Fatima, Dixon

Maya đoán gì về Đại Biến 1999-2000?

chi phiếu \$12 mỹ kim để Khởi Hành và gửi về

Khởi Hành: P.O. Box 670, Midway City, CA. 92655

200 trang

giá

\$ 9.75

+ \$ 2.25

hưu phí

gửi tới

nhà bạn